

THÍCH THẮNG GIẢI

BÁT CHÁNH ĐẠO HỮU LẬU

&

BÁT CHÁNH ĐẠO VÔ LẬU

LỜI THƯA

Giáo lý Bốn thánh đế là giáo pháp quan trọng nhất của những người học và tu tập theo lời dạy của Đức Phật. Cho dù chúng ta thuộc truyền thống Nguyên Thuỷ hay truyền thống Đại Thừa cũng đều tu học từ nền tảng giáo pháp này. Trong Bốn thánh đế thì đạo thánh đế gồm 37 pháp và thường được gọi là 37 phẩm trợ đạo. Trong đó thì Bát chánh đạo là căn bản nhất vì “*Bát chánh đạo gồm có hữu lậu và vô lậu*” (Trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Quảng Thuyết Bát Thánh Đạo*, số 785 và Trong kinh *Trung Bộ III, Đại Kinh bốn mươi*, do Hòa thượng Minh Châu dịch).

Trong kinh *Đại Thiên Nai Lâm, Trung A-hàm, số 67*, Đức Phật dạy: “*Nay Như Lai trao pháp Bát Chánh Đạo cho A Nan, thấy A Nan phải gìn giữ và trao truyền lại, để cho chánh pháp không bị diệt vong.*” Tiếp theo trong *Trường A-hàm*, Đức Phật dạy cho Ngài Tu-bat: “*Trong giáo pháp nào có Thánh đạo tám chi thì ở đó có quả vị Sa-môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư. Nay trong giáo pháp này có Thánh đạo tám chi nên có quả vị Sa-môn thứ nhất, quả vị Sa-môn thứ hai, thứ ba, thứ tư.*”

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Thánh Đạo, số 189*, Đức Phật dạy: “*Bậc Thánh hữu học thành tựu tám chi phần Bát Chánh Đạo; còn bậc Thánh vô học thành tựu mười chi, thêm hai chi nữa là chánh trí và chánh giải thoát.*”

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Lục Nhập Xứ, số 305*, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy: “*Khi tu tập tám Thánh đạo đã đầy đủ rồi thì bốn Niệm xứ cũng tu tập đầy đủ và*

*bốn Chánh cẩn, bốn Như ý túc, năm Cẩn, năm Lực, bảy
Bồ-đề phần cũng tu tập đầy đủ.”*

Theo Từ điển Phật học giải thích nghĩa hữu lậu là chảy mất, rò rỉ ra, phiền não, khổ đế - tập đế; vô lậu là không có sự rò rỉ, chảy ra, diệt đế - đạo đế. Theo đó, chúng ta biết rằng tất cả chúng ta đều có tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Tâm hữu lậu là sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế), hay nói gọn lại đó là sự tập khởi của vọng tâm, vọng niệm, tạp niệm, tâm sinh diệt; tâm vô lậu là tâm không sinh không diệt, hay chân tâm (đạo đế vô lậu).

Chính ý nghĩa đó nên tất cả phương pháp tu tập để chứng nghiệm từ hữu lậu cho đến vô lậu đều không ra ngoài tu tập giáo pháp Bát chánh đạo. Trong Bát chánh đạo, thì trong đó có năm chi thuộc về tâm là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định; còn ba chi còn lại thuộc về thân và khẩu là chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. Tiếp theo trong *Tiểu Kinh Phương Quảng, Trung Bộ I, số 44*, Đức Phật dạy: “*chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định là thuộc nhóm định, chánh kiến và chánh tư duy là thuộc nhóm tuệ, còn chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng là thuộc nhóm giới (thiện)*”. Có nghĩa rằng trong bát chánh đạo thì năm chi là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định gom lại thành hai nhóm là định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy), còn ba chi là chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng là thuộc nhóm giới. Do đó, chúng ta tu tập

bát chánh đạo trong giai đoạn hữu lậu hay vô lậu cũng chính là tu tập giới – định – tuệ, tức khiến cho tâm luôn an trú trong định và tuệ để dẫn sinh ra giới.

Bởi tu tập bát chánh đạo nên bậc thánh sơ quả đã đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Bậc thánh nhị quả làm giảm, mỏng tham, sân và si đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn. Bậc thánh tam quả đoạn trừ năm hạ phần kết sử, tức thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong dục giới. Bậc thánh A-la-hán đoạn trừ phiền não chướng (chấp ngã), thành tựu Niết-bàn hữu dư y và Niết-bàn Vô dư y. Đức Thế Tôn đã đoạn trừ phiền não chướng (chấp ngã) và sở tri chướng (chấp pháp) nên thành tựu Vô trụ xứ Niết-bàn. Chính ý nghĩa quan trọng này nên chúng ta cần phải nỗ lực tu tập Bát chánh đạo hữu lậu cho đến Bát chánh đạo vô lậu để chứng nghiệm các thánh quả.

Mùa Phật Đản PL 2566 – 15.05.2022

Với tất cả tấm lòng trân trọng,

Thắng Giải

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: TỬ THÁNH ĐẾ	5
CHƯƠNG 2: NỘI DUNG PHÁP 12 DUYÊN KHỐI	116
CHƯƠNG 3: NHÂN QUẢ VÀ NGHIỆP BÁO	141

CHƯƠNG 1: TÚ THÁNH ĐẾ

I. TÚ THÁNH ĐẾ VỚI BA LẦN VẬN CHUYỂN VỚI 12 HÀNH TƯỚNG

Chúng ta biết rằng, giáo lý tú thánh đế là một trong những nền tảng giáo lý quan trọng để học hỏi, tư duy và thực tập. Bởi vì nội dung của tú thánh đế đã bao hàm tất cả các phương pháp tu tập của hai truyền thống Nguyên Thuỷ và Đại Thừa. Chính ý nghĩa quan trọng đó nên trong Trung A-hàm, kinh Phân Biệt Tú Thánh Đế, Đức Phật và Ngài Xá-lợi-phất đã chỉ dạy như sau: Đức Thế Tôn bảo các Thầy Tỳ-kheo rằng: “*Đây là pháp được tuyên thuyết chân chánh vận hành, tức là bốn thánh đế. Trong quá khứ, các Đức Như Lai cũng có chánh pháp tối thượng này, tức là bốn thánh đế. Trong đời vị lai, các Đức Như Lai cũng có sự công bố chánh pháp tối thượng này, tức là bốn thánh đế. Trong đời hiện tại, ta là Như Lai cũng có sự công bố chánh pháp tối thượng này, tức là bốn thánh đế*”

(Trích Trung A-hàm, kinh Phân Biệt Tú Thánh Đế - Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch).

Trong kinh *Tượng Tích Dụ*, Ngài Xá-lợi-phất dạy:

“*Này Chư Hiền, nếu có vô lượng thiện pháp, thì tất cả các thiện pháp ấy đều thu nhiếp vào bốn Thánh đế, đi vào trong bốn thánh đế. Nghĩa là, trong tất cả pháp, bốn Thánh đế là tối thượng bậc nhất. Vì sao thế? Vì nhiếp thu tất cả các thiện pháp.*

“*Này Chư Hiền, cũng như trong các dấu chân của loài thú vật, dấu chân voi là bậc nhất. Vì sao thế? Vì dấu chân*

voi rất là to lớn vậy. Cũng vậy, này Chư Hiền, có vô lượng thiện pháp, thì tất cả các thiện pháp ấy đều thu nghiệp vào bốn Thánh đế, đi vào trong bốn Thánh đế. Nghĩa là trong tất cả pháp, bốn Thánh đế là tối thượng bậc nhất.”

Trong *Tập A-hàm*, Kinh *Chuyển Pháp Luân*, số 379, Đức Phật đã chuyển vận pháp luân Tứ Thánh Đế, ba lần với 12 hành tướng:

“Đây là Khổ Thánh đế, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhẫn, trí, minh, giác. Đây là Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, là vốn pháp chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, thì phát sanh nhẫn, trí, minh, giác.

“Lại nữa, đây là Khổ Thánh đế đã biết, cần phải biết, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhẫn, trí, minh, giác.

“Đây là Khổ tập Thánh đế đã biết, cần phải đoạn, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhẫn, trí, minh, giác.

“Lại nữa, đây là Khổ diệt Thánh đế đã biết, cần phải tác chứng; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhẫn, trí, minh, giác.

“Lại nữa, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, cần phải tu, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhẫn, trí, minh, giác.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, đây là Khổ Thánh đế đã biết, đã xuất, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhẫn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn, đã xuất; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãm, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã tác chứng, đã xuất; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãm, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, đã tu, đã xuất; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãm, trí, minh, giác."

"Thế nào là ba chuyển? Ba lần vận chuyển các chân đế, 12 hành tướng? Ba lần tác động 4 chân đế.

Thế nào gọi là chuyển? Vận chuyển pháp môn từ thánh đế này tiến vào trong thân tâm tương tục của người khác, vì khiến cho hiểu nghĩa". (Câu Xá Luận – Hoà Thượng Tuệ Sỹ dịch).

Ba lần với 12 hành tướng như sau:

Thị chuyển

"Đây là Khổ Thánh đế, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãm, trí, minh, giác. Đây là Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, là vốn pháp chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, thì phát sanh nhãm, trí, minh, giác.

Thị chuyển nghĩa là Đức Phật dạy: Đây là khổ thánh đế, tập thánh đế, diệt thánh đế và đạo thánh đế, chúng ta cần phải nhận thức đúng như thật về bốn chân lý này. Nhận thức đúng đắn về bốn thánh đế chính là chánh kiến của văn tuệ, đây là bước cản bản trước tiên của những

người học Phật. Chính là chúng ta nghe, đọc, dịch thuật và nghiên cứu lời dạy của Đức Phật qua các kinh điển. Tuy lời dạy của Đức Phật được kết tập lại trong hai truyền thống Nguyên Thuỷ và Đại Thừa nhưng nội dung chính yếu vẫn được thâu gọn vào trong giáo lý Tứ thánh đế. Vì vậy, Tứ thánh đế là giáo lý căn bản quan trọng nhất cho sự tu tập của tất cả người học Phật.

Bước căn bản đầu tiên của người học Phật là chúng ta cần nghe Phật pháp thật nhiều qua lời dạy của quý thầy, quý sư và quý sư cô, cũng như đọc các bộ kinh điển và những cuốn sách viết về Phật học. Việc học này sẽ bồi đắp cho chúng ta được một lượng kiến thức vững chắc về Phật học. Nhờ vậy, chúng ta mới có được nhận thức đúng đắn về bốn thánh đế. Đây chính là chánh kiến của văn tuệ.

Chúng ta nhận thức đúng đắn về bốn thánh đế: Đó là khổ thánh đế, tập thánh đế, diệt thánh đế và đạo thánh đế.

Nhận thức đúng đắn khổ thánh đế: Sinh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; thương yêu mà xa lìa là khổ; mong cầu không được là khổ; oan gia mà đối đầu hay những người mình không ưa mà gặp, gân gùi nêu khổ; tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

Nhận thức đúng đắn tập thánh đế: Vô minh, tham ái và chấp thủ năm thủ uẩn là nhân để dẫn sinh quả khổ của tất cả chúng sinh trong ba cõi. Sự sai biệt quả của chúng sinh trong ba cõi là vì sự sai biệt nhân.

Nhận thức đúng đắn diệt thánh đế: Tất cả chúng sinh hữu tình đều có tâm vô lậu nhưng vì bị năm thủ uẩn ngăn che và chướng ngại. Duy chỉ có Niết-bàn mới là hạnh phúc an lạc tuyệt đối. Chính vì ý nghĩa này nên các bậc

thánh nhân đã đoạn tận khổ đế - tập đế để đạt Niết-bàn hữu duy và Niết-bàn Vô duy.

Nhận thức đúng đắn đạo thánh đế: Đó là 37 pháp thuộc về đạo đế. Trong 37 pháp đạo đế thì bát chánh đạo là căn bản nhất. Bởi bát chánh đạo gồm có hữu lậu và vô lậu.

Từ nền tảng chánh kiến của văn tuệ sẽ đem lại cho chúng ta niềm vui trong việc học Phật Pháp. Chính niềm vui này rất cần thiết cho những người học đạo. Để rồi từ đó, chúng ta mới bước tới chánh kiến trong giai đoạn khuyến chuyển, tức tư tuệ.

Chúng ta học Phật pháp, không những cho đời này, mà nó còn làm nhân duyên cho những đời kế tiếp. Việc học này sẽ tiếp tục mãi cho đến khi thành tựu các bậc đại Bồ-tát và thành Phật. Nếu hiểu được như vậy, thì việc học Phật pháp mới có sự chuyên cần, vì việc học đó có mục đích cho hiện tại và tương lai.

Những người trong thế gian, họ học tập để có bằng cấp, nghề nghiệp, v.v.., rồi vào trong các công ty, v.v.., làm việc để nuôi sự sống của bản thân và những người thân. Thế nhưng, chúng ta là những người xuất gia thì đầu tiên phải lấy việc học Phật pháp để làm sự nghiệp căn bản. Nếu chúng ta không học Phật pháp thì lấy gì để làm tư lương cho mình và làm phương tiện chia sẻ Phật pháp cho người. Với ý nghĩa đó nên người xuất gia chúng ta cần phải học Phật pháp thật nhiều.

Trong nhiều đời quá khứ, nếu chúng ta đã từng học Phật pháp rồi, cho đến đời này lại tiếp tục học thì rất thích thú và đam mê. Nhưng nếu những ai trong quá khứ chưa

từng học Phật pháp nhiều, cho đến đời này mới bắt đầu học thì việc học này cần phải có sự cố gắng nhiều hơn nữa.

Tóm lại, dù người xuất gia hay người tại gia, chúng ta cần phải huân tập niềm vui trong việc học cũng như thảo luận Phật pháp. Vì chính nó sẽ làm nhân duyên để tiến tới trong việc thực hành và chứng nghiệm Phật pháp.

Khuyến chwyn

"Lại nữa, đây là Khổ Thánh đế đã biết, cần phải biết, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhẫn, trí, minh, giác.

"Đây là Khổ tập Thánh đế đã biết, cần phải đoạn, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhẫn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ diệt Thánh đế đã biết, cần phải tác chứng; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhẫn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, cần phải tu, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhẫn, trí, minh, giác."

Khuyến chwyn nghĩa là Đức Phật khuyên dạy: Đây là khổ thánh đế, tập thánh đế, diệt thánh đế và đạo thánh đế, chúng ta cần phải tư duy để hiểu rõ hơn. Đây chính là chánh kiến trong giai đoạn tư tuệ của chúng ta.

Chúng ta tư duy về khổ thánh đế: Sinh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; thương yêu mà xa lìa là khổ; mong cầu không được là khổ; oan gia mà đối đầu hay những người mình không ưa mà gặp, gân gùi nêu khổ;

tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Với ý nghĩa này nên chúng ta cần phải tư duy bốn thánh đế thật nhiều. Nhờ đó mới có được nhận thức đúng đắn về sự sinh tử khổ đau của mình và tất cả chúng sinh trong các giới loại. Chính chánh kiến này sẽ giúp cho chúng ta phát khởi tâm tu tập đạo thánh đế để đoạn trừ khổ thánh đế.

Chúng ta tư duy tập thánh đế: Vô minh, tham ái và chấp thủ năm thủ uẩn là nhân để sinh quả khổ trong ba cõi. Từ đó, chúng ta nhận thức rằng, sự sai biệt quả của tất cả chúng sinh trong ba cõi là vì sự sai biệt nhân. Nhờ chánh kiến này sẽ phát khởi tâm tu tập đạo thánh đế để đoạn trừ tập thánh đế.

Chúng ta tư duy diệt thánh đế: Tất cả chúng sinh hữu tình đều sẫn có tâm vô lậu nhưng vì bị năm thủ uẩn ngăn che và chướng ngại. Duy chỉ có tâm vô lậu mới hạnh phúc tuyệt đối. Khi có chánh kiến này, chúng ta mới ước muốn tu tập đạo thánh đế đoạn trừ khổ thánh đế và tập thánh đế để chứng diệt thánh đế, tức Niết-bàn.

Chúng ta tư duy đạo thánh đế: Đó là 37 pháp thuộc đạo thánh đế. Nhờ đó, chúng ta mới nhận thức rằng, chỉ có tu tập đạo thánh đế mới đem lại hạnh phúc cho chính mình và mọi người. Bởi các bậc thánh nhân trong quá khứ, hiện tại và tương lai đều tu tập đạo thánh đế nên các Ngài mới đạt các thánh quả như sơ quả, nhị quả, tam quả và tứ quả. Chính ý nghĩa này sẽ giúp cho chúng ta phát khởi tâm tu tập đạo thánh đế.

Với những ý nghĩa trên nên chúng ta cần phải phát khởi chánh kiến này thường trực ở trong tâm để quán chiếu và tư duy năm thủ uẩn của chính mình, mọi người,

mọi loài và tất cả chúng sinh đang còn lưu chuyển sinh tử trong ba cõi. Đây chính là chánh kiến của tư tuệ. Chánh kiến này rất quan trọng cho việc tu tập những bước tiến kế tiếp theo đó.

Chứng chuyển

"Lại nữa, Tỳ-kheo, đây là Khổ Thánh để đã biết, đã xuất; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhẫn, trí, minh, giác."

"Lại nữa, đây là Khổ tập Thánh để đã biết, đã đoạn, đã xuất; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhẫn, trí, minh, giác."

"Lại nữa, đây là Khổ diệt Thánh để đã biết, đã tác chứng, đã xuất; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhẫn, trí, minh, giác."

"Lại nữa, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh để đã biết, đã tu, đã xuất; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhẫn, trí, minh, giác."

Chứng chuyển là chứng nghiệm về bốn thánh đế. Cho nên, chúng ta phải tu tập bát chánh đạo hữu lâu và bát chánh đạo vô lâu để chứng nghiệm bốn thánh đế ở nơi chính mình. Bởi bậc thánh sơ quả đã chứng nghiệm bốn thánh đế nên đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Bậc thánh nhị quả đã chứng nghiệm bốn thánh đế nên đã làm giảm, mỏng tham, sân và si đối với khổ đế - tập đế. Bậc thánh tam quả đã chứng nghiệm bốn thánh đế nên đã đoạn trừ năm hạ phần kết sử, tức thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong dục giới. Các bậc thánh A-la-hán và các bậc Bồ-tát Bát Địa trở lên, hàng Bích Chi Phật đã

chứng nghiệm bốn thánh đế nên các Ngài đã đoạn trừ hoàn toàn phiền não chướng (chấp ngã). Duy chỉ có Đức Phật mới chứng nghiệm hoàn toàn bốn chân lý này nên Ngài đã đoạn trừ hoàn toàn phiền não chướng (chấp ngã) và sở tri chướng (chấp pháp).

Chính ý nghĩa này nên chúng ta cần phải tu tập để chứng nghiệm bốn thánh đế ở nơi chính mình. Để làm được điều đó, chúng ta cần phải nỗ lực tu tập, chứ không phải ở trên nhận thức. Vì chánh kiến của giai đoạn thi chuyển và khuyến chuyển chỉ là nhận thức đúng đắn về sự thật bốn thánh đế. Cho nên, chúng ta cần phải tu tập để chứng nghiệm bốn thánh đế. Đây chính là chánh kiến của giai đoạn chứng chuyển, tức tu tuệ của chúng ta. Chánh kiến này gồm chánh kiến hữu lậu và chánh kiến vô lậu.

Thế nào là chánh kiến hữu lậu thuộc chứng chuyển, tức tu tuệ?

Để có được chánh kiến hữu lậu thuộc tu tuệ thì chúng ta phải chọn một pháp môn để tu tập như niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu của một Đức Phật, một vị đại Bồ-tát, hoặc niệm một câu thần chú.

Ví dụ, khi chúng ta chọn đối tượng hơi thở vào ra để tu tập, thì chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, chánh định là an trụ nhất như ở nơi hơi thở vào ra, chánh kiến là nhận biết được chánh niệm và chánh định nơi hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức, tức năm thủ uẩn. Chính chánh kiến này là thuộc tu tuệ, chứ không phải là chánh kiến của văn tuệ và tư tuệ trước đó. Nhờ chánh kiến này nên chúng ta mới điều phục, đoạn trừ tham, sân và si nơi năm thủ uẩn (khổ đế -

tập đế). Từ đó, chúng ta mới có được hạnh phúc, an vui trong đời sống hiện tại và tương lai.

Thế nào là chánh kiến vô lậu thuộc chúng chuyển, tức tu tuệ?

Để có được chánh kiến vô lậu thuộc tu tuệ thì chúng ta cần phải tu tập bát chánh đạo hữu lậu, cho đến lãnh hội được chánh kiến vô lậu, tức tâm vô lậu. Khi lãnh hội được chánh kiến này, chúng ta mới đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên đạt thánh quả thứ nhất, tức Tu-đà-hoàn. Bậc thánh sơ quả tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu để nỗ lực tu tập làm voi mồng tham, sân và si nơi năm thủ uẩn nên đạt nhị quả, tức Tư-đà-hàm. Bậc thánh nhị quả lại tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu để nỗ lực tu tập đoạn trừ năm hạ phần kết sử, tức thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong dục giới nên đạt tam quả, tức A-na-hàm. Bậc thánh tam quả tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu để nỗ lực tu tập đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế (năm thủ uẩn) nên thành tựu quả vị A-la-hán. Đây chính là chánh kiến vô lậu thuộc chúng chuyển, tức tu tuệ của tứ thánh quả.

Với ý nghĩa như vậy, chúng ta không chỉ dừng trụ nơi chánh kiến của văn tuệ và tư tuệ, mà cần hướng đến tu tập để đạt được chánh kiến của tu tuệ. Nhờ đó, chúng ta có thể điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để đạt diệt thánh đế.

II. NỘI DUNG TỨ DIỆU ĐẾ

Tứ là bốn, diệu là cao quý, mầu nhiệm, đế là sự thật, chân lý. Tứ diệu đế còn được gọi là Tứ chân đế, Tứ thánh đế, tức bốn chân lý chân thật.

1. Khổ Thánh Đế (tám thứ khổ)

"Này chư hiền, thế nào là khổ thánh đế? Đó là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán tăng hội khổ, ái biệt ly khổ, sở cầu không toại là khổ. Tóm lại, 5 thủ uẩn là khổ" (Kinh Phân Biệt Tứ Thánh Đế, Trung A-Hàm).

Sinh là khổ

"Này chư hiền, nói sinh là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Ngày chư hiền, sinh là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, sanh thì sanh, xuất hiện thì xuất hiện, hình thành thì hình thành, hiện khởi năm uẩn đã có mang căn. Như vậy gọi là sanh" (Kinh Phân biệt Tứ thánh đế, Trung A-hàm).

Bởi vì tất cả chúng sinh đều do nghiệp thiện ác (nhân) để hình thành thân năm thủ uẩn (quả) khả ái hay không khả ái. Đây chính là cái khổ lưu chuyển sinh tử của chúng sinh trong các giới loại.

Năm thủ uẩn của chúng ta không có gì là hạnh phúc. Vì sắc uẩn là pháp do bốn đại tạo thành nên vô thường và rất dễ tan hoại. Còn sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức là pháp hữu lâu. Tất cả các pháp hữu lâu đều có tính chất là khổ.

Hiểu được ý nghĩa này, chúng ta mới tu tập Đạo Thánh đế để đoạn trừ khổ đế - tập đế, chứng nghiệm Diệt Thánh

đế. Duy chỉ có Diệt Thánh đế (tâm vô lậu) mới là hạnh phúc, an lạc chân thật. Bởi các bậc thánh A-la-hán đã chứng nghiệm Diệt Thánh đế, nên các Ngài đã chấm dứt phần đoạn sinh tử. Từ đó, các Ngài không còn do nghiệp sinh thân, mà từ nơi định vô lậu và nguyện lực để sinh thân trong ba cõi và giáo hóa chúng sinh.

Chính ý nghĩa sinh tử khổ đau trong các giới loại như vậy nêu trong kinh Mẫu Nhũ, Đức Phật dạy:

"Phật nói với các Tỳ-kheo: Sữa mẹ mà các ngươi đã uống trong vòng sinh tử còn nhiều hơn nước sông Hằng và nước bốn biển lớn. Vì sao? Các ngươi đã từng hoặc sinh trong loài voi, uống sữa mẹ vô lượng, vô số; hoặc sinh làm lạc đà, ngựa, trâu, lừa v.v... các loài cầm thú uống sữa mẹ vô lượng vô số. Các ngươi đã từng bỏ thân nơi gò mả, máu mủ cũng tuôn chảy vô lượng; hoặc đọa địa ngục, ngã quỷ, suúc sanh, máu tủy tuôn chảy cũng như vậy."

"Này các Tỳ-kheo, các ngươi sanh tử từ vô thủy đến nay, chẳng biết biên tế của khổ"".

(*Tập A-hàm*, kinh Mẫu Nhũ, số 1320, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch)

Cho nên, trong *Kinh Thế Kỷ*, *Trường A-hàm*, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy tuổi thọ của các quốc độ có sự khác nhau như sau:

"Tuổi thọ của người Diêm-phù-đê (Nam thiện bội châu) là một trăm năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của người Câu-da-ni (Tây ngưu hóa châu) là hai trăm năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của người Phất-vu-đãi (Đông thăng thần châu) là ba trăm năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới.

Tuổi thọ của người Uất-đan-viết (Bắc cô lô châu) là một nghìn năm, không có tăng hay giảm. Tuổi thọ của ngựa quý là bảy vạn năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của loài rồng và Kim-sí-điểu là một kiếp hoặc có giảm đi. Tuổi thọ của A-tu-la là một nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Tứ thiên vương là năm trăm năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Dao-lợi thiên là một nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Diệm-ma thiên là hai nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Đâu-suất thiên là bốn nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Hóa tự tại thiên là tám nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Tha hóa tự tại thiên là sáu nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Phạm-ca-di thiên là một kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Quang âm thiên là hai kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Biển tịnh thiên là ba kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Quả thật thiên là bốn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô tướng thiên là năm trăm kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô tạo thiên là một nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô nhiệt thiên là hai nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Thiện kiến thiên là ba nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Đại Thiện kiến thiên là bốn nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Sắc cứu cánh thiên là năm nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Không vô biên xứ thiên là một vạn kiếp hoặc có giảm bớt.

Tuổi thọ của Thức vô biên xứ thiêん là hai vạn một nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô sở hữu xứ thiêん là bốn vạn hai nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Phi tưởng phi phi tưởng thiêん là tám vạn bốn nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Trong giới hạn ấy được gọi là chúng sinh; trong giới hạn ấy được gọi là tuổi thọ; trong giới hạn ấy được gọi là thế giới; trong giới hạn ấy là sự luân chuyển của tập hợp uẩn, xứ, giới, qua lại trong các cõi, sinh, già, bệnh, chết."

Già là khổ

"Này chư hiền, nói già là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Nay chư hiền, già nghĩa là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, kẻ kia trở nên già yếu, đầu bạc răng rụng, sự cường tráng ngày càng suy yếu, thân cong, chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, phải chống gậy mà đi, thịt rút, da nhăn, xù xì như cây gai, các cắn hú hoại, nhan sắc xấu xí. Như vậy gọi là già.

Này chư hiền, già là khổ, là chúng sanh khi già thân tâm nghiệp thọ khổ, nghiệp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện" (Kinh Phân Biệt Tứ Thánh Đế, Trung A-hàm).

Già là khổ, đây là một sự thật được diễn ra ở nơi thân thể của mỗi chúng ta và không một ai có thể vượt ra khỏi sự thật này. Khi thấu hiểu được điều đó, chúng ta mới biết quý trọng thân thể của chính mình. Để rồi dành trọn thời gian cho việc học đạo và tu đạo. Cho nên, chúng ta mới có một đời sống tốt đẹp, lành mạnh cho hiện tại và tương lai.

Bệnh là khổ

“Này chư hiền, nói bệnh là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Ngày chư hiền, bệnh là đau đớn, mắt đau, tai đau, mũi đau, mặt đau...”

Này chư hiền, bệnh khổ là: chúng sanh khi bệnh thì thân tâm nghiệp thọ khổ, nghiệp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện”. (Kinh Phân Biệt Tứ Thánh Đế, Trung A-hàm).

Bệnh là khổ, đây là một sự thật sẽ xảy ra ở nơi thân thể của chính mình và mọi người. Nhận thức được điều này là để biết quý trọng, gìn giữ sức khoẻ của bản thân mình. Cho nên, chúng ta cần phải học hỏi về chế độ ăn uống, ngủ nghỉ và làm việc cho đúng với khoa học. Bởi khi bệnh, thân tâm rất khổ đau, lo lắng và sợ hãi, nên chướng ngại cho việc tu học của chính mình.

Chết là khổ

“Này chư hiền, nói chết là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Ngày chư hiền, chết là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, mang chung, vô thường, chết chôn, tan rã, tuổi thọ chấm dứt, hủy hoại, mang căn bế tắc, như vậy gọi là chết.”

Này chư hiền, chết là khổ. Đó là chúng sanh khi chết thân tâm nghiệp thọ khổ, nghiệp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện”.

(Kinh Phân Biệt Tứ Thánh Đế, Trung A-hàm).

Chết là khổ, vì khi chết các căn biến hoại, sáu chuyển thức không hoạt động. Khi ấy chỉ nương vào hữu, tức nghiệp thiện ác trong thức thứ tám để dẫn sinh chúng ta

sinh vào trong các giới loại. Đây chính là cái khố của sự lưu chuyển sinh tử khố đau.

Khi nói đến cái chết, chúng ta đều có sự lo lắng và sợ hãi, vì chính mình không thể biết được rồi sẽ sinh về nơi đâu. Trong khi đó, chúng ta phải bỏ hết tất cả người thân yêu và sự nghiệp của chính mình. Cho nên, khi chúng ta suy nghĩ về điều này sẽ sinh tâm lo lắng và sợ hãi.

Bởi pháp gì đã có sinh, tất sẽ đi đến hoại diệt. Đây là một sự thật của tất cả pháp hữu vi. Do hiểu được ý nghĩa này nên chúng ta mới tu tập Đạo Thánh để đoạn trừ Khổ thánh đế và Tập thánh đế, để chứng nghiệm Diệt thánh Đế.

Để bớt sự lo lắng, sợ hãi của sự chết, điều cần bản trước nhất là phải tu tập các thiện pháp. Sau đó, chúng ta phải kiến đế, tức lãnh hội được tâm vô lậu, thì mới không có sự lo lắng, sợ hãi đối với sự chết. Bởi khi kiến đế, chúng ta có được nhận thức đúng đắn về bốn thánh đế, nên không còn tạo nghiệp bất thiện để dẫn sinh vào trong ba đường ác, tức địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Vì ấy chỉ còn lại thời gian tối đa bảy lần qua lại giữa các cõi trời và nhân gian tu tập để thành tựu quả vị A-la-hán.

Khi chúng ta lâm chung thì các căn bắt đầu biến hoại, sáu chuyển thức không tập khởi, duy chỉ tồn tại hai thức là thức thứ tám và thức thứ bảy. Lúc đó nương vào hữu, tức chúng tử thiện và bất thiện trong thức thứ tám làm nhân để dẫn sinh chúng ta đi vào trong các giới loại. Cho nên, khi chúng ta chết chính là xả bỏ báo thân (bốn đai) của nghiệp cũ để tiếp nối báo thân khác của nghiệp mới. Vì vậy, giai đoạn chúng ta chết chính là thời gian khởi điểm

để chuyển sinh một báo thân mới, tức năm thủ uẩn tương lai.

Trong những sát-na cuối cùng khi xả bỏ báo thân (bốn đại) hiện tại để tiếp nối với những sát-na kế tiếp để chuyển sinh một báo thân mới trong tương lai, thì đều y tựa vào chủng tử thiện ác trong bản thức làm nhân (hữu chi tập khí). Bởi thức thứ tám chấp thủ thân căn, chủng tử và y xứ. Cho nên khi thức thứ tám xả bỏ báo thân (bốn đại) hiện tại hoàn toàn thì gọi là chết; rồi ngay lúc ấy lại y tựa chủng tử thiện ác trong thức này làm nhân (hữu chi tập khí) để tiếp nối một báo thân khác trong các giới loại thì gọi là sinh. Như vậy, chết chính là để sinh, tức xả bỏ báo thân cũ để tiếp nhận báo thân mới.

Bởi thức thứ tám có tính hằng chuyển nên không phải đoạn cũng không phải thường hằng. Chính chủng tử thiện ác trong thức thứ tám làm nhân cho bảy chuyển thức tập khởi và hình thành báo thân của chúng ta. Với ý nghĩa này nên chúng ta đã từng sinh ra đời, rồi tồn tại theo nhân duyên, sau đó đã chết đi hàng triệu triệu lần. Tuy sự sống chết của báo thân và các chuyển thức tập khởi, sinh diệt theo các nhân duyên như vậy, nhưng thức thứ tám vẫn hằng chuyển không gián đoạn. Bởi nó làm nền tảng căn bản cho các chuyển thức hiện hành và hình thành báo thân của tất cả chúng sinh trong các giới loại.

Bởi sự sinh tử tiếp nối tương tục như vậy, cho nên chúng ta nỗ lực tu học là để khi chết có thể sinh vào thế giới an vui, hạnh phúc, vi diệu hơn thế giới loài người này.

Thương yêu mà xa lìa là khổ

"Này chư hiền, nói ái biệt ly khổ; nói thế là vì lẽ gì? Ngày chư hiền, ái biệt ly khổ, đó là chúng sanh thật có sáu xứ bên trong: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ vốn khả ái, nhưng chúng phân tán thành khác biệt, không tương ứng, biệt ly không tụ hội, không gắn bó, không tập hợp, không hòa hợp, đó là khổ. Cũng vậy, các ngoại xứ: xúc, thọ, tưởng, tư ái cũng vậy.

Này chư hiền, ái biệt ly khổ nghĩa là chúng sanh khi xa cách nhau, thân tâm nghiệp thọ khổ, nghiệp thọ toàn diện, cảm thọ, cảm thọ toàn diện". (Kinh Phân Biệt Từ Thánh Đế, Trung A-hàm).

Thương yêu mà xa lìa là khổ, có hai ý nghĩa: Một là vì một điều kiện gì đó xảy đến với thân thể của mình đã làm khuyết đi một phần nơi cơ thể. Ví như bị hỏng một cái răng, v.v...nên dẫn sinh khổ đau; Hai là vì điều kiện công việc học tập, làm việc, v.v.. khiến chúng ta phải xa người mình thương quý nên tâm dẫn sinh khổ đau.

Nhờ nhận thức được điều đó nên chúng ta cần phải tu học để khi có những sự kiện như thế xảy ra thì mới có thể làm giảm bớt được phần nào sự đau khổ.

Mong cầu không được là khổ

"Này chư hiền, nói sở cầu không toại là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Ngày chư hiền, nghĩa là chúng sanh lệ thuộc vào sanh pháp, không thể xa lìa sanh pháp, nhưng lại ước muốn rằng: Mong tôi không sanh ra, điều ấy quả thật không thể muốn mà được. Với sự già, sự chết, sự u sầu, buồn lo mà ước muốn rằng: Mong tôi không có buồn lo.

Điều ấy không thể muốn mà được". (Kinh Phân Biệt Tứ Thánh Đế, Trung A-hàm).

Chúng ta ước muốn được thành tựu những điều kiện như tiền bạc, cơ sở vật chất, địa vị, cũng như nhận được sự yêu quý từ những người khác v.v... nhưng không được như ý muốn nên sinh tâm buồn khổ.

Tiếp nữa, bởi vì chúng ta đã sống với tâm hữu lậu thiện ác nên phải lệ thuộc vào sự sinh, già, bệnh và chết, ưu, bi, khổ não. Cho nên khi chúng ta muốn đừng bị sinh, bị già, bị bệnh và bị chết; những điều này không thể mong muốn mà được nên tâm dẫn sinh khổ.

Khi có chánh kiến như vậy, chúng ta mới phát tâm tu tập Đạo Thánh đế để điều phục, đoạn trừ Khổ Thánh đế - Tập Thánh đế, chứng nghiệm Diệt Thánh đế.

Oán gia mà đối đầu, hay những người mình không ưa mà gắp, gần gũi nêu khổ

"Này chư hiền, nói oán tảng hội là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Ngày chư hiền, oán tảng hội nghĩa là chúng sanh thật có sáu nội xứ: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ vốn không khả ái mà chúng cùng tụ hội ở một chỗ có sự gắn bó, hòa hợp, tập họp. Sự hòa hợp ấy là khổ. Cũng vậy, các ngoại xứ: Xúc, thọ, tưởng, tư ái cũng lại như vậy.

Này chư hiền, oán tảng hội là khổ, đó là chúng sanh khi có sự tụ hội của những oán ghét, thân tâm nghiệp thọ khổ, nghiệp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện" (Kinh Phân Biệt Tứ Thánh Đế, Trung A-hàm).

Bởi nghiệp bất thiện trong quá khứ khiến dẫn sinh năm thủ uẩn (quả) của chúng ta trong hiện tại không được khả ái nên tâm dẫn sinh khổ đau.

Cũng vậy, khi chúng ta gần gũi với những người mà mình không ưa, cũng như mắt nhìn thấy các sắc, tai nghe các âm thanh, mũi ngửi các hương, lưỡi nếm các vị, thân xúc chạm các vật không vừa ý nên sinh tâm ưu sầu khổ não.

Nhờ chánh kiến đó nên chúng ta phải tu tập đao thánh để để điều phục, đoạn trừ khổ để - tập để để chứng nghiệm diệt thánh để trong hiện tại cũng như trong tương lai.

Năm thủ uẩn là khổ

“Này chư hiền, nói lược năm thủ uẩn là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Đó là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Ngày chư hiền, vì lẽ ấy mà nói năm thủ uẩn là khổ.”

Vì nhân duyên gì lược nói toàn bộ năm thủ uẩn là khổ? Năm thủ uẩn chuyển động vô thường, mệt nhọc, suy yếu, là pháp tan hoai, thay đổi không ngừng, hư hoại, mục nát, không còn mãi, không thể tin cậy, là pháp biến hoại, có tăng có giảm, tạm trụ rồi nhanh chóng diệt, trước không nay có, có rồi hoàn không. Do nhân duyên này lược nói toàn bộ năm thủ uẩn là khổ.” (Pháp Uẩn Túc Luận).

Tuy nói sinh, lão, bệnh, tử, thương yêu mà xa lìa, mong cầu không được, oan gia mà đối đầu là khổ; nhưng tất cả cũng chính là năm thủ uẩn của chính mình và tất cả chúng

sinh. Vì sao năm thủ uẩn là khổ? Bởi năm thủ uẩn là pháp duyên sinh nên vô thường, khổ và phi ngã.

Nhờ có chánh kiến đó nên chúng ta nỗ lực tu tập đạo thánh để để đoạn trừ khổ thánh để - tập thánh để và chứng nghiệm diệt thánh để.

Năm thủ uẩn

Năm uẩn hay năm ấm. Uẩn là tập hợp, tụ hợp, tích hợp, nhóm; ấm là ngăn che, che phủ.

Sắc uẩn

Đó là yếu tố vật chất bao gồm: địa, thủy, hỏa, phong. Tóm lại, pháp gì do bốn đại tạo thành cũng được bao gồm trong sắc uẩn.

Thọ uẩn

Thọ là nhóm cảm giác gồm khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ (đó là cảm giác không vui không khổ).

Tưởng uẩn

"Tưởng, tự tính của nó là tiếp thu ảnh tượng nơi đối tượng. Chức năng của nó là quy ước các loại danh ngôn khác nhau. Nghĩa là, cần phải ấn định hình thái giới hạn của đối tượng mới có thể tùy theo đó phát khởi các danh ngôn khác nhau". (Luận Thành Duy Thức).

"Phạm-chí thưa với Đức Thế Tôn: Là một tưởng (tưởng tập khởi từ năm thủ uẩn tập khởi), hay nhiều tưởng?

Phật nói: Có một tưởng. Không có nhiều tưởng.

Phạm-chí lại thưa: Trước có tưởng sinh sau đó mới trí (trí không phân biệt nên không sinh diệt)? Hay trước có trí

sinh sau đó mới tưởng? Hay tưởng và trí cùng sinh một lượt?

Phật dạy: Trước có tưởng sinh, sau đó mới trí. Do tưởng mà có trí."

(Trích Trường A-hàm, Kinh Bố-Tra-Bà-Lâu, số 28, Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch).

"Này các Tỳ-kheo, có ba pháp bất thiện: đó là tham, nhuế, hại. Ba pháp này là do tưởng mà sanh khởi. Thế nào là tưởng? Tưởng có vô lượng thứ: Tham tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng... Các pháp bất thiện từ đây mà sanh khởi".

(Trích Tập-hàm, kinh Trách Chư Tưởng, số 272, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch).

Tưởng là tâm sở, cho nên tưởng không thể sinh khởi độc lập mà không có thọ, hành và thức. Nghĩa là một khi tưởng tập khởi, tức năm thủ uẩn sẽ tập khởi. Vì vậy, tham tưởng, sân tưởng và hại tưởng tập khởi, thì chúng đều có đối tượng của chính nó.

Ví dụ: khi tâm của chúng ta yêu thích nhìn ngắm vườn hoa huệ, hoặc vườn hoa hướng dương, thì tâm yêu thích là tâm hành, còn khi chúng ta gọi tên là vườn hoa huệ, hay vườn hoa hướng dương thì đó chính là chức năng của tưởng; các sự vật, sự kiện khác cũng đều mang ý nghĩa như vậy. Cũng như sân là tâm hành bất thiện, nhưng người mà chúng ta sân có tên là gì, thì đó là chức năng của tưởng. Hoặc hại là tâm hành bất thiện, nhưng người mà chúng ta hại có tên là gì, hay vật tên gì, thì đó là chức năng của tưởng.

Hành uẩn

“Này các Tỳ-kheo thế nào là hành? Có sáu tư thân: tư sắc, tư thanh, tư hương, tư vị, tư xúc và tư pháp. Đây gọi là hành”. (Tương Ưng Bộ Kinh).

Hành chính là tư, tư là động lực quyết định, là ý muốn để dẫn tâm theo hướng thiện, hay bất thiện.

Tư gồm có thẩm tư lự, quyết định tư và phát động tư.

Hành uẩn ở đây là các tâm hành thiện và bất thiện có tính chất tạo nghiệp, để dẫn đến quả báo của nghiệp.

Hành uẩn là những tâm hành thuộc tâm sở. Duy thức chia thành 51 tâm sở bao gồm cả thọ và tưởng.

Trong *Trung A-hàm, Kinh Đại Câu-Hy-La*, số 211, do Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch có đề cập việc Tôn giả Đại Câu-Hy-La dạy thọ, tưởng và tư hợp nhất không riêng biệt như sau: “*Thọ, tưởng, tư, ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt. Không thể thi thiết ba pháp này là riêng biệt. Vì sao? Những gì được cảm thọ bởi thọ, cũng được tưởng bởi tưởng, được tư bởi tư. Cho nên nói ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt, và không thể thi thiết ba pháp này riêng biệt.*”

Thức uẩn

Theo *Duy Thức*, thức có tám loại: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, thức thứ bảy và thức thứ tám. Thức là nền tảng của thọ, tưởng và hành. Thức là tâm vương, thọ, tưởng, hành là tâm sở. Tâm vương và tâm sở được ví như mặt trời và ánh sáng. Tâm vương ví cho mặt trời, tâm sở ví cho ánh sáng.

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc*, số 210, do Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch có đề cập việc bà Ưu-bà-di Tì-

xá-khu hỏi Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc như sau: “*Uẩn nói là thủ uẩn, thủ uẩn nói là uẩn. Uẩn tức là thủ uẩn, hay thủ uẩn tức là uẩn? Uẩn khác với thủ uẩn chăng?*”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: “*Hoặc uẩn tức là thủ uẩn. Hoặc uẩn chăng phải là thủ uẩn. Thế nào là uẩn tức là thủ uẩn? Sắc hữu lậu, được chấp thủ; thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu, được chấp thủ, nói uẩn tức là thủ uẩn.*

“*Thế nào nói uẩn tức chăng phải là thủ uẩn? Sắc vô lậu, không bị chấp thủ, nói uẩn chăng phải là thủ uẩn.*”

2. Tập Thánh Đế

Trong các kinh, Đức Phật đều dạy: Vô minh, tham ái và chấp thủ năm thủ uẩn là nhân để dẫn sinh quả khổ của tất cả chúng sinh trong các giới loại. Vì thế, tập đế là nhân và khổ để là quả.

“*Cái gì là ái tập khổ tập thánh đế? Nghĩa là chúng sanh thật có sáu xứ tham ái bên trong: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ. Trong đó nếu có ái, có cẩu bẩn, có ô nhiễm, có đắm trước, đó gọi là tập.*

“*Này chư hiền, chúng sanh quả thật có sáu giới tham ái: Đất, nước, lửa, gió, hư không, thức giới, trong đó nếu có ái, có cẩu bẩn, có ô nhiễm, có trước, đó gọi là tập.*”

(Kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế*, Trung A-hàm).

Vô minh, tham ái và chấp thủ năm thủ uẩn là nhân để dẫn sinh khổ để (quả). Nhân và quả này làm nhân duyên cho nhau để tập khởi và không tách rời nhau.

Nhân - quả gồm có: Nhân - quả đồng thời và nhân - quả khác thời. Trong nhân - quả khác thời gồm: hiện báo, sinh báo và hậu báo.

Chính vô minh, tham ái và chấp thủ làm nhân để dẫn chúng sinh lưu chuyển trong các giới loại. Chính sự sai biệt quả (khổ đế) là do sự sai biệt nhân (tập đế). Cho nên, khi chúng ta sống với năm thủ uẩn là sống với Khổ đế - Tập đế. Bởi Khổ đế và Tập đế là pháp duyên sinh nên tập khởi, chuyển động trong từng ý niệm.

Chúng ta là những người xuất gia tu đạo thì phải tu tập đạo đế để đoạn trừ khổ đế - tập đế, chứng nghiệm diệt đế nơi chính mình. Đây mới là hạnh phúc chân thật.

3. Diệt Thánh Đế

Diệt đế là Niết-bàn, là sự vắng mặt hoàn toàn khổ đế và tập đế (sự tập khởi của năm thủ uẩn).

Niết-bàn còn được gọi với nhiều danh từ như: Vô sanh, vô vi, vô lậu, giải thoát, tịch tĩnh, chân như, thật tướng, pháp thân v.v..

Trong Kinh Tăng Nhất A-hàm, Phẩm 30, kinh số 1, Đức Phật dạy: “*Vô lậu là Niết bàn.*”

Theo Luận Thành Duy Thức giải thích về ý nghĩa sai biệt của Niết-bàn có bốn:

- “*Tự tính Niết-bàn: Tất cả chúng sinh hữu tình vốn sẵn có tự tính Niết-bàn, tức tâm vô lậu.*
- *Niết-bàn hữu duy: Chỉ cho bậc thánh A-la-hán đã đoạn tận hoàn toàn tập đế, nhưng sở y của khổ đế còn mờ nhạt chưa đoạn diệt.*

- *Niết-bàn vô duy*: Chỉ cho bậc thánh A-la-hán đã đoạn tận hoàn toàn khổ đế - tập đế nên không còn duy y.
- *Vô trụ xứ Niết-bàn*: Vì Đức Thế Tôn đã đoạn trừ hoàn toàn phiền não chướng (chấp ngã) và sở tri chướng (chấp pháp) nên đạt Vô trụ xứ Niết-bàn”.

Trong Trung A-hàm, Kinh Phân Biệt Tứ Thánh Đế, Đức Phật dạy: “*Này chư hiền, thế nào là ái diệt khổ diệt thánh đế? Nghĩa là chúng sanh thật có sáu xứ tham ái bên trong: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý xứ. Chúng sanh ấy giải thoát, không nhiễm, không đắm trước, đoạn bỏ hoàn toàn vô dục, diệt tận, tịch tĩnh; đó gọi là khổ diệt.*”

Tất cả chúng sinh hữu tình đều sẵn có tâm vô lậu, đây là một chân lý. Vì nếu chúng ta không có tâm vô lậu thì làm sao có thể đoạn trừ được tâm hữu lậu, tức khổ đế - tập đế để thể nhập được Niết-bàn.

Bởi lãnh hội được tâm vô lậu nên bậc thánh sơ quả đã đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Bậc thánh nhị quả đã làm giảm, mỏng tham, sân và si đối với khổ đế - tập đế. Bậc thánh tam quả đã đoạn trừ năm hạ phần kết sử, tức thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong dục giới. Cả ba bậc thánh này thuộc hàng hữu học nên chưa đạt được Niết-bàn. Duy chỉ có bậc thánh A-la-hán (Thanh Văn Thừa), hàng Độc Giác (Duyên Giác Thừa) và hàng Bồ-tát Bát Địa trở lên (Bồ-tát Thừa) mới đạt được Niết-bàn, vì các Ngài đã đoạn tận khổ đế - tập đế (phiền não chướng). Đây chính là các bậc thánh vô học của ba thừa.

4. Đạo Thánh Đế

Đạo đế bao gồm 37 pháp (thường gọi là 37 phẩm trợ đạo); Trong 37 pháp thì tám Thánh đạo là căn bản của đạo đế, sẽ thâu tóm ý nghĩa của các đạo đế còn lại như tú niêm xứ, tú chánh cần, tú như ý túc, ngũ căn, ngũ lực và thắt giác chi.

Trong Tập A-hàm, kinh Lục Nhập Xứ, số 305, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy: “*Khi tu tập tám Thánh đạo đã đầy đủ rồi thì bốn Niệm xứ cũng tu tập đầy đủ và bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Bồ-đề phần cũng tu tập đầy đủ.*”

Tám Thánh đạo là con đường thánh có tám yếu tố hay tám thành phần. Tám yếu tố này đã tạo thành con đường để thành tựu tú thánh quả.

Trong Kinh Đại Thiên Nại Lâm, Trung A-hàm, số 67, Đức Phật dạy: “*Nay Như Lai trao pháp Bát Chánh Đạo cho A Nan, thấy A Nan phải gìn giữ và trao truyền lại, để cho chánh pháp không bị diệt vong.*”

Trong Trường A-hàm, Đức Phật dạy cho Ngài Tu-bat: “*Trong giáo pháp nào có Thánh đạo tám chi thì ở đó có quả vị Sa-môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư. Nay trong giáo pháp này có Thánh đạo tám chi nên có quả vị Sa-môn thứ nhất, quả vị Sa-môn thứ hai, thứ ba, thứ tư.*”

Tiếp theo ý nghĩa trên, trong Tăng Nhất A-hàm, phẩm Tám nạn, kinh số 3, Đức Phật dạy: “*Ta không thấy ai là Sa-môn, Bà-la-môn. Trong các đại chúng nào mà không có tám đạo Hiền thánh thì ở đó không có bốn quả Sa-môn. Nay Tu-bat, đó gọi là thế gian trống rỗng, không có ai là*

chân nhân đắc đạo. Trong đạo Hiền thánh nào có pháp Hiền thánh thì ở đó có bốn kết quả Sa-môn. Vì sao vậy? Sở dĩ có bốn kết quả Sa-môn là do có tám phẩm đạo Hiền thánh. Nay Tu-bat, nếu như Ta mà không đắc đạo Vô thượng chánh禅, ấy là do không có tám phẩm đạo Hiền thánh. Do có tám phẩm đạo Hiền thánh nên Ta mới thành Phật đạo. Cho nên, Tu-bat, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu đạo Hiền Thánh."

Trong Trung A-hàm, kinh Thánh Đạo, số 189, Đức Phật dạy: "Bát Thánh hữu học thành tựu tám chi phần Bát Chánh Đạo; còn bát Thánh vô học thành tựu mười chi, thêm hai chi nữa là chánh trí và chánh giải thoát."

Nội dung tám chi phần của bát chánh đạo:

Chánh kiến

Chánh kiến là biết rõ chánh kiến và tà kiến, chánh tư duy và tà tư duy, chánh ngữ và tà ngữ, chánh nghiệp và tà nghiệp, chánh mạng và tà mạng, chánh tinh tấn và tà tinh tấn, chánh niệm và tà niệm, chánh định và tà định.

Trong Trung A-hàm, kinh Đại Câu-hi-la, số 29, do Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Đại Câu-hi-la:

"Này Hiền giả Đại Câu-hi-la, có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến?

Tôn giả Đại Câu-hi-la trả lời rằng: "Có vây, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Đó là có Tỳ-kheo biết bất thiện và biết cẩn của bất thiện.

Đó là có Tỳ-kheo biết thiện và biết cẩn của thiện.

Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về lậu, biết như thật về tập của lậu, diệt của lậu và diệt đạo của lậu.

“Thế nào là biết như thật về lậu? Có ba lậu là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Đó là biết như thật về lậu.

“Thế nào là biết như thật về tập của lậu? Do vô minh mới có lậu. Đó là biết như thật về tập của lậu.

“Thế nào là biết như thật về diệt của lậu? Do vô minh diệt thì lậu diệt. Đó là biết như thật về diệt của lậu.

“Thế nào là biết như thật về diệt đạo của lậu? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho tới chánh định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của lậu.

“Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo biết như thật về lậu, biết như thật về tập của lậu, diệt của lậu và diệt đạo của lậu như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến.

Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo.”

Trong *Tăng Nhất A-hàm*, Phẩm Hữu Vô, kinh số 10, do Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy: “*Có hai nhân, hai duyên khởi lên chánh kiến. Những gì là hai? Nhận pháp giáo hóa, bên trong tư duy chỉ quán. Tỳ-kheo, đó gọi là có hai nhân, hai duyên này khởi lên chánh kiến.*”

Trong *Trung A-hàm*, kinh Đại Câu-Hy-La, số 211, do Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch, Tôn giả Đại Câu-hy-la trả lời với Tôn giả Xá-lợi-phất: “*Có hai nhân, có hai duyên sanh chánh kiến. Những gì là hai? Một là duyên từ người khác, hai là nội tâm tư duy. Đó là có hai nhân, có hai duyên sanh chánh kiến.*”

Trong *Trung A-hàm*, Kinh *Phù-Di*, số 173, do Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy:

"Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn chánh kiến, chánh kiến kiên định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh nên tất sẽ chứng quả. Không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, thì tất sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối."

Trong *Trung Bộ Kinh*, Kinh *Phù-di*, số 126, do Hoà thượng Thích Minh Châu dịch, Đức Thế Tôn dạy:

"Này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì có sao? Đây là phương pháp, này Bhumija, để đạt được quả vị."

Chánh kiến gồm có chánh kiến thuộc văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ.

Thế nào là chánh kiến thuộc văn tuệ?

Chánh kiến thuộc văn tuệ đó là nhận thức đúng đắn về bốn thánh đế. Đây là bước cản bản trước tiên của người học Phật. Chính là chúng ta nghe, đọc, dịch thuật và nghiên cứu lời dạy của Đức Phật qua các kinh điển. Tuy lời dạy của Đức Phật được kết tập lại trong hai truyền thống

Nguyên Thuỷ và Đại Thừa nhưng nội dung chính yếu vẫn được thêu dệt trong Tứ thánh đế. Đây chính là chánh kiến thuộc văn tuệ.

Thế nào là chánh kiến thuộc tư tuệ?

Đức Phật dạy: Đây là khổ thánh đế, tập thánh đế, diệt thánh đế và đạo thánh đế, chúng ta cần phải tư duy để hiểu rõ hơn. Đây chính là chánh kiến của tư tuệ.

Chúng ta tư duy về khổ thánh đế: Sinh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; thương yêu mà xa lìa là khổ; mong cầu không được là khổ; oan gia mà đối đầu hay những người mình không ưa mà gặp, gần gũi nênh khổ; tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

Chúng ta tư duy tập thánh đế: Vô minh, tham ái và chấp thủ năm thủ uẩn là nhân để dẫn sinh quả khổ của chúng sinh trong các giới loại. Nhờ đó, chúng ta nhận thức rằng, sự sai biệt quả của tất cả chúng sinh là vì sự sai biệt nhân.

Chúng ta tư duy diệt thánh đế: Tất cả chúng sinh hữu tình đều sẵn có tâm vô lậu. Duy chỉ có tâm vô lậu (Niết-bàn) mới là hạnh phúc tuyệt đối.

Tư duy đạo thánh đế: Đó là tư duy 37 pháp thuộc đạo thánh đế. Bởi các bậc thánh nhân trong quá khứ, hiện tại và tương lai đều từ việc tu tập đạo thánh đế nên các Ngài mới đạt được những thánh quả giải thoát.

Với ý nghĩa đó nên chúng ta cần phải phát khởi chánh kiến này thường trực ở trong tâm, để quán chiếu và tư duy năm thủ uẩn của chính mình, của mọi người, mọi loài

đang còn lưu chuyển sinh tử khổ đau trong các giới loại. Đây chính là chánh kiến của tư tuệ.

Thế nào là chánh kiến trong tư tuệ?

Chánh kiến này gồm có chánh kiến hữu lậu và chánh kiến vô lậu:

Thế nào là chánh kiến hữu lậu thuộc tư tuệ?

Để có được chánh kiến hữu lậu thuộc tư tuệ thì chúng ta cần chọn một pháp môn để tu tập như niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu của một Đức Phật, một vị đại Bồ-tát, hoặc niệm một câu thần chú.

Ví dụ, khi chúng ta chọn đối tượng là hơi thở vào ra để tu tập, thì chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, chánh định là an trụ nhất như ở nơi hơi thở vào ra, chánh kiến là nhận biết được chánh niệm và chánh định nơi hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức, tức năm thủ uẩn. Đây là chánh kiến hữu lậu thuộc tư tuệ, chứ không phải là chánh kiến của văn tuệ và tư tuệ trước đó. Nhờ chánh kiến này mới điều phục, đoạn trừ tham, sân và si nơi năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế). Cho nên, chúng ta mới có hạnh phúc, an vui trong đời sống hiện tại và tương lai.

Thế nào là chánh kiến vô lậu thuộc tư tuệ?

Chính chúng ta phải lãnh hội được chánh kiến vô lậu, tức tâm vô lậu. Chánh kiến này mới đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên đạt thánh quả thứ nhất, tức Tu-dà-hoàn. Bậc thánh sơ quả tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu để nỗ lực tu tập làm vơi mỏng tham, sân và si nơi năm thủ uẩn nên đạt nhị quả, tức Tư-đà-hàm. Bậc thánh nhị quả lại tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu để nỗ

lực tu tập đoạn trừ năm hạ phần kết sử, tức thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong dục giới nên đạt tam quả, tức A-na-hàm. Bậc thánh tam quả an trụ trong chánh kiến vô lậu để tu tập đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế (năm thủ uẩn) nên thành tựu quả vị A-la-hán. Đây chính là chánh kiến vô lậu thuộc tu tuệ của tú thánh quả.

Trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về chánh kiến như sau: “*Thế nào là chánh kiến? Chánh kiến có hai: chánh kiến hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; chánh kiến vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ*”.

Thế nào là chánh kiến hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Nếu người nào thấy có bố thí... cho đến biết thế gian có A-la-hán... Đó là chánh kiến hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện. Chánh kiến vô lậu của bậc Thánh, không thủ, hướng đến thoát khổ? Thánh đê tử tư duy về khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế; tâm tương ưng với vô lậu, quán sát tò ngô. Đó gọi là chánh kiến vô lậu, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ”.

Chánh tư duy

Chánh tư duy là tư duy, chiêm nghiệm về khổ thánh đế, tập thánh đế, diệt thánh đế và đạo thánh đế. Chánh tư duy gồm có chánh tư duy hữu lậu và chánh tư duy vô lậu. Nếu chánh kiến hữu lậu thì dẫn sinh chánh tư duy hữu lậu. Nếu chánh kiến vô lậu thì dẫn sinh chánh tư duy vô lậu.

Trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về chánh tư duy như sau:

"Thế nào là chánh tư duy? Chánh tư duy có hai loại: chánh tư duy hữu lâu, chuyển hướng đến cõi thiện; chánh tư duy vô lâu của bậc thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ."

Thế nào là chánh tư duy hữu lâu, chuyển hướng đến cõi thiện? Chánh tư duy về xuất yếu, vô nhuế, bất hại; Đó gọi là chánh tư duy thuộc về hữu lâu, chuyển hướng đến cõi thiện.

Thế nào là chánh tư duy vô lâu của bậc thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ để, tập để, diệt để và đạo để; tâm tương ưng với tư duy vô lâu. Đó gọi là chánh tư duy vô lâu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ".

Chánh ngữ

Chánh ngữ là lời nói đúng với sự thật của khổ để, tập để, diệt để và đạo để.

Chánh ngữ là không nói láo, không nói dối, không nói thêm thắt (thêu dệt), không nói lời ly gián (hai lưỡi), không nói lời thô ác.

Nếu tâm của chúng ta an trụ trong chánh kiến và chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh chánh ngữ. Nhưng nếu tâm của chúng ta sống với tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh tà ngữ.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về chánh ngữ như sau:

"Thế nào là chánh ngữ? Chánh ngữ có hai loại: chánh ngữ hữu lâu, chuyển hướng đến cõi thiện; chánh ngữ vô

lâu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là chánh ngữ hữu lâu, hướng đến đường lành? Lời nói đúng, xa lìa lời nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, lời nói thêu dệt. Đó là chánh ngữ hữu lâu, hướng đến đường lành.

Thế nào là chánh ngữ vô lâu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ để, tập để, diệt để và đạo để; tâm tương ứng với vô lâu, viễn ly, không dính trước. Đó gọi là Chánh ngữ vô lâu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.”

Chánh nghiệp

Chánh nghiệp là hành động đúng đắn. Đó là hành động không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm và không dâm.

Nếu tâm của chúng ta an trụ trong chánh kiến và chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh chánh nghiệp. Nhưng nếu tâm của chúng ta sống với tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh tà nghiệp.

Trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về chánh nghiệp như sau:

“Thế nào là chánh nghiệp? Chánh nghiệp có hai loại: chánh nghiệp hữu lâu, chuyển hướng đến cõi thiện; chánh nghiệp vô lâu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.”

Thế nào là chánh nghiệp hữu lâu, chuyển hướng đến cõi thiện? Xa lìa sát sanh, trộm cắp, tà dâm, đó gọi là chánh nghiệp hữu lâu, chuyển hướng đến cõi thiện.

Thế nào là chánh nghiệp vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ để, tập để, diệt để và đạo để; tâm tương ưng vô lậu, viễn ly, không dính trước. Đó gọi là chánh nghiệp vô lậu của bậc thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ."

Chánh mạng

Chánh mạng là sống, hay nuôi dưỡng sinh mạng một cách đúng đắn, hợp lý, tức phương tiện mưu sinh, nghề nghiệp chân chánh, không sống bằng những nghề phi pháp.

Chánh mạng là đời sống thiểu dục, tri túc. Thiểu dục là ít ham muốn đối với tiền tài, sắc dục, danh lợi, thực (ăn uống), thùy (ngủ nghỉ); tri túc là biết đủ với những nhu yếu của đời sống.

Chánh mạng là nuôi dưỡng sinh mạng bằng giới, định, tuệ hữu lậu và giới, định, tuệ vô lậu, chứ không nuôi dưỡng sinh mạng bằng các dục hay ép xác khổ hạnh.

Nếu tâm của chúng ta an trú trong chánh kiến và chánh tư duy thì dẫn sinh chánh mạng. Nhưng nếu tâm của chúng ta sống với tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh tà mạng.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về chánh mạng như sau:

"Thế nào là chánh mạng? Chánh mạng có hai loại: có loại chánh mạng hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; chánh mạng vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ."

*Thế nào là chánh mạng hữu lâu, tìm cầu y, thực, ngoại
cụ, thuốc thang theo bệnh đúng như pháp, chứ không phải
không như pháp. Đó gọi là chánh mạng hữu lâu, chuyển
hướng đến cõi thiện.*

*Thế nào là chánh mạng vô lâu của bậc Thánh, không
thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về
khổ để, tập để, diệt để và đạo để; tâm tương ưng vô lâu.
Đó gọi là chánh mạng vô lâu của bậc Thánh, chuyển
hướng đến thoát khổ.”*

Chánh tinh tấn

Chánh tinh tấn là sự nỗ lực đúng đắn. Nó được biểu hiện qua bốn phạm trù:

Nỗ lực đoạn trừ những điều ác đã sinh, khiến cho chúng vĩnh viễn bị đoạn trừ.

Nỗ lực làm cho những điều ác chưa sinh khởi, khiến cho chúng không thể sinh khởi.

Nỗ lực phát triển những điều thiện chưa sinh, khiến cho chúng sinh khởi.

Nỗ lực làm cho những điều thiện đã sinh, khiến cho chúng được tăng trưởng.

Nếu tâm của chúng ta luôn an trụ trong chánh niệm, chánh định và chánh kiến thì sẽ dẫn sinh chánh tinh tấn. Nhưng nếu tâm của chúng ta sống với tà niệm, tà định và tà kiến thì sẽ dẫn sinh giải đai, tức tăng trưởng bất thiện pháp.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về chánh tinh tấn như sau:

*“Thế nào là chánh tinh tấn? Chánh tinh tấn có hai loại:
chánh tinh tấn hữu lâu, chuyển hướng đến cõi thiện; có*

chánh tinh tấn vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là chánh tinh tấn hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Tinh tấn, xác lập vững chắc thường không ngừng nghỉ. Đó gọi là chánh tinh tấn hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.

Thế nào là chánh tinh tấn vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế; tâm tương ứng với vô lậu, thường không ngừng nghỉ. Đó gọi là chánh tinh tấn vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.”

Chánh niệm

Chánh niệm là sự nhớ nghĩ, nhớ đến đúng đắn.

“Chánh niệm là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm hơi thở, niệm thân vô thường, niệm chết, niệm Niết-bàn” (Kinh Tăng Nhất A-hàm, phẩm Một pháp).

Luận Thành Duy Thức cũng đã giải thích về niệm, định và tuệ như sau:

“Niệm là gì? Tự tính của nó là sự nhớ rõ không quên mất của tâm đối với cảnh đã quen thuộc. Nghiệp dụng của nó là làm sở y cho định. Tức là thường xuyên ghi nhớ cảnh đã từng được tiếp nhận không để cho quên mất, có thể dẫn đến định. Đối với cảnh mà thể và loại của nó chưa hề được tiếp nhận, niệm hoàn toàn không phát khởi. Giả sử đối tượng đã từng được tiếp nhận nhưng không được ghi nhận rõ ràng, niệm cũng không phát sinh.

Định là gì? Tự tính của nó là khiến cho tâm chuyên chú trên đối tượng được quan sát mà không phân tán. Nghiệp dụng của nó là làm sở y cho trí.

Tuệ là gì? Tính giản trạch đối với đối tượng được quan sát. Nghiệp dụng của nó là đoạn trừ nghi”.

Trong Tập A-hàm, Kinh Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo, Đức Phật dạy chánh niệm như sau:

“Thế nào là chánh niệm? Chánh niệm có hai loại: chánh niệm hữu lâu, chuyển hướng đến cõi thiện; chánh niệm vô lâu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là chánh niệm hữu lâu, hướng đến đường lành? Hoặc niệm, hoặc tùy niệm, không quên lãng. Đó gọi là chánh niệm hữu lâu, hướng đến đường lành.

Thế nào là chánh niệm vô lâu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đê tử tư duy về khổ để, tập để, diệt để và đạo để; tâm tương ưng với vô lâu. Đó gọi là chánh niệm vô lâu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.”

Chánh định

Chánh định là sự an trú tâm vào một đối tượng thuần nhất, không dao động.

“Định là gì? Tự tính của nó là khiến cho tâm chuyên chú trên đối tượng được quan sát mà không phân tán. Nghiệp dụng của nó là sở y cho trí” (Luận Thành Duy Thức).

Bất cứ loại định nào được dẫn sinh từ chánh kiến và chánh tư duy đều gọi là chánh định. Vì loại định này mới

điều phục, đoạn trừ được khổ đế - tập đế để đạt các thánh quả giải thoát, cho đến thành tựu Niết-bàn. Trái lại, bất cứ loại định nào được dẫn sinh từ tà kiến và tà tư duy, thì không đoạn trừ được khổ đế - tập đế, gọi là tà định.

Thế nào là chánh định hữu lâu?

Để có được chánh định hữu lâu thì chúng ta cần chọn một phương pháp để tu tập. Ví dụ như khi chúng ta chọn hơi thở để thực tập chánh niệm, chánh định và chánh kiến, thì chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, chánh định là an trú nhất như nơi hơi thở vào ra, chánh kiến là nhận biết chánh niệm và chánh định nơi hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức, tức năm thủ uẩn.

Nhờ chúng ta tu tập chánh niệm, chánh định và chánh kiến thuần thực ở nơi hơi thở vào ra nên đạt được các tầng thiền định của sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền. Sơ thiền gồm có năm chi, tức tâm, tú, hỷ, lạc và nhất tâm. Nhị thiền gồm có ba chi, tức bỏ tâm và tú, chỉ còn lại hỷ, lạc và nhất tâm. Tam thiền gồm có hai chi, tức bỏ hỷ, chỉ còn lạc và nhất tâm. Tứ thiền chỉ có một chi, tức bỏ lạc, chỉ còn lại xả và nhất tâm. Đây là niêm, định và tuệ thuộc hữu lâu.

Thế nào là chánh định vô lâu?

Để có được chánh định vô lâu thì chúng ta phải kiến đế, tức lãnh hội được tâm vô lâu. Từ đó, chúng ta an trú trong tâm vô lâu để tu tập làm mỏng, hay giảm tham, sân và si đối với năm thủ uẩn nên đạt nhị quả. Bậc thánh nhị quả tiếp tục an trú trong tâm vô lâu tu tập để đoạn trừ

năm hạ phần kết sử, tức thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong dục giới nên đạt tam quả. Bậc thánh tam quả tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu để nỗ lực tu tập đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên đạt quả vị A-la-hán, tức Niết-bàn.

Với ý nghĩa đó, nếu chúng ta an trụ trong tâm vô lậu được chừng nào thì sẽ an trụ trong định vô lậu của sơ thiền, nhị thiền, tam thiền v.v.. chừng đó. Khi chúng ta sống với tâm vô lậu rỗng lặng thì khi đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng hay im lặng đều là định. Bởi đây là định vô lậu nên thường định và thường tuệ.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về chánh định như sau:

"Thế nào là chánh định? Chánh định có hai loại: chánh định hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; chánh định vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ."

Thế nào là chánh định hữu lậu, hướng đến đường lành? Tâm trụ không loạn, không động, nhất tâm. Đó gọi là chánh định hữu lậu, hướng đến đường lành?

Thế nào là chánh định vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế; tâm tương ưng với tư duy vô lậu, an trụ không tán loạn, nhất tâm. Đó gọi là chánh định vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ."

Trong Kinh *Trung A-hàm*, Kinh *Thánh Đạo số 189*, Đức Phật đã dạy về ý nghĩa của bát chánh đạo:

"Tôi nghe như vậy: Một thời Đức Phật du hóa tại nước Câu-lâu-lâu, ở Kiếm Ma-sắt-dàm, đô ấp Câu-lâu. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Có một con đường khiến chúng sanh được thanh tịnh, xả bỏ ưu sầu, than khóc, dứt hết buồn khổ ảo não, chúng được như pháp. Đó là Thánh chánh định, có tập, có trợ² và cũng có cự³, bao gồm bảy chi.

"Thế nào là Thánh chánh định nói tập, nói trợ và nói cự gồm bảy chi? Đó là, chánh kiến, chánh chí, chánh ngũ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niêm. Nếu do bảy chi này mà có tập, có trợ và có cự⁴, khéo hướng đến tâm chuyên nhất⁵, đó gọi là Thánh chánh định có tập, có trợ và có cự. Vì sao vậy? Chánh kiến sanh chánh chí, chánh chí sanh chánh ngũ, chánh ngũ sanh chánh nghiệp, chánh nghiệp sanh chánh mạng, chánh mạng sanh chánh phương tiện, chánh phương tiện sanh chánh niêm, chánh niêm sanh chánh định. Hiền thánh đệ tử tâm được chánh định như vậy lập tức dứt sạch đâm, nô, si. Hiền thánh đệ tử chánh tâm giải thoát như thế, lập tức biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vãng, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

"Trong các chi ấy, chánh kiến đúng ngay hàng đầu. Nếu thấy rõ tà kiến là tà kiến thì đó gọi là chánh kiến. Nếu thấy rõ chánh kiến là chánh kiến thì đó cũng gọi là chánh kiến.

"Thế nào là tà kiến?

"Đó là cho rằng không có bố thí, không có trai tự, không có chú thuyết, không có thiện, ác nghiệp, không có quản báo của thiện, ác nghiệp, không có đời này đời sau,

không có cha, không có mẹ, không có bậc chân nhân ở trên đời đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, tự tri, tự giác, trong đời này hay đời sau mà tự tác chứng, thành tựu an trụ. Như vậy gọi là tà kiến.

“Thế nào gọi là chánh kiến?

“Đó là thấy rằng có bố thí, có trai tự, có chú thuyết, có thiện, ác nghiệp, có quả báo của thiện, ác nghiệp, có đời này đời sau, có cha có mẹ, có bậc chân nhân ở trên đời đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, trong đời này hay đời sau tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ. Như vậy gọi là chánh kiến.

“Đó gọi rằng thấy tà kiến là tà kiến thì đó là chánh kiến. Thấy chánh kiến là chánh kiến; đó cũng gọi là chánh kiến. Khi biết rõ như thế, liền phải cầu học, muốn đoạn trừ tà kiến, thành tựu chánh kiến. Đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm về sự đoạn trừ noi tà kiến, thành tựu chánh kiến. Đó gọi là chánh niêm. Cả ba chi này đi theo kiến phương tiện, do phương tiện của kiến. Vì thế cho nên bảo chánh kiến là đúng ngay ở hàng đầu.

“Nếu thấy tà chí là tà chí, thì đó là chánh chí. Nếu thấy chánh chí là chánh chí thì đó cũng là chánh chí.

“Thế nào gọi là tà chí? Đó là niêm dục, niêm nhuế, niêm hại, được gọi là tà chí.

“Thế nào gọi là chánh chí? Đó là niêm vô dục, niêm vô nhuế, niêm vô hại, được gọi là chánh chí.

“Thấy rõ tà chí là tà chí, thì đó là chánh chí. Thấy rõ chánh chí là chánh chí, thì đó cũng là chánh chí. Biết như thế rồi, liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà chí, thành tựu chánh chí. Đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy

niệm sự đoạn trừ nơi tà chí, thành tựu chánh chí. Đó gọi là chánh niệm.

"Tất cả ba chi này đi theo chánh chí, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

"Nếu thấy rõ tà ngũ là tà ngũ, thì đó là chánh ngũ. Nếu thấy chánh ngũ là chánh ngũ, thì đó cũng chính là chánh ngũ.

"Sao gọi là tà ngũ? Nói dõi, nói hai lưỡi, lời nói thô ác, lời nói thêu dệt, đó gọi là tà ngũ.

"Thế nào là chánh ngũ? Xa lìa sự nói dõi, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, thêu dệt, đó gọi là chánh ngũ. Đó cũng gọi là thấy tà ngũ là tà ngũ, thì gọi là chánh ngũ. Thấy chánh ngũ là chánh ngũ, cũng gọi là chánh ngũ. Biết như vậy rồi liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà ngũ, thành tựu chánh ngũ. Đó là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà ngũ, thành tựu chánh ngũ, gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh ngũ, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

"Nếu thấy tà nghiệp là tà nghiệp, thì đó là chánh nghiệp. Nếu thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp, thì đó cũng chính là chánh nghiệp.

"Thế nào gọi là tà nghiệp? Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, gọi là tà nghiệp. Thế nào gọi là chánh nghiệp? Lìa sát sanh, trộm cướp, tà dâm, gọi là chánh nghiệp. Đó gọi rằng thấy tà nghiệp là tà nghiệp thì gọi là chánh nghiệp. Thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp, cũng gọi là chánh nghiệp. Biết như thế rồi liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà nghiệp, thành tựu

chánh nghiệp, gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh nghiệp, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đúng hàng đầu.

“Nếu thấy tà mạng là tà mạng, thì đó gọi là chánh mạng. Nếu thấy chánh mạng là chánh mạng, thì cũng gọi là chánh mạng.

“Thế nào là tà mạng? Nếu có sự mong cầu mà không mãn ý; bằng nhiều loại chú thuật súc sanh, bằng tà mạng mà nuôi sống. Nó không như pháp mà tìm kiếm áo chăn, mà lại bằng phi pháp; không như pháp mưu cầu ẩm thực, giường chõng, thuốc thang, các tư cụ sanh hoạt, mà bằng phi pháp. Đó là tà mạng. Thế nào là chánh mạng? Nếu không có sự mong cầu không mãn ý; không dùng các thứ chú thuật, tà mạng để nuôi sống. Người ấy như pháp mà tìm kiếm áo chăn, thì đó là pháp vậy; như pháp mà mưu cầu ẩm thực, giường chõng, thuốc thang, các tư cụ sanh hoạt, thì đó là pháp vậy. Đó gọi là chánh mạng. Đó là nói rằng, thấy tà mạng là tà mạng thì gọi là chánh mạng; thấy chánh mạng là chánh mạng, cũng gọi là chánh mạng. Kia biết như vậy rồi, bèn cầu học để đoạn trừ tà mạng, thành tựu chánh mạng; đó là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm nơi sự đoạn trừ tà mạng, thành tựu chánh mạng, đó gọi là chánh niệm. Ba chi này đi theo chánh mạng, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đúng hàng đầu.

“Thế nào là chánh phương tiện? Tỳ-kheo để đoạn trừ ác pháp đã sanh mà phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm trừ diệt; vì để ác pháp chưa sanh thì không sanh, nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh

cần dốc tâm mà trừ diệt; để pháp thiện chưa sanh thì sanh nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm trừ diệt; để thiện pháp đã sanh tồn tại, không bị quên, không thối thất, càng lúc càng phát triển rộng rãi, tu tập biến mãn đầy đủ, nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà trừ diệt; đó gọi là chánh phương tiện.

"Thế nào là chánh niệm? Tỳ-kheo quán nội thân như thân; quán, cho đến, tho, tâm, pháp như pháp; đó gọi là chánh niệm.

"Thế nào là chánh định? Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu và an trú; đó gọi là chánh định.

"Thế nào là chánh giải thoát? Tỳ-kheo, tâm giải thoát khỏi dục, tâm giải thoát khỏi nhuế, si; đó gọi là chánh giải thoát. Thế nào là chánh trí? Tỳ-kheo biết tâm giải thoát dục, tâm giải thoát nhuế, si; gọi là chánh trí.

"Đó là bậc hữu học thành tựu tám chi. Lâu tận A-la-hán thành tựu mười chi.

"Thế nào là hữu học thành tựu tám chi? Là học từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là hữu học thành tựu tám chi.

"Thế nào là lâu tận A-la-hán thành tựu mười chi? Đó là vô học chánh kiến cho đến vô học chánh trí. Đó là lâu tận A-la-hán thành tựu mười chi. Vì sao vậy? Vì chánh kiến là đoạn trừ tà kiến. Nếu nhân tà kiến sanh vô lượng ác pháp bất thiện, vị ấy phải đoạn trừ nó. Nếu nhân chánh kiến sanh ra vô lượng thiện pháp, vị ấy tu tập được sung mãn. Cho đến chánh trí đoạn trừ tà trí. Nếu nhân tà trí sanh vô

lượng pháp ác bất thiện, vị ấy đoạn trừ nó. Nếu nhân chánh trí sanh vô lượng pháp thiện, vị ấy tu tập để được sung mãn.

“Đó là hai mươi phẩm thiện và hai mươi phẩm bất thiện. Tức là tuyên thuyết bốn mươi đại pháp phẩm được chuyển vận nơi Phạm luân mà không một ai có thể chế ngự mà bài xích, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm, và các loại thế gian khác.

“Đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân ấy, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên và Ma, Phạm, và các loại thế gian khác; mà nếu có Sa-môn, Phạm chí nào phi bác, người ấy đối với như pháp có mười trường hợp đáng bị chỉ trích.

“Những gì là mười? Hoặc chê bai chánh kiến, khen ngợi tà kiến. Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào có tà kiến, mà hoặc cung dương vị ấy, hoặc tán thán vị ấy, thì đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác ấy, mà nếu có Sa-môn, Phạm chí nào phi bác, vị ấy đối với như pháp đây là trường hợp thứ nhất đáng bị chỉ trích.

“Hoặc chê bai, cho đến chánh trí, khen ngợi tà trí. Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào có tà trí mà hoặc cung dương vị ấy, hoặc tán thán vị ấy, thì đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác ấy, mà nếu

có Sa-môn, Phạm chí nào phi bá, vị ấy đối với nhu pháp đây trường hợp thứ mười đáng bị chỉ trích.

“Đó gọi là đối với nhu pháp có mười trường hợp đáng bị chỉ trích. Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết, được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm, và các loại thế gian khác ấy, mà phi bá; thì người ấy đối với nhu pháp có mười điều bị chỉ trích.

“Lại có những Sa-môn, Phạm chí khác sống ngồi chồm hổm⁶, thuyết giảng sự ngồi chồm hổm. Sống vô sở hữu, thuyết giảng vô sở hữu, thuyết vô nhân, thuyết vô tác, thuyết vô nghiệp; nghĩa là đối với thiện ác được tạo tác bởi người này hay người kia mà chủ trương đoạn tuyệt, phá hoại ở kia hay ở đây, những người ấy đối với bốn đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác, những người ấy cũng có sự chỉ trích, lo lắng, sợ hãi.”
Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.”

Trong kinh Trung Bộ III, Đại Kinh Bốn Mươi, do Hòa thượng Minh Châu dịch, Đức Phật dạy: “Bát chánh đạo gồm có bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu”.

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỳ-kheo: “Này các Tỳ-kheo”. “Bach Thế

Tôn". "Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông Thánh chánh định cùng với các cân duyên và các tư trợ. Hãy lắng tai nghe và suy nghiêm kỹ, Ta sẽ giảng". "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau

Này các Tỳ-kheo, thế nào là Thánh chánh định với các cân duyên và các tư trợ? Chính là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngũ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niêm. Nay các Tỳ-kheo, phàm có nhất tâm nào (ekaggata) được tư trợ với bảy chi phần này, nay các Tỳ-kheo, như vậy gọi là Thánh chánh định cùng với các cân duyên và các tư trợ.

(Chánh kiến)

Ở đây, nay các Tỳ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu. Và như thế nào, nay các Tỳ-kheo, là chánh kiến đi hàng đầu? Tuệ tri tà kiến là tà kiến, tuệ tri chánh kiến là chánh kiến. Như vậy là chánh kiến của vị ấy.

Và nay các Tỳ-kheo, thế nào là tà kiến? Không có bố thí, không có cúng dường, không có tế tự, không có quả báo các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh; ở đời không có các vị Sa-môn, Bà-la-môn, chánh hướng, chánh hạnh, sau khi với thương trí tự mình chứng đạt lại tuyên bố lên. Như vậy, nay các Tỳ-kheo, là tà kiến.

Và nay các Tỳ-kheo, thế nào là chánh kiến? Chánh kiến, nay các Tỳ-kheo, Ta nói có hai loại. Nay các Tỳ-kheo, có loại chánh kiến hữu lâu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y (upadhivepakka); có loại chánh kiến, nay các Tỳ-

kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi (magganga).

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh kiến hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y? Có bố thí, có cúng dường, có tế tự, có quả báo các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời khác, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh; ở đời có các vị Sa-môn, Bà-la-môn, chánh hướng, chánh hạnh, sau khi với thương trí tự mình chứng đạt đời này và đời khác lại tuyên bố lên. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là chánh kiến hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh kiến thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi? Phàm cái gì, này các Tỳ-kheo, thuộc trí tuệ, tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp giác chi, chánh kiến, đạo chi của một vị tu tập Thánh đạo, thành thực trong Thánh đạo, có vô lậu tâm, có Thánh tâm. Chánh kiến như vậy, này các Tỳ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Ai tinh tấn đoạn trừ tà kiến, thành tựu chánh kiến; như vậy là chánh tinh tấn của vị ấy. Ai chánh niệm đoạn trừ tà kiến, chánh niệm đạt được và an trú chánh kiến; như vậy là chánh niệm của vị ấy. Như vậy ba pháp này chạy theo, chạy vòng theo chánh kiến, tức là chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm.

(Chánh tư duy)

Ở đây, này các Tỳ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu. Và như thế nào, này các Tỳ-kheo, là chánh kiến đi hàng đầu? Tuệ tri tà tư duy là tà tư duy, tuệ tri chánh tư duy là chánh tư duy, như vậy là chánh kiến của các vị ấy.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tà tư duy? Dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy, này các Tỳ-kheo, như vậy là tà tư duy.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh tư duy? Chánh tư duy, này các Tỳ-kheo, Ta nói có hai loại: có loại chánh tư duy, này các Tỳ-kheo, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; có loại chánh tư duy, này các Tỳ-kheo, thuộc bậc Thánh vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh tư duy hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y? Ly dục tư duy, vô sân tư duy, bất hại tư duy, như vậy, này các Tỳ-kheo là chánh tư duy, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh tư duy, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi? Phàm cái gì này các Tỳ-kheo thuộc suy tư, tầm cầu, tư duy, một ngữ hành do sự hoàn toàn chú tâm chuyên tâm của một vị tu tập Thánh đạo, thành thực trong Thánh đạo, có vô lậu tâm, có Thánh tâm; chánh tư duy như vậy, này các Tỳ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Ai tinh tấn đoạn trừ tà tư duy, thành tựu chánh tư duy, như vậy là chánh tinh tấn của vị ấy. Ai chánh niêm đoạn trừ tà tư duy, chánh niêm đạt được và an trú chánh tư duy, như vậy là chánh niêm của vị ấy. Như vậy ba pháp này chạy theo, chạy vòng theo chánh tư duy, tức là chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niêm.

(Chánh ngữ)

Ở đây, này các Tỳ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu. Và như thế nào, này các Tỳ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu?

Tuệ tri tà ngũ là tà ngũ, tuệ tri chánh ngũ là chánh ngũ, như vậy là chánh kiến của vị ấy.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tà ngũ? Vọng ngũ, nói hai lưỡi, ác khẩu, nói lời phù phiếm; như vậy, này các Tỳ-kheo, là tà ngũ.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh ngũ? Chánh ngũ, này các Tỳ-kheo, Ta nói có hai loại: có loại chánh ngũ, này các Tỳ-kheo, hữu lâu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; có loại chánh ngũ, này các Tỳ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lâu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh ngũ hữu lâu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y? Viễn ly vọng ngũ, viễn ly nói hai lưỡi, viễn ly ác khẩu, viễn ly phù phiếm ngũ; như vậy, này các Tỳ-kheo, là chánh ngũ hữu lâu thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh ngũ thuộc bậc Thánh, vô lâu, siêu thế, thuộc đạo chi? Cái gì, này các Tỳ-kheo, thuộc về từ bỏ, từ đoạn, từ khước, viễn ly bốn ngũ ác hành, đối với một vị tu tập Thánh đạo, thuận thục trong Thánh đạo, có vô lâu tâm, có Hiền Thánh tâm; như vậy, này các Tỳ-kheo là chánh ngũ thuộc bậc Thánh, vô lâu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Ai tinh tấn đoạn trừ tà ngũ, thành tựu chánh ngũ; như vậy là chánh tinh tấn của vị ấy. Ai chánh niêm đoạn trừ tà ngũ, chánh niêm đạt được và an trú chánh ngũ; như vậy là chánh niêm của vị ấy. Như vậy, ba pháp này chạy theo, chạy vòng theo chánh ngũ, tức là chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niêm.

(Chánh nghiệp)

Ở đây, này các Tỳ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu. Và như thế nào, này các Tỳ-kheo, là chánh kiến đi hàng đầu? Tuệ tri tà nghiệp là tà nghiệp, tuệ tri chánh nghiệp là chánh nghiệp; như vậy là chánh kiến của vị ấy.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tà nghiệp? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục; như vậy, này các Tỳ-kheo, là tà nghiệp.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh nghiệp? Chánh nghiệp, này các Tỳ-kheo, Ta nói có hai loại: Có loại chánh nghiệp, này các Tỳ-kheo, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; có loại chánh nghiệp, này các Tỳ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh nghiệp thuộc hữu lậu thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y? Viễn ly sát sanh, viễn ly lấy của không cho, viễn ly tà hạnh trong các dục; như vậy, này các Tỳ-kheo, là chánh nghiệp, thuộc hữu lậu thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh nghiệp thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi? Cái gì, này các Tỳ-kheo, thuộc về từ bỏ, từ đoạn, từ khước, viễn ly ba thân ác hành đối với một vị tu tập Thánh đạo, thành thực trong Thánh đạo, có vô lậu tâm, có Hiền Thánh tâm; như vậy, này các Tỳ-kheo, là chánh nghiệp thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Ai tinh tấn đoạn trừ tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp; như vậy là chánh tinh tấn của vị ấy. Ai chánh niêm đoạn trừ tà nghiệp, chánh niêm đạt được và an trú chánh nghiệp; như vậy là chánh niêm của vị ấy. Như vậy

ba pháp này chạy theo, chạy vòng theo chánh nghiệp, tức là chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm.

(Chánh mạng)

Ở đây, này các Tỳ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu. Và như thế nào, này các Tỳ-kheo, là chánh kiến đi hàng đầu? Tuệ tri được tà mang là tà mang, tuệ tri được chánh mạng là chánh mạng; như vậy là chánh kiến của vị ấy.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tà mang? Lừa đảo, nói lời mê ly, hiện tướng, gian trá, lấy lợi cầu lợi; như vậy, này các Tỳ-kheo, là tà mang.

Và thế nào, này các Tỳ-kheo, là chánh mạng? Chánh mạng, này các Tỳ-kheo, Ta nói có hai loại: có loại chánh mạng, này các Tỳ-kheo, hữu lâu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; có loại chánh mạng, này các Tỳ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lâu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Và thế nào, này các Tỳ-kheo là chánh mạng hữu lâu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y? Ở đây, này các Tỳ-kheo, vì Thánh đệ tử bỏ tà mang, nuôi sống với chánh mạng; như vậy, này các Tỳ-kheo là chánh mạng hữu lâu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh mạng thuộc bậc Thánh, vô lâu, siêu thế, thuộc đạo chi? Cái gì, này các Tỳ-kheo thuộc về từ bỏ, từ đoạn, từ khước, viễn ly tà mang đối với một vị tu tập Thánh đạo, thuần thực trong Thánh đạo. Có vô lâu tâm, có Hiền Thánh tâm; như vậy, này các Tỳ-kheo, là chánh mạng thuộc bậc Thánh, vô lâu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Ai tinh tấn đoạn trừ tà mang, thành tựu chánh mạng; như vậy là chánh tinh tấn của vị ấy. Ai chánh niệm đoạn

trù tà mạng, chánh niệm đạt được và an trú chánh mạng, như vậy là chánh niệm của vị ấy. Như vậy, ba pháp này chạy theo, chạy vòng theo chánh mạng, tức là chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm.

(Đại pháp môn Bốn mươi)

Ở đây, này các Tỳ-kheo chánh kiến đi hàng đầu. Và thế nào, này các Tỳ-kheo, là chánh kiến đi hàng đầu? Chánh tư duy, này các Tỳ-kheo, do chánh kiến, được khởi lên. Chánh ngữ do chánh tư duy được khởi lên. Chánh nghiệp do chánh ngữ được khởi lên. Chánh mạng do chánh nghiệp được khởi lên. Chánh tinh tấn do chánh mạng được khởi lên. Chánh niệm do chánh tinh tấn được khởi lên. Chánh định do chánh niệm được khởi lên. Chánh trí do chánh định được khởi lên. Chánh giải thoát do chánh trí được khởi lên. Như vậy, này các Tỳ-kheo, đạo lộ của vị hữu học gồm có tám chi phần, và đạo lộ của vị A-la-hán gồm có mười chi phần.

Ở đây, này các Tỳ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu. Và như thế nào, này các Tỳ-kheo, là chánh kiến đi hàng đầu? Tà kiến, này các Tỳ-kheo, do chánh kiến làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà kiến duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong vị có chánh kiến. Và những thiện pháp được chánh kiến duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Tà tư duy, này các Tỳ-kheo, do chánh tư duy làm cho tiêu diệt và những ác bất thiện pháp, được tà tư duy duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong người có chánh tư duy. Và những thiện pháp được chánh tư duy duyên khởi, các pháp ấy được phát triển trở thành viên mãn.

Tà ngũ, này các Tỳ-kheo, do chánh ngũ làm cho tiêu diệt và những ác bất thiện pháp được tà ngũ duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong người có chánh ngũ. Và những thiện pháp được chánh ngũ duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Tà nghiệp, này các Tỳ-kheo, do chánh nghiệp làm cho tiêu diệt, và những ác bất thiện pháp được tà nghiệp duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong người có chánh nghiệp. Và những thiện pháp được chánh nghiệp duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Tà mạng, này các Tỳ-kheo, do chánh mạng làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà mạng duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh mạng. Và những thiện pháp được chánh mạng duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Tà tinh tấn, này các Tỳ-kheo, do chánh tinh tấn làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà tinh tấn duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh tinh tấn. Và những thiện pháp được khởi lên do duyên chánh tinh tấn, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Tà niệm, này các Tỳ-kheo, do chánh niệm làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà niệm duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh niệm. Và những thiện pháp được chánh niệm duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Tà định, này các Tỳ-kheo do chánh định làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà định duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh định. Và

những thiện pháp được chánh định duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Tà trí, này các Tỳ-kheo, do chánh trí làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà trí duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh trí. Và những thiện pháp được chánh trí duyên khởi, các pháp ấy được phát triển và trở thành viên mãn.

Tà giải thoát, này các Tỳ-kheo, do chánh giải thoát làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà giải thoát duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh giải thoát. Và các thiện pháp được chánh giải thoát duyên khởi, các pháp ấy được phát triển và trở thành viên mãn.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, có hai mươi thiện phần, hai mươi bất thiện phần. Đại pháp môn Bốn mươi đã được chuyển vận không bị chấn động lại bởi một Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm thiên hay một ai ở đời.

Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỳ-kheo, nghĩ rằng đại pháp môn Bốn mươi này đáng bị phê bình, đáng bị phỉ báng, thời ngay hiện tại, mười thuận thuyết tùy thuyết hợp pháp được nói lên để chỉ trích người ấy. Nếu Tôn giả chỉ trích chánh kiến, thời các Sa-môn có tà kiến, các Tôn giả ấy là những vị đáng được cúng dường, các Tôn giả ấy là những vị đáng được tán thán. Nếu Tôn giả chỉ trích chánh tư duy, thời các Sa-môn, Bà-la-môn có tà tư duy, các Tôn giả ấy là những vị đáng được cúng dường, các Tôn giả ấy là những vị đáng được tán thán. Nếu Tôn giả chỉ trích chánh ngũ ... chánh nghiệp ... chánh mạng ... chánh tinh tấn ... chánh niệm ... chánh

định ... chánh trí ... Nếu Tôn giả chỉ trích chánh giải thoát, thời các Sa-môn, Bà-la-môn có tà giải thoát, các Tôn giả ấy là những vị đáng cúng dường, các Tôn giả ấy là những vị đáng được tán thán. Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỳ-kheo, nghĩ rằng đại pháp môn Bốn mươi này đáng bị phê bình, đáng bị phỉ báng, thời ngay hiện tại, mười thuận thuyết hợp pháp được nói lên để chỉ trích người ấy.

Này các Tỳ-kheo, cho đến các dân chúng ở Ukkalā và dân chúng Vassa, dân chúng Bhanna theo vô nhân luận, theo vô tác luận, theo hư vô luận, những vị ấy cũng không nghĩ rằng đại pháp môn Bốn mươi đáng chỉ trích, đáng bị phỉ báng. Vì sao vậy? Vì sợ quả trách, phẫn nộ, công kích.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỳ-kheo ấy hoan hỷ tín tho lời Thế Tôn dạy”.

Tu tập bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu

Tu tập bát chánh đạo hữu lậu

Để tu tập bát chánh đạo hữu lậu thì chúng ta phải chọn cho mình một phương pháp để tu tập như niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu của một Đức Phật, một vị Bồ-tát, hoặc niệm một câu thần chú. Sau đó, chúng ta ứng dụng phương pháp ấy vào trong đời sống mới có thể điều phục, đoạn trừ được tham, sân và si đối với năm thủ uẩn. Việc đoạn trừ tham, sân và si đối với năm thủ uẩn là nhờ chánh niệm, chánh định và chánh kiến, chứ không phải là hơi thở, hoặc danh hiệu của Đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ-tát, hoặc một câu thần chú nào đó. Vì vậy, chúng ta là những người tu tập thì cần phải hiểu rõ ý nghĩa này.

Ví dụ khi chúng ta chọn hơi thở vào ra để tu tập, thì chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra, chánh kiến là nhận biết được chánh niệm và chánh định nơi hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức, tức năm thủ uẩn.

Khi chúng ta thực tập chánh niệm, chánh định và chánh kiến nơi hơi thở vào ra, tức sẽ có mặt chánh tinh tấn và chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của chánh tinh tấn là đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn và phát triển những điều thiện, tức chánh niệm, chánh định, chánh kiến và chánh tư duy.

Trong *Tiểu Kinh Phương Quang*, Trung Bộ I, số 44, Đức Phật dạy: “*Chánh kiến và chánh tư duy thuộc nhóm tuệ, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc nhóm định, còn chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc về nhóm giới (thiện)*”.

Có nghĩa rằng trong Bát chánh đạo thì năm chi là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định gom lại thành hai nhóm là định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy), còn ba chi là chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng là thuộc nhóm giới. Cho nên khi tâm của chúng ta an trụ trong định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nên dẫn sinh giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Chính chánh định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và chánh tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) là thuộc về tâm, còn giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng) là

thuộc về thân và khẩu. Nhờ chánh niệm, chánh định và chánh kiến nơi hơi thở vào ra nên chúng ta mới điều phục, đoạn trừ sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức, tức năm thủ uẩn. Tóm lại, tu tập bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu, tức khiến cho tâm luôn an trụ trong định và tuệ hữu lậu để dẫn sinh lời nói của miệng là thiện hữu lậu (chánh ngữ) và hành động của thân là thiện hữu lậu (chánh nghiệp và chánh mạng).

Tu tập bát chánh đạo vô lậu

Chúng ta phải tu tập bát chánh đạo hữu lậu thuần thực rồi, từ đó mới bước tới tu tập bát chánh đạo vô lậu, tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu, hoặc tâm vô lậu. Để chứng nghiệm được việc đó, chúng ta cần phải tu tập để lãnh hội, chứ không phải trên mặt khái niệm của ngôn ngữ.

Chúng ta biết rằng, sáu căn (nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn) là gốc của sinh tử (tâm hữu lậu), nhưng để lãnh hội tâm vô lậu (kiến đạo) cũng không rời khỏi sáu căn.

Thế nào là tâm hữu lậu và tâm vô lậu ở nơi sáu căn? Khi nhãn căn của chúng ta nhìn thấy các sắc pháp như ngôi nhà, đám mây, bầu trời xanh, dòng sông, mọi người đi lại, ... mà trong cái thấy chỉ là cái thấy, thì đây là cái thấy của tâm vô lậu. Hoặc khi ta nhìn thấy các cảnh vật đó, mà vọng niệm tập khởi phân biệt, thì tâm nhận biết được vọng niệm, tâm này chính là tâm vô lậu. Hoặc khi nhĩ căn của chúng ta nghe các âm thanh như tiếng chim hót, tiếng chuông ngân, ... mà trong cái nghe chỉ là cái

nghe, thì đây là cái nghe của tâm vô lậu. Hoặc khi ta nghe các âm thanh đó, mà tâm hữu lậu tập khởi phân biệt, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu, tâm này chính là tâm vô lậu. Khi tỷ căn của chúng ta ngửi các hương trần như trầm hương, hương của các loài hoa, ... mà trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, thì đây là cái ngửi của tâm vô lậu. Hoặc khi ta ngửi các mùi hương đó, mà vọng niệm tập khởi phân biệt, thì tâm nhận biết được vọng niệm, tâm này là tâm vô lậu. Khi thiệt căn của chúng ta tiếp xúc với các vị trần như chua, cay, mặn, đắng,... mà trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, thì đây là cái nếm vị của tâm vô lậu. Hoặc khi ta nếm các vị trần đó, mà tâm hữu lậu tập khởi phân biệt, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu, tâm này là tâm vô lậu. Hoặc khi thân căn của chúng ta tiếp xúc với các xúc trần như trơn, nhám, cứng, mềm, lạnh, nóng,... mà trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, thì đây là cái xúc chạm của tâm vô lậu. Hoặc khi ta xúc chạm các xúc trần ấy, mà vọng niệm tập khởi phân biệt, thì tâm nhận biết được tạp niệm, tâm này là tâm vô lậu. Hoặc khi chúng ta nhắm mắt lại, tâm hữu lậu tập khởi suy tư, phân biệt, nhớ nghĩ về các đối tượng như sắc, thanh, hương, vị và xúc, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu, tâm này là tâm vô lậu.

Nghĩa của kiến đế chỉ có một nhưng tùy theo mỗi bản kinh, mỗi bản luận mà có sự quy ước tên gọi khác nhau. Cho nên, trong giáo lý Tứ thánh đế gọi là *kiến đế*. Trong pháp mười hai nhân duyên gọi là *mình*. Kinh vô tri gọi là *nur thật tri*. Kinh vô minh gọi là *minh*. Trong kinh Bahiya gọi là *trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị*

chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết. Cũng như ý nghĩa này, trong kinh Lăng Nghiêm gọi là *tánh thấy, tánh nghe, tánh ngữ, tánh vị, tánh xúc và tánh biết*. Trong Bát-nhã tâm kinh và kinh Kim Cang gọi là *trí tuệ vô lậu*.

Khi hành giả kiến để sẽ đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu bậc thánh thứ nhất. Bậc thánh Tu-đà-hoàn an trụ trong chánh kiến vô lậu để tu tập làm mỏng, giảm tham, sân và si đối với năm thủ uẩn nên thành tựu bậc thánh nhị quả. Bậc thánh nhị quả tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu để tu tập đoạn trừ năm hạ phần kết sử, tức thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong dục giới nên đạt bậc thánh tam quả. Bậc thánh tam quả tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu để nỗ lực tu tập đoạn tận hoàn toàn khổ để - tập để nên thành tựu quả vị A-la-hán.

Trong *Tiểu kinh Phuong Quang, Trung Bộ I*, số 44, Đức Phật dạy: “*Chánh kiến và chánh tư duy thuộc nhóm tuệ, chánh tinh tấn, chánh niêm và chánh định thuộc nhóm định, còn chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc về nhóm giới (thiện)*”.

Có nghĩa rằng trong Bát chánh đạo thì năm chi là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niêm và chánh định gom lại thành hai nhóm là định (chánh tinh tấn, chánh niêm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy), còn ba chi là chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng là thuộc nhóm giới. Cho nên khi tâm của chúng ta an trụ trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niêm và chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến và chánh tư

duy) nên dẫn sinh giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng).

Định - tuệ vô lậu là định - tuệ của tâm vô lậu. Tâm vô lậu chính là chân tâm. Chân tâm là định - tuệ đồng thời. Chân tâm thường rỗng lặng nên gọi là định, nhận biết được tâm rỗng lặng cũng như các pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, v.v.. gọi là tuệ. Chính ý nghĩa đó nên khi tâm của chúng ta an trụ trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niêm và chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến và chánh tư duy) nên dẫn sinh giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Tóm lại, tu tập bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới - định - tuệ vô lậu, tức khiến cho tâm luôn an trụ trong định và tuệ vô lậu để dẫn sinh lời nói của miệng là thiện vô lậu (chánh ngữ) và hành động của thân là thiện vô lậu (chánh nghiệp và chánh mạng).

III. BÁT CHÁNH ĐẠO VỚI GIỚI - ĐỊNH - TUỆ

Trong Tiểu Kinh Phương Quảng, Trung bộ I, số 44, Đức Phật dạy:

*"Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng thuộc về giới.
Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định thuộc về định
(chỉ).*

Chánh kiến, Chánh tư duy thuộc về tuệ (Quán)."

Chúng ta tu tập bát chánh đạo chính là tu tập giới định tuệ. Cũng vậy, chúng ta tu tập giới - định - tuệ chính là tu tập bát chánh đạo. Giới - định - tuệ gồm có giới định tuệ hữu lậu và giới - định - tuệ vô lậu.

Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu và giới – định – tuệ vô lậu

Tu tập giới - định - tuệ hữu lậu

Để tu tập giới - định - tuệ hữu lậu thì chúng ta phải chọn một phương pháp để tu tập như phương pháp niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu một Đức Phật, một vị Bồ-tát, hoặc niệm một câu thần chú, v.v... Từ đó, chúng ta cần phải thực tập phương pháp ấy vào trong đời sống hằng ngày mỗi khi đi, đứng, nói năng hay im lặng.

Ví dụ như khi chúng ta chọn phương pháp niệm hơi thở vào ra để tu tập, thì chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra, chánh kiến là nhận biết chánh niệm, chánh định ở nơi hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của năm thủ uẩn. Nhờ chánh niệm, chánh định và chánh kiến ở nơi hơi thở vào ra nên chúng ta mới điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế.

Khi thực tập chánh niệm, chánh định và chánh kiến nơi hơi thở vào ra, tức có mặt chánh tinh tấn và chánh tư duy. Chính chánh tinh tấn là đoạn trừ điều ác, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn; phát triển điều thiện, tức chánh niệm, chánh định, chánh kiến và chánh tư duy. Chánh kiến và chánh tư duy là thuộc nhóm tuệ, còn chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định là thuộc nhóm định. Chính ý nghĩa này nên khi tâm của chúng ta an trú trong định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nên dẫn sinh giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Đây chính là giới – định – tuệ hữu lậu – hữu vi.

Nhờ chúng ta thực tập chánh niệm, chánh định và chánh kiến nơi hơi thở vào ra thuần thục, vững chãi, kiên cố nên đạt được các tầng định như sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền. Từ đó, chúng ta an trú trong định và tuệ của sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền nên dẫn sinh giới, tức chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. Đây cũng chính là giới – định – tuệ hữu lậu – hữu vi.

"Này Chư Hiền, hoặc có một người vừa được Sơ thiền; được Sơ thiền rồi, người ấy liền an trú chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Người ấy, sau đó thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cõng cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cõng cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì

tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

“Này Chư Hiền, như lúc mưa to, hồ ao trong thôn xóm đều đầy nước. Có người trước khi chưa mưa, thấy trong hồ ao đó có cát, đá, cỏ cây, một vài loại giáp trùng, cá, rùa, ếnh ương và các loài thủy tánh khác, lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên. Nhưng sau khi trời mưa, ao hồ đầy nước, người đó không còn thấy như thế nữa. Chư Hiền, nếu người kia nói như thế này: ‘Trong hồ ao kia nhất định không thể nào thấy lại được cát, đá, cỏ cây, một vài loại giáp trùng, cá, rùa, ếnh ương và các loài thủy tánh khác, lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên’.

Người ấy nói như vậy có đúng chăng?” “Không đúng. Vì sao? Vì hồ ao đầy nước kia, hoặc voi uống, ngựa uống, lạc đà, bò, lừa, heo, nai, trâu uống, hoặc người lấy dùng, gió thổi, mặt trời rơi, thì nước sẽ cạn. Người kia khi nước đầy hồ ao không thấy cát, đá, cỏ cây, một vài loại giáp trùng, cá, rùa, ếnh ương và các loài thủy tánh khác, lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên, nhưng sau khi nước đã cạn rồi thì vẫn thấy như cũ”.

“Cũng vậy, này Chư Hiền, hoặc có một người vừa được Sơ thiền; được Sơ thiền rồi, người ấy liền an trú chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, công cao, bàn tán ôn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, công cao, bàn tán ôn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục.

Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này Chư Hiền, có một hạng người như vậy.

“Lại nữa, này Chư Hiền, hoặc có một người được Nhị thiền; được Nhị thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cõng cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện, rồi thì sanh tâm tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi liền xả giới bỏ đạo.

“Này Chư Hiền, như lúc mưa to, đất bụi ở nơi ngã tư đường đều thanh bùn. Này Chư Hiền, nếu có người nói như thế này: ‘Bùn ở nơi ngã tư đường này nhất định không khô ráo, không thể trở lại thành bụi đất được nữa’. Người ấy nói như vậy có đúng chang?” “Không đúng. Vì sao? Vì ngã tư đường này hoặc voi đi, ngựa đi, lạc đà, bò, lừa, heo, nai, trâu và người đi, gió thổi, mặt trời rơi, thì con đường kia bùn sẽ khô và khô rồi sẽ trở thành đất bụi trở lại”.

“Cũng như vậy, này Chư Hiền, hoặc có người được Nhị thiền; được Nhị thiền rồi, người ấy liền an trụ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cõng cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cõng cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh

tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Nay Chư Hiền, có một hang người như vậy.

“Này Chư Hiền, lại nữa, hoặc có một người được Tam thiền; được Tam thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cõng cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cõng cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

“Này Chư Hiền, như nước suối, nước hồ lặng trong, ngang bờ đứng yên, không xao động và cũng không có sóng. Nay Chư Hiền, nếu có người nói như thế này: ‘Nước suối, nước hồ kia nhất định không bao giờ xao động và nổi sóng nữa’. Người ấy nói như vậy có đúng chăng?” “Không đúng. Vì sao? Vì hoặc ở phương Đông gió lớn chợt thổi đến làm cho nước trong hồ xao động nổi sóng. Cũng vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, gió lớn chợt thổi đến làm cho nước trong hồ xao động nổi sóng”.

“Cũng như vậy, này Chư Hiền, hoặc có một người được Tam thiền; được Tam thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cõng cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười

cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Nay Chư Hiền, một hạng người như vậy.

"Lại nữa, nay Chư Hiền, hoặc có một người được Tứ thiền; được Tứ thiền rồi, người ấy liền an trú chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

"Nay Chư Hiền, ví như cư sĩ hoặc con cư sĩ ăn đồ ăn vi diệu, sau khi ăn uống no nê đầy bụng rồi thì những món ăn mà họ đã ăn trước kia, bây giờ không còn muốn ăn nữa. Nay Chư Hiền, nếu có lời nói như thế này: 'Cư sĩ hoặc con của cư sĩ nhất định không bao giờ muốn ăn lại nữa'. Người ấy nói như vậy có đúng chăng?" "Không đúng. Vì sao? Vì cư sĩ hoặc con của cư sĩ kia qua một đêm đã thấy đói, thì những gì khi no bụng họ không muốn ăn, bây giờ lại có thể ăn như trước".

"Cũng vậy, nay Chư Hiền, hoặc có một người được Tứ thiền; được Tứ thiền rồi, người ấy liền an trú chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện.

Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cõng cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo."

(Trích *Trung A-hàm*, kinh *Chi-Ly-Di-Lê*, số 82, do Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch).

Cho nên trong kinh Đức Phật dạy: Nếu chúng ta tu tập mà đạt được các tầng định như sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền thì hãy dùng trí tuệ quán chiếu năm thủ uẩn là vô thường, khổ và phi ngã để kiến đế. Chính ý nghĩa này nên có vị tu tập đạt được sơ thiền, rồi an trú trong sơ thiền để kiến đế; có vị tu tập đạt được nhị thiền, rồi an trú trong nhị thiền để kiến đế; có vị tu tập đạt được tam thiền, rồi an trú trong tam thiền để kiến đế; và có vị tu tập đạt được tứ thiền, rồi an trú trong tứ thiền để kiến đế. Duy chỉ khi kiến đế, chúng ta mới có thể bắt đầu bước tới tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Như vậy, chúng ta tu tập bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu, tức khiến cho tâm an trú trong định và tuệ để dẫn sinh lời nói của miệng là thiện (chánh ngữ) và hành động của thân là thiện (chánh nghiệp và chánh mạng).

"Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo phan duyên vào sự yểm ly, y trên sự yểm ly, an trú nơi yểm ly, do làm an tĩnh thân ác, do tâm nhập ly định, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chúng đắc Sơ thiền thành tựu an trú. Vì ấy y trên xứ này mà quán sát sự hung suy của tho. Vì ấy y trên xứ này mà quán sát sự hung suy của tho rồi, an trú nơi đó, tất chúng đắc Lậu tận. Giả sử

tru nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Rồi vị ấy giác quán tịch tịnh, nội tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hung suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hung suy của thọ rồi, an trú nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trú nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trú với chánh niệm chánh trí, thân cảm thọ lạc, điều mà Thánh nói là được Thánh xả, với niêm an trú lạc, chứng đắc Tam thiền, thành tựu an trú. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hung suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hung suy của thọ rồi, an trú nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trú nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy diệt lạc, diệt khổ, ưu hỷ vốn cũng đã diệt, không lạc, không khổ, xả niêm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tư thiền, thành tựu an trú. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hung suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hung suy của thọ rồi, an trú nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trú nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hữu ngại tướng, [12] không suy niêm đến bất cứ loại tướng nào, nhập vô lượng không,

chứng vô lượng không xứ, thành tựu an trụ. Vì ấy y trên xứ này mà quán sát sự hung suy của tho. Vì ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hung suy của tho rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vì ấy vượt qua tất cả vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng vô lượng thức xứ, thành tựu an trụ. Vì ấy y trên xứ này mà quán sát sự hung suy của tho. Vì ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hung suy của tho rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vì ấy vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Nơi vị ấy nếu có những cảm tho nào, hoặc lạc, khổ, hoặc không lạc, không khổ, vị ấy quán sát cảm tho này là vô thường, quán hung suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả. Vì ấy sau khi như vậy quán tho này là vô thường, quán hung suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả rồi, liền không còn chấp thủ đối với thế gian này [13] Sau khi không còn chấp thủ đối với thế gian này, liền không sợ hãi. Do không sợ hãi mà nhập Niết-bàn. Biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vãng, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

"Cũng như cách thôn không xa có một bụi chuối to lớn, nếu có một người xách búa đến đốn ngã cây chuối, xe

thành mảnh, xả làm mười phần, hoặc làm trăm phần. Sau khi xả làm mười phần hoặc trăm phần rồi, bèn vạch tùng sợi, nhưng mắt chuối không tìm thấy, há lại tìm thấy lõi được sao? A-nan, cũng vậy, Tỳ-kheo nếu có những cảm thọ nào, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc không khổ không lạc, vị ấy quán cảm thọ này là vô thường, quán hung suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả. Vì ấy sau khi như vậy, quán sát thọ này là vô thường, quán hung suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn quán xả rồi, liền không còn chấp thủ đối với thế gian này. Sau khi không còn chấp thủ đối với thế gian này, liền không sơ hãi. Do không sơ hãi mà nhập Niết-bàn. Biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.” (Trung A-hàm, kinh Ngũ Hلا Phần Kết, số 205, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch).

Tóm lại, dựa vào ý nghĩa của bát chánh đạo chúng ta có thể khẳng định rằng: Chính tâm an trú trong định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) để dẫn sinh ra giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Chứ không phải từ nơi giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng) để dẫn sinh ra chánh định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy).

Trong Trung A-hàm, kinh Ngũ Chi Vật Chu, số 179, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy: “*Thế nào gọi là giới thiện? Thân hành thiện, miệng, ý hành thiện. Đó gọi là giới thiện.*

"Giới thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tâm. Tâm là thế nào? Nếu tâm không có dục, không có nhuế, không có si, nên biết giới thiện phát sanh từ tâm này."

Tu tập giới – định – tuệ vô lậu

Các bậc thánh nhân an trụ trong tuệ vô lậu (chánh kiến và chánh tư duy) và định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niêm và chánh định) nên dẫn sinh giới vô lậu (chánh ngũ, chánh nghiệp và chánh mạng). Tuy nhiên, bậc thánh sơ quả, nhị quả và tam quả chỉ đạt được phần nào giới – định – tuệ vô lậu, vì các Ngài vẫn chưa đoạn tận hoàn toàn phiền não chướng (chấp ngã). Duy chỉ có bậc thánh A-la-hán mới đạt được giới – định – tuệ vô lậu. Vì các Ngài đã đoạn tận khổ đế - tập đế (phiền não chướng) nên đạt được Niết-bàn.

Bậc thánh sơ quả đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Bậc thánh nhị quả làm mỏng, hoặc giảm tham, sân và si đối với năm thủ uẩn. Cho nên, cả hai bậc thánh này vẫn bị sự tập khởi của ngũ uẩn làm chướng ngại cho sự định tâm. Bậc thánh tam quả đã đoạn trừ năm hạ phần kết sử nên sau khi các Ngài xả bỏ báo thân sẽ sinh lên Ngũ Tịnh Cư Thiên và các cõi trời ấy là thuộc tầng định thứ tư trong sắc giới. Với ý nghĩa này nên chúng ta hiểu rằng, bậc thánh tam quả đã đạt được các tầng thiền định như sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, v.v.. đều thuộc định vô lậu.

Các bậc thánh A-la-hán thuộc tuệ giải thoát, mặc dù chưa đạt được diệt tận định, nhưng các Ngài vẫn đạt được

các tầng thiền định như sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền và không vô biên xứ định, thức vô biên xứ định, vô sở hữu xứ định và phi tưởng phi phi tưởng xứ định đều là thuộc định vô lậu. Bởi các bậc thánh A-la-hán thuộc câu phần giải thoát đã đạt được diệt tận định nên các Ngài đạt được sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền và không vô biên xứ định, thức vô biên xứ định, vô sở hữu xứ định và phi tưởng phi phi tưởng xứ định và diệt tận định đều thuộc định vô lậu.

Để dẫn chứng cho ý nghĩa đó, trong Trường A-hàm, Kinh Du Hành, Phần III, số 34. Hiện nhập Vô dư Niết-bàn, Đức Phật dạy: “*Thế rồi, Thế Tôn nhập sơ thiền; rồi từ sơ thiền xuất, nhập nhị thiền; từ nhị thiền xuất, nhập tam thiền; từ tam thiền xuất, nhập tứ thiền, từ tứ thiền xuất, nhập không vô biên xứ định; từ không vô biên xứ định xuất, nhập thức vô biên xứ; từ thức vô biên xứ định xuất, nhập vào vô sở hữu xứ; từ vô sở hữu xứ định xuất, nhập phi tưởng phi phi tưởng xứ định; từ phi tưởng phi phi tưởng xứ định xuất, nhập diệt thọ tưởng định.*

Lúc ấy A-nan hỏi A-na-luật: “*Thế Tôn đã vào Niết-bàn rồi chăng?*”

A-na-luật nói: “*Chưa, A-nan. Thế Tôn hiện đang ở trong định diệt thọ tưởng. Tôi lúc trước được thân nghe từ Phật rằng, khi Phật từ tứ thiền mới vào Niết-bàn.*”

Rồi Thế Tôn từ diệt thọ tưởng định xuất, nhập phi tưởng phi phi tưởng, từ phi tưởng phi phi tưởng xuất, nhập vô sở hữu định; từ vô sở hữu định xuất, nhập thức vô biên xứ định; từ thức vô biên xứ định xuất, nhập không vô biên xứ định; từ không vô biên xứ định xuất, nhập từ

thiền; từ tứ thiền xuất, nhập tam thiền; từ tam thiền xuất, nhập nhị thiền; từ nhị thiền xuất, nhập sơ thiền; rồi lại từ sơ thiền xuất lần lượt đến tứ thiền, rồi từ tứ thiền xuất, Phật vào Niết-bàn”.

Trong *Tăng Nhất A-hàm*, phẩm *Bốn Ý Đoạn*, kinh số 9, Ngài Xá-lợi-phất trước khi nhập Niết-bàn cũng đã nhập vào các tầng thiền định như vậy: “*Xá-lợi-phất liền ngồi trước Như Lai, chánh thân, chánh ý, buộc niệm ở trước mà vào sơ thiền. Từ sơ thiền khởi, lại vào nhị thiền. Từ nhị thiền khởi, lại vào tam thiền. Từ tam thiền khởi, lại vào tứ thiền. Từ tứ thiền khởi, lại vào không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, phi tưởng phi phi tưởng xứ. Từ hữu tưởng vô tưởng khởi, vào diệt tận định. Từ diệt tận định khởi, vào phi tưởng phi phi tưởng xứ. Từ phi tưởng phi phi tưởng xứ khởi, vào vô sở hữu xứ, thức xứ, không xứ. Từ không xứ khởi, vào đê tứ thiền. Từ đê tứ thiền khởi, vào đê tam thiền. Từ đê tam thiền khởi, vào đê nhị thiền. Từ đê nhị thiền khởi, vào sơ thiền. Từ sơ thiền khởi, vào đê nhị thiền. Từ đê nhị thiền khởi, vào đê tam thiền. Từ đê tam thiền khởi, vào đê tứ thiền. Khi Tôn giả Xá-lợi-phất từ tứ thiền khởi, bảo các Tỳ-kheo: “Đây gọi là định sư tử phấn tấn.”*

Tóm lại, tâm vô lậu của bậc thánh A-la-hán không chỉ thành tựu mười chi vô lậu mà còn thành tựu tất cả các tầng thiền định vô lậu, cho đến lục độ ba-la-mật, hoặc thập độ ba-la-mật. Cho nên, trong *Tăng Nhất A-hàm*: “*Tôn giả Ca-diếp hỏi tôn giả A-nan: Trong bài kệ nào mà xuất sinh 37 phẩm và các pháp?*

Bấy giờ Tôn giả A-nan liền nói bài kệ:

*Chớ làm các điều ác,
Vâng làm các điều thiện.
Tự thanh tịnh tâm ý,
Là lời Chư Phật dạy.*

*Thế nào, A-nan? Chỉ có Tăng Nhất A-hàm mới xuất sinh
37 phẩm và các pháp, hay là 4 bộ A-hàm khác cũng xuất
sinh?*

*Tôn giả A-nan đáp: Trong bài kệ này đã thâu tóm đầy đủ
giáo nghĩa của Chư Phật, Thanh Văn, Bích Chi Phật và
giáo nghĩa của 4 bộ A-hàm.”* (Kinh Tăng Nhất A-hàm,
phẩm Tựa, Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch).

IV. BÁT CHÁNH ĐẠO VỚI TỨ VÔ LƯỢNG TÂM

Tứ vô lượng tâm là tâm từ vô lượng, tâm bi vô lượng, tâm hỷ vô lượng và tâm xả vô lượng.

Tâm từ vô lượng

Chúng ta an trụ trong chánh niệm, chánh định và chánh kiến để nhận biết khổ đế - tập đế của chính mình và tất cả chúng sinh đang còn lưu chuyển trong vòng sinh tử khổ đau, nên dẫn sinh tâm từ. Tình thương chân thật đó được biểu hiện qua chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng của chúng ta.

Cũng vậy, các bậc thánh nhân an trụ trong chánh niệm, chánh định và chánh kiến vô lậu để quán sát khổ đế - tập đế của tất cả chúng sinh đang còn lưu chuyển trong sinh tử khổ đau, nên dẫn sinh tâm từ vô lượng. Tâm từ đó được biểu hiện cụ thể qua hành động của chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. Nghĩa là, các Ngài đã làm vô lượng điều thiện như tài thí, pháp thí và vô uý thí cho tất cả chúng sinh.

Tâm bi vô lượng

Chúng ta an trụ trong chánh niệm, chánh định và chánh kiến để quán sát khổ đế - tập đế của chính mình và tất cả chúng sinh đang còn lưu chuyển trong sinh tử khổ đau nên dẫn sinh tâm bi, tức tâm nguyện muốn giúp mọi người. Tâm bi ấy được dẫn sinh cụ thể qua chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng của chúng ta. Cũng vậy, các bậc thánh nhân an trụ trong chánh niệm, chánh

định và chánh kiến vô lậu để quán sát khổ đế - tập đế của tất cả chúng sinh đang còn lưu chuyển sinh tử trong các giới loại, nên sinh khởi tâm bi vô lượng. Tâm bi đó được biểu hiện cụ thể qua hành động của chánh ngũ, chánh nghiệp và chánh mạng. Nghĩa là, các Ngài đã thuyết pháp để dạy dỗ cho tất cả chúng sinh biết tu tập tất cả thiện nghiệp.

Chính ý nghĩa đó nên Đức Thế Tôn, các bậc đại Bồ-tát và các bậc A-la-hán đã từ nơi tâm vô lậu mà nguyện lực sinh thân trong ba cõi, để giáo hoá chúng sinh bằng vô số phương tiện như tài thí, pháp thí và vô uý thí. Đây chính là tâm đại từ, đại bi, đại hỷ và đại xả của các Ngài.

Tâm hỷ vô lượng

Nhờ tâm an trụ trong chánh niệm, chánh định và chánh kiến nên dẫn sinh hỷ tho và lạc tho. Từ đó, chúng ta mới vui thích, hoan hỷ trước tất cả nhân thiện và quả lành của mọi người.

Cũng vậy, các bậc thánh nhân an trụ trong định vô lậu và tuệ vô lậu nên dẫn sinh hỷ tho và lạc tho vô lậu. Cho nên, các Ngài luôn hoan hỷ khi thấy tất cả chúng sinh biết tu tập các thiện pháp và tho quả lành.

Tâm xả vô lượng

"Hành xả là gì? Đó là tinh tấn cùng với ba thiện căn." (Luận Thành Duy Thức).

Nhờ chúng ta an trụ trong chánh niệm, chánh định và chánh kiến nên mới điều phục, đoạn trừ tham, sân và si đối với năm thủ uẩn.

Bậc thánh sơ quả đã xả ly được thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Bậc thánh nhị quả đã làm mỏng, giảm tham, sân và si đối với năm thủ uẩn. Bậc thánh tam quả đã xả ly được năm hạ phần kết sử, tức thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong dục giới. Bậc thánh A-la-hán đã xả ly hoàn toàn khổ đế - tập đế, tức phiền não chướng (chấp ngã). Duy chỉ có Đức Thế Tôn mới xả ly hoàn toàn phiền não chướng (chấp ngã) và sở tri chướng (chấp pháp), nên Ngài đã thành tựu tâm đại từ, đại bi, đại hỷ và đại xả.

V. BÁT CHÁNH ĐẠO LIÊN HỆ CÁC THÁNH QUẢ

Thánh quả Tu-dà-hoàn (Thất lai)

Nghĩa của kiến đế chỉ có một nhưng tùy theo mỗi bản kinh, mỗi bản luận để có sự quy ước tên gọi khác nhau. Ví dụ: trong giáo lý Tứ thánh đế gọi là *kiến đế*. Trong pháp mười hai nhân duyên gọi là *mình*. Trong kinh vô tri gọi là *nhus thật tri*. Trong kinh Vô minh gọi là *mình*. Trong kinh Bahiya gọi là *trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết*. Trong kinh *Lăng Nghiêm* gọi là *tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh vị, tánh xúc và tánh biết*. Trong *Bát-nhã tâm kinh* và kinh *Kim Cang* gọi là *trí vô lậu*.

Kiến đế là lãnh hội chánh kiến vô lậu, tức tâm vô lậu. Khi chúng ta lãnh hội chánh kiến vô lậu thì đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi, nên thành tựu bậc thánh Tu-dà-hoàn.

- Thân kiến là gì? Đó là cho rằng sắc, thọ, tưởng, hành và thức là tự ngã và tự ngã là sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Trong Tập A-hàm, Kinh Lê-Tê-Đạt-Đa, số 570, do Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch, Tôn giả Lê-Tê-Đạt-Đa dạy:

“Thế nào là thân kiến?”

“Phàm phu ngu si không học thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, thức khác ngã, thức ở trong ngã, ngã ở trong thức. Này Trưởng giả, đó gọi là thân kiến.”

"Làm thế nào để không có thân kiến này?"

"Đa văn Thành đệ tử chẳng thấy sắc là ngã, chẳng thấy sắc khác ngã, chẳng thấy sắc trong ngã, ngã trong sắc; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, chẳng thấy thức khác ngã, chẳng thấy thức trong ngã, ngã trong thức; đó gọi là không có thân kiến."

- Giới cấm thủ là gì? Đó là không phải nhân mà thấy là nhân; không phải đạo mà thấy là đạo. Đây gọi là giới cấm thủ. Ví như Đại Tự Tại Thiên, Sinh Chủ không phải là nhân của thế giới mà cho đó là nhân. Hoặc những hành vi như nhảy vào lửa, nhảy xuống sông, ... không phải là nguyên nhân để sinh thiên, mà cho đó là nguyên nhân để sinh thiên. Hoặc cho rằng phải khổ hạnh, ép xác hành hạ thân thể để đền bù tội lỗi trong quá khứ và sau khi chết sẽ thoát khỏi ở chư thiên... Đó gọi là giới cấm thủ.

- Nghi là gì? Đó là nghi ngờ Tứ thánh đế.

Khi chúng ta lãnh hội chánh kiến vô lậu, rồi an trú trong chánh kiến này để nhận biết sự tập khởi của năm thủ uẩn là duyên sinh, vô thường, khổ và vô ngã, nên mới đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi.

Với ý nghĩa này, trong kinh Đức Phật dạy: *"Ta chưa từng thấy một người đệ tử của ta kiến đế mà phải trải qua đến đời thứ tám".*

Có nghĩa rằng bậc thánh sơ quả chỉ trải qua thời gian tối đa bảy lần qua lại giữa các cõi trời và cõi người tu tập thì thành tựu quả vị A-la-hán.

Trong *Tạp A-hàm, kinh số 398 – 399 – 401*, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy:

*"Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật trú trong vườn Lộc
đã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nai. Bấy giờ Thế Tôn nói
với các Tỳ-kheo:*

*"Như một cục bông gòn nhỏ, hay cục bông kiếp-bối,
đặt ở ngã tư đường, khi bốn phương gió thổi, thì tùy theo
chiều gió mà bông bay về một hướng. Cũng vậy, nếu Sa-
môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật Khổ Thánh
đế; không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh
đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì nên biết Sa-môn, Bà-la-
môn này thường hay nhìn mặt người và thường hay nói
theo người. Vì không biết như thật, nên nghe người khác
nói, hướng theo lời nói đó mà thọ nhận, nên biết người
này đời trước không tu tập trí tuệ.*

*"Giống như cây trụ nhân-dà-la dùng đồng, thiếc làm
nên, rồi đem cắm sâu xuống đất, dù bốn phương gió mạnh
cũng không thể làm lay động. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-
la-môn nào biết như thật Khổ Thánh đế; biết như thật biết
như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt
đạo tích Thánh đế, nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này không
xem mặt người, không nói theo người; vì Sa-môn, Bà-la-
môn này là người có trí tuệ vững chắc. Vì người này trước
kia đã tùy tu tập nên không theo lời nói của người. Cho
nên các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế phải siêng năng tìm
phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tinh tấn tu học."*

*Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức
Phật dạy, hoan hỷ phụng hành." (Kinh 398. Nhân-dà-la-trụ)*

*"Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật trú trong vườn Lộc
dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói
với các Tỳ-kheo:*

*"Giống như trụ đá dài mươi sáu khuỷu tay, được cắm
sâu xuống đất tám khuỷu tay, dù bốn phương có gió thổi
cũng không thể làm lay động. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-
la-môn nào mà biết như thật Khổ Thánh đế; biết như thật
Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích
Thánh đế, Sa-môn, Bà-la-môn này có đến các chỗ luận
nghị mà không thể bị khuất phục, tâm người này giải
thoát, tuệ giải thoát, có thể khiến cho Sa-môn, Bà-la-môn
khác ngược lại sanh ra lo khổ. Biết như thật, thấy như thật
như vậy đều là do tập hành của đời trước nên khiến trí tuệ
không thể khuynh động. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn
Thánh đế phải siêng năng tìm phương tiện, khởi ý muốn
tăng thượng, tinh tấn tu học."*

*Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức
Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Kinh 399. Luận Xứ)*

*"Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật trú trong vườn Lộc
dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói
với các Tỳ-kheo:*

*"Giống như có người sống lâu trăm tuổi, có người nói
với người ấy rằng: 'Ông nếu muốn nghe pháp thì mỗi ngày
ba thời phải chịu khổ: Sáng sớm chịu khổ của trăm mũi
thương đâm vào; trưa, chiều lại cũng như vậy. Trong một
ngày, chịu khổ ba trăm mũi thương đâm; như vậy ngày*

nào cũng tiếp tục cho đến trăm năm rồi sau đó nghe pháp, được hiện quán. Ông có thể chịu như vậy được không? Bấy giờ, người này vì muốn nghe pháp nên có thể chịu đựng tất cả. Vì sao? Vì con người sanh ra ở thế gian luôn luôn chịu khổ ở trong ba đường ác, khi thì địa ngục, khi thì súc sanh, khi thì ngạ quỷ, mà không cảm nhận các thứ khổ, cũng không nghe pháp. Cho nên nay vì muốn được hiện quán, nên chẳng cho rằng cái khổ ba trăm mũi thương đâm vào người trọn đời là cái khổ lớn. Thế nên các Tỳ-kheo nếu đối với bốn Thánh đế mà chưa được hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành." (Kinh 401. Bách Thương)

Trong *Tập A-hàm*, kinh *Xá-Lợi-Phất*, số 844, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch, Ngài Xá-Lợi-Phất dạy:

"Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Bảo là dòng; thế nào là dòng?"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bach Thế Tôn, nói là dòng, đó là nói tám Thánh đạo."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Gọi là Nhập lưu phần, vậy thế nào là Nhập lưu phần?"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có bốn thứ Nhập lưu phần. Những gì là bốn? Thân cận thiện nam tử, nghe Chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, hướng đến pháp và thứ pháp.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Người Nhập lưu phải thành tựu bao nhiêu pháp?”

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

“Có bốn phần để người Nhập lưu thành tựu. Những gì là bốn? Bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, thành tựu Thánh giới.”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Như những gì ông đã nói, dòng túc là tám Thánh đạo. Nhập lưu phần có bốn pháp là thân cận thiện nam tử, nghe chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, hướng đến pháp và thứ pháp. Người Nhập lưu thành tựu bốn pháp, là bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, thành tựu Thánh giới.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.”

Thánh quả Tư-đà-hàm (Nhất lai)

Bậc thánh sơ quả tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu nhận biết sự tập khởi của năm thủ uẩn là vô thường, khổ, không và phi ngã. Từ đó làm giảm hay mỏng tham, sân và si đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn nên thành tựu quả vị Tư-đà-hàm. Khi bậc thánh nhị quả xả bỏ báo thân ở nơi nhân gian này thì sẽ sinh lên các cõi trời trong dục giới. Sau khi tho báo nơi các cõi trời đó hết thì các

Ngài sẽ sinh xuống trong nhân gian, tiếp tục nỗ lực tu tập để thành tựu quả vị A-la-hán.

Thánh quả A-na-hàm (Bất lai)

Bậc thánh nhị quả tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu nhận biết sự tập khởi của năm thủ uẩn là vô thường, khổ và phi ngã. Nhờ đó đoạn trừ năm hạ phần kết sử, tức thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong dục giới nên thành tựu bậc thánh A-na-hàm. Sau khi các Ngài xả bỏ báo thân ở nơi nhân gian này thì sẽ sinh lên các cõi trời như: Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiên Hiện Thiên, Thiên Kiến Thiên và Sắc Cứu Cánh Thiên (thuộc tầng thiền thứ tư trong sắc giới). Ở nơi các cõi trời đó, các Ngài tiếp tục tu tập để thành tựu quả A-la-hán.

Bậc thánh sơ quả đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi, tức đoạn được phân biệt ngã chấp. Bậc thánh tam quả đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi, đây là thuộc phần câu sanh ngã chấp.

“Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngủ, trong ý còn không có ý tưởng về dục tưởng, há lại có quấn chặt nơi dục chẳng? Nhưng kết sử nằm trong bản tính của chúng nên nói là dục tùy miên. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh, mềm yếu, nằm ngủ mà ngủ, ý tưởng về chúng sanh còn không có, há lại có tâm bị quấn chặt nơi sân nhuế chẳng? Nhưng do kết sử nằm trong bản tính của nó, nên nói là nhuế tùy miên. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngủ mà ngủ, ý tưởng về tự thân còn không có, há lại có quấn chặt nơi thân chẳng? Nhưng

do kết sứ ở nơi bản tính của nó nói là thân kiến tùy miên. Nay Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngủ mà ngủ, ý tưởng về giới còn không có, há lại có tâm quán chặt nơi giới chẳng? Nhưng do kết sứ nơi bản tính của nó nên nói là giới thủ tùy miên. Nay Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, ý tưởng về pháp còn không có, há lại có tâm quán chặt nơi pháp chẳng? Nhưng do kết sứ nơi bản tính của nó nên nói là nghi tùy miên". (Trung A-hàm, kinh Ngũ Hلا Phần Kết, số 205, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch).

Với ý nghĩa đó nên chúng ta hiểu rằng, bậc thánh tam quả sẽ đạt được các tầng định như sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền, v.v.. đều vô lậu.

Trong Trung A-hàm, kinh Thiện Nhân Vãng, số 6, Đức Phật dạy có bảy bậc thánh tam quả:

"Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng thế, chút ít mạn chưa trừ hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc thiện nhân thứ nhất, thế gian quả thực có người như vậy."

"Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy; còn chút mạn chưa trừ hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ hai, thế gian quả thực có người như vậy."

"Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ ba, thế gian quả thực có người như vậy."

“Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Санh Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ tư, thế gian quả thực có người như vậy.”

“Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Hành Bát-niết-bàn. Đó là hố đi đến của bậc thiện nhân thứ năm, thế gian quả thực có người như vậy.”

“Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kiết đã đoạn hết, chứng Vô hành Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ sáu, thế gian quả thực có người như vậy.”

“Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Thượng lưu A-ca-ni-trá Niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ bảy, thế gian quả thực có người như vậy.”

Trong kinh Trung A-hàm, kinh Tịnh Bất Động Đạo số 75, do Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy: Có những bậc tam quả đạt được từ thiền thì khi xả báo thân sẽ sinh lên Ngũ Tịnh Cư Thiên. Nhưng cũng có các bậc tam quả, hoặc hướng đến A-la-hán mà đạt được định từ không thì khi xả báo thân, các Ngài sẽ sinh lên các cõi trời vô sắc như Không vô biên xứ định, Thức vô biên xứ định, Vô sở hữu xứ định và Phi tưởng phi phi tưởng xứ định.

“Đa văn Thánh đệ tử nên quán như vậy, Thế Tôn nói rằng dục là vô thường, hư nguy, giả dối, huyền hóa, dối gạt, ngu si. Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc của đời này hay sắc của đời sau, tất cả đều là cảnh

giới của Ma, là miếng môi của Ma. Nhận những thứ ấy, tâm mới sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, tham lam, sân nhuế và đấu tranh, làm chướng ngại sự tu học của Thánh đệ tử'.

"Rồi vị ấy có thể suy nghĩ như vậy: 'Ta hãy đạt đến tâm quảng đại, thành tựu và an trú, nghiệp phục thế gian, nghiệp trì tâm ấy. Nếu ta đạt đến tâm quảng đại, thành tựu và an trú, nghiệp phục thế gian, nghiệp trì tâm ấy, thì tâm như thế không sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, tham lam, sân nhuế và đấu tranh, làm chướng ngại sự tu học của Thánh đệ tử'.

"Vì ấy bằng sự hành này, bằng sự học này, như vậy mà tu tập để phát triển rộng lớn, liền ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh (theo chú thích ở trong kinh, tâm minh tịnh là chỉ cho bậc A-la-hán, hướng A-la-hán và bậc A-na-hàm). Sau khi tâm đã minh tịnh ở nơi xứ, Tỳ-kheo ấy, hoặc nhờ đó mà nhập vào bất động (chỉ đệ tứ thiền), hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoai mang chung, nhận tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến bất động. Đó gọi là thuyết về Tịnh bất động đạo thứ nhất.

"Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử nêu quán như thế này: 'Những gì là sắc, tất cả những sắc ấy là bốn đại và bốn đại tạo thành. Bốn đại ấy là pháp vô thường, khổ và diệt'. Vì ấy bằng sự hành này, bằng sự học này, như vậy mà tu tập để phát triển rộng lớn, liền ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh" (Theo chú thích ở trong kinh, tâm minh tịnh là chỉ cho bậc A-la-hán, hướng A-la-hán và bậc A-na-hàm).

Sau khi tâm đã minh tịnh ở nơi xứ, Tỳ-kheo ấy, hoặc nhờ đó mà nhập vào bất động, hoặc do tuệ mà giải thoát.

Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến bất động. Đó gọi là thuyết Tịnh bất động đạo thứ hai.

“Lại nữa, Đa văn Thành đệ tử nêu quán thế này: ‘Dù là dục của đời

này hay dục của đời sau, dù là sắc đời này hay sắc đời sau, dù là dục tướng của đời này hay dục tướng của đời sau, dù là sắc tướng của đời này hay sắc tướng của đời sau, tất cả tướng ấy đều là pháp vô thường, khổ và diệt’. Vị ấy bằng sự hành này, bằng sự học này, như vậy mà tu tập để phát triển rộng lớn, liền ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh (Theo chú thích ở trong kinh, tâm minh tịnh là chỉ cho bậc A-la-hán, hướng A-la-hán và bậc A-na-hàm).

Sau khi tâm đã minh tịnh ở nơi xứ, Tỳ-kheo ấy, hoặc nhờ đó mà nhập vào bất động, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến bất động. Đó gọi là thuyết Tịnh bất động đạo thứ ba.

“Lại nữa, Đa văn Thành đệ tử nêu quán thế này: ‘Dù là dục tướng của đời này hay dục tướng của đời sau, dù là sắc tướng của đời này hay sắc tướng của đời sau, và bất động tướng, tất cả tướng đều là pháp vô thường, khổ và diệt’. Vị ấy bấy giờ đãc Vô sở hữu xứ tướng. Vị ấy bằng sự hanh này, bằng sự học này, như vậy mà tu tập để phát triển rộng lớn, liền ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh (Theo chú thích ở trong kinh, tâm minh tịnh là chỉ cho bậc A-la-hán, hướng A-la-hán và bậc A-na-hàm).

Sau khi tâm đã minh tịnh ở nơi xứ, Tỳ-kheo ấy, hoặc nhờ đó mà nhập vào bất động, hoặc do tuệ mà giải thoát.

Về sau, khi thân hoai mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến bất động. Đó là gọi là thuyết Tịnh vô sở hữu xứ đạo thứ nhất.

"Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử nêu quán như thế này: 'Thế gian này là không, ngã không, ngã sở không, cái hữu thường không, cái hữu hằng không, cái trường tồn không, cái không biến dịch không'. Vì ấy hành như vậy, học như vậy, tu tập và phát triển như vậy thì ở nơi xứ mà tâm được

minh tịnh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh (Theo chú thích ở trong kinh, tâm minh tịnh là chỉ cho bậc A-la-hán, hướng A-la-hán và bậc A-na-hàm).

Tỳ-kheo ấy hoặc nhờ đó mà tâm nhập Vô sở hữu xứ, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoai mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến Vô sở hữu xứ. Đó là trường hợp thứ hai được gọi là Tịnh vô sở hữu xứ đạo.

"Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử nêu quán như thế này: 'Ta không phải

được tạo ra vì cái khác, cũng không phải được tạo ra vì chính mình'. Vì ấy hành như vậy, học như vậy, tu tập và phát triển như vậy, ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh (Theo chú thích ở trong kinh, tâm minh tịnh là chỉ cho bậc A-la-hán, hướng A-la-hán và bậc A-na-hàm).

Sau khi ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh, Tỳ-kheo ấy hoặc nhờ đó mà nhập Vô sở hữu xứ, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoai mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến vô sở hữu xứ. Đó là trường hợp thứ ba được gọi là Tịnh vô sở hữu xứ đạo.

“Lại nữa, Đa văn Thành đê tử nén quán như thế này: ‘Đù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc của đời này hay sắc của đời sau, dù là dục tưởng của đời này hay dục tưởng của đời sau, dù là sắc tưởng của đời này hay sắc tưởng của đời sau và bất động tưởng, vô sở hữu xứ tưởng, tất cả tưởng ấy đều là pháp vô thường, khổ và diệt’. Bấy giờ vị ấy đắc Vô tưởng. Vì ấy hành như vậy, học như vậy, tu tập và phát triển như vậy, thì ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh (Theo chú thích ở trong kinh, tâm minh tịnh là chỉ cho bậc A-la-hán, hướng A-la-hán và bậc A-na-hàm).

Sau khi ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh, Tỳ-kheo ấy hoặc nhờ đó mà nhập vô tưởng, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến vô tưởng xứ. Đó là nói về Tịnh vô tưởng đao (Phi tưởng phi tưởng xứ)”.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu Đức Phật. Tôn giả hướng về Phật mà bạch rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo nào thực hành như vậy, ‘Không có ta, không có sở hữu của ta; ta sẽ không tồn tại, sở hữu của ta sẽ không tồn tại; những gì có trước kia,’ hoàn toàn xá ly như vậy. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo ấy thực hành như thế, có chứng đắc cứu cánh Niết-bàn chăng?”

Đức Phật nói rằng:

“Này A-nan, sự kiện ấy không nhất định. Hoặc có người chứng đắc, hoặc có người không chứng đắc”.

Tôn giả A-nan lại thưa:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo ấy hành như thế nào mà không chứng đắc Niết-bàn?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này A-nan, Tỳ-kheo nào hành như vậy, ‘Không có ta, không có sở hữu của ta; ta sẽ không tồn tại, sở hữu của ta sẽ không tồn tại; những gì có trước kia,’ hoàn toàn xả ly như vậy. Nhưng này A-nan, nếu Tỳ-kheo ấy vui thích với sự xả ấy, đắm trước nơi sự xả ấy, an trú nơi xả ấy, Tỳ-kheo như thế chắc chắn không chứng đắc Niết-bàn”.

Tôn giả A-nan bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo nào nếu có chấp thủ sẽ không đắc Niết-bàn chẳng?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào có chõ chấp thủ thì chắc chắn không đắc Niết-bàn”.

Tôn giả A-nan bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo ấy bị chấp thủ bởi những gì?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này A-nan, còn hữu dư ở trong hành; đó là Phi tưởng phi phi tưởng xứ, bậc nhất trong các hữu mà Tỳ-kheo ấy chấp thủ”.

Thánh quả A-la-hán (Vô học)

Bậc thánh tam quả tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu để nhận biết sự tập khởi của năm thủ uẩn là vô thường, khổ và vô ngã. Nhờ đó đoạn tận khổ đế - tập đế nên thành tựu quả vị A-la-hán.

Bậc thánh sơ quả, nhị quả và tam quả chưa đoạn tận phiền não chướng (chấp ngã) nên thuộc hàng Hữu học. Bậc thánh A-la-hán đã đoạn tận phiền não chướng (chấp ngã) nên thuộc hàng Vô học. Với sự thành tựu đó nên các

Ngài xứng đáng cho Chư thiên và loài người đánh lẽ và cúng dường.

Trong kinh *Tập A-hàm*, kinh *Bốn Quả*, số 840, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy:

"Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rìa cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bốn quả Sa-môn. Những gì là bốn? Là quả Tu-dà-hoàn, Tư-dà-hàm, A-na-hàm, và A-la-hán. Thế nào là quả Tu-dà-hoàn? Đoạn dứt ba kết gọi là Tu-dà-hoàn. Thế nào là quả Tư-dà-hàm? Đoạn dứt ba kết và tham, sân, si voi mỏng gọi là Tư-dà-hàm. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn dứt năm hạ phần kết sử gọi là quả A-na-hàm. Thế nào là quả A-la-hán? Nếu người nào dứt sạch tham dục, sân nhuế, ngu si, và tất cả phiền não gọi là A-la-hán."

Phật nói kinh này xong, Các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành."

VI. TỨ NIỆM XỨ

Kinh 575. Niệm xứ

"Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Có bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán tho, tâm, pháp trên pháp.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành."

Kinh 576. Niệm xứ

"Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Có bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán tho, tâm, pháp trên pháp.

Như vậy, Tỳ-kheo đối với bốn niệm xứ này, tu tập đầy đủ, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, cần phải học.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành."

Kinh 580. Chánh niệm

"Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Ta sẽ dạy về sự tu tập bốn niệm xứ. Hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ!

Thế nào là tu bốn niệm xứ? Sóng chánh niệm quán thân trên nội thân, tinh cần phuơng tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục lo buồn của thế gian. Sóng quán ngoại thân, nội ngoại thân, tinh cần phuơng tiện, chánh niệm chánh tri, điều phục sự lo buồn của thế gian. Cũng vậy sóng chánh niệm quán thọ, tâm, pháp, nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp, tinh cần phuơng tiện, chánh niệm chánh tri, điều phục sự lo buồn của thế gian, đó gọi là Tỳ-kheo tu bốn niệm xứ.

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thời quá khứ, vị lai, tu bốn niệm xứ cũng được thuyết như vậy."

Nội dung tu tập tứ niệm xứ:

Niệm thân

Thân là thân thể của chính mình. Thân thể này là do bốn đại tạo thành. Trong Trung A-hàm, kinh Ngũ Chuyển, Đức Phật dạy: "Pháp gì do bốn đại tạo thành gọi là sắc uẩn".

Niệm thọ

Thọ có ba loại: Khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ. Thọ của tiền ngũ thức, hoặc thọ của ý thức, hoặc thọ của thức thứ bảy và thọ của thức thứ tám. Thọ thuộc về tâm sở. Tâm sở và tâm vương không tách rời nhau ví như mặt trời và ánh sáng, mặt trời ví cho tâm vương, còn ánh sáng ví cho tâm sở. Cho nên khi thọ tập khởi thì lúc nào cũng

có tướng, hành và thức tập khởi, tức toàn bộ năm thủ uẩn đồng thời tập khởi.

Chính ý nghĩa này, trong *Trung A-hàm*, kinh *Đại Câu-Hy-La*, số 211, do Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch, Tôn giả Đại Câu-Hy-La dạy thọ, tướng và tư hợp nhất không riêng biệt:

"Thọ, tướng, tư, ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt. Không thể thi thiết ba pháp này là riêng biệt. Vì sao? Những gì được cảm thọ bởi thọ, cũng được tướng bởi tướng, được tư bởi tư. Cho nên nói ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt, và không thể thi thiết ba pháp này riêng biệt."

Niệm tâm

Tâm ở đây là chỉ cho các tâm vương và tâm sở. Theo *Duy Thức học* cho rằng có 8 thức tâm vương và 51 tâm sở (thiện tâm sở và bất thiện tâm sở).

Niệm pháp

Pháp ở đây gồm sắc pháp và tâm pháp. Sắc pháp gồm nội sắc và ngoại sắc. Trong Trung A-hàm, kinh Ngũ Chuyển, Đức Phật dạy: "*Pháp gì do bốn đại tạo thành gọi là sắc uẩn.*" Như vậy, sắc uẩn gồm có nội sắc và ngoại sắc. Nội sắc là bốn đại bên trong thuộc thân thể của chúng ta. Còn ngoại sắc là sắc, thanh, hương, vị và xúc. Tâm pháp là thọ, tướng, hành và thức.

Đạo đế

Các từ như "niệm", "quán", "biết", "chánh tri" về thân, thọ, tâm và pháp, đây chính là chánh niệm và chánh kiến trong bát chánh đạo. Khi chánh kiến sinh khởi thì bảy chi

phần còn lại của bát chánh đạo cùng sinh khởi. Và bát chánh đạo gồm hữu lậu và vô lậu. Hơn nữa, trong kinh *Tăng Nhứt A-hàm*, Đức Phật dạy: “*Vô lậu là Niết-bàn.*” Cho nên, ý nghĩa của niệm thân, niệm thọ, niệm tâm và niệm pháp chính là nghĩa của bốn thánh đế.

Với ý nghĩa đó nên chúng ta cần phải nhận thấy rằng, thân, thọ, tâm và pháp chính là khổ đế - tập đế, tức năm thủ uẩn của chính mình.

Vì vậy, ý nghĩa của các từ như “niệm”, “quán”, “biết”, hay “chánh tri” về thân, thọ, tâm và pháp, chính là ý nghĩa tu tập bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu. Cho nên, Đức Phật dạy chúng ta phải tu tập bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu để điều phục, đoạn trừ thân, thọ, tâm và pháp, tức khổ đế - tập đế. Về ý nghĩa tu tập bát chánh đạo hữu lậu và tu tập bát chánh đạo vô lậu, tôi đã chia sẻ ở phần trước đó.

VII. TỨ CHÁNH CẦN

Tứ chánh cần là bốn cách thức tu tập đoạn trừ những điều bất thiện để phát triển các thiện pháp.

1. Nỗ lực đoạn trừ những điều ác đã sinh, khiến cho chúng vĩnh viễn bị đoạn diệt.

2. Nỗ lực làm cho những điều ác chưa sinh, khiến cho chúng không thể sinh khởi.

3. Nỗ lực làm cho các điều thiện chưa sinh, khiến cho chúng sinh khởi.

4. Nỗ lực làm cho các điều thiện đã sinh, khiến cho chúng được tăng trưởng.

Nội dung tu tập tứ chánh cần

Chúng ta tu tập để đoạn trừ những điều bất thiện đã sinh, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn. Để phát triển các thiện pháp thì chúng ta cần phải tu tập bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu.

Do đó, chúng ta muốn đoạn trừ tham, sân và si đối với năm thủ uẩn thì phải tu tập bát chánh đạo hữu lậu, cho đến bát chánh đạo vô lậu. Về ý nghĩa tu tập bát chánh đạo hữu lậu và tu tập bát chánh đạo vô lậu, tôi đã chia sẻ ở phần trước đó.

VIII. TỨ NHƯ Ý TÚC

Tứ như ý túc là bốn pháp thực tập thiền định để có khả năng sinh khởi thần lực, nên cũng còn gọi là tứ thần túc.

1. Dục như ý túc:

Do năng lực của ước muốn tu tập nên đạt được các tầng thiền định.

2. Niệm như ý túc:

Do năng lực của chánh niệm nên đạt được các tầng thiền định.

3. Tấn như ý túc:

Do năng lực của sự tinh cần nên đạt được các tầng thiền định.

4. Tư duy như ý túc:

Do năng lực của tư duy nên đạt được các tầng thiền định.

Nội dung tu tập tứ như ý túc

Nhờ có được chánh kiến nên chúng ta mới sinh khởi ước muốn tu tập để đạt được các tầng thiền định. Để thành tựu điều này, chúng ta phải tu tập bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu. Về ý nghĩa tu tập của bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu, tôi đã chia sẻ ở phần trước đó.

Ngoài ý nghĩa trên, khi chúng ta nghiên cứu bốn bộ A-hàm thì sẽ nhận thấy ở trong các kinh có ghi lại Tứ Thần

Túc của Đức Phật, các bậc thánh A-la-hán thuộc câu phần
giải thoát và Chuyển Luân Thánh Vương.

IX. NGŨ CĂN

Ngũ căn là năm pháp tu tập trong 37 pháp trợ đạo (37 phẩm trợ đạo) thuộc đạo đế; để điều phục, đoạn trừ tham, sân và si đối với năm thủ uẩn nên đạt được các thánh quả.

1. Tín căn

Tín căn là căn bản của đức tin. Căn bản niềm tin của một người đệ tử Phật là nơi Đức Phật, giáo pháp của Đức Thế Tôn, Tăng và Thánh giới.

2. Tấn căn

Căn bản của tấn căn là tứ chánh cần, hoặc chánh tinh tấn trong bát chánh đạo.

3. Niệm căn

Niệm là nhớ lại, nhớ đến, chú ý đến. Căn bản của niệm căn là chánh niệm trong bát chánh đạo.

4. Định căn

Định là tập trung tâm ý vào một đối tượng thuần nhất, không giao động. Hán phiên âm là *tam muội*, *tam-ma-địa*, *tam-ma-đế*... Định căn là căn bản của thiền định. Căn bản của thiền định chính là chánh định trong bát chánh đạo.

5. Tuệ căn

Tuệ căn là căn bản của tuệ. Căn bản của tuệ chính là chánh kiến và chánh tư duy trong bát chánh đạo.

Trong Tập A-hàm, Kinh Đương Tri, số 646, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy về ngũ căn:

"Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rìa cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Căn. Những gì gọi là năm? Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ. Căn Tín, nên biết, đó là bốn Bất hoại tịnh. Căn Tinh tấn, nên biết, đó là bốn Chánh đoạn. Căn Niệm, nên biết, đó là bốn Niệm xứ. Căn Định, nên biết, đó là bốn Thiên. Căn Tuệ, nên biết, đó là bốn Thánh đế."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành."

Nội dung tu tập ngũ căn

Để tu tập ngũ căn thì chúng ta phải chọn cho mình một phương pháp để thực tập như niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu của một Đức Phật, hay niệm một câu thần chú, v.v.. Sau đó, chúng ta phải thực tập phương pháp ấy vào trong đời sống sinh hoạt mỗi khi đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng hay im lặng.

Ví dụ như khi chúng ta chọn hơi thở vào ra để tu tập chánh niệm, chánh định và chánh kiến (chánh tuệ). Chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra; chánh định là an trụ nhất như ở nơi hơi thở vào ra; chánh kiến là nhận biết chánh niệm và chánh định nơi hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Từ đó, chúng ta mới có đủ năng lực để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế.

Nhờ chánh niệm ở nơi hơi thở vào ra nên dẫn sinh chánh định, và nhờ có chánh định nơi hơi thở vào ra nên dẫn sinh chánh kiến (chánh tuệ). Vì thế, Đức Phật dạy cho chúng ta cần phải tu tập về tín căn, tấn căn, niêm căn, định căn và tuệ căn. Đây là pháp duyên sinh của chánh niệm, chánh định và chánh tuệ (chánh kiến).

Trong Tiểu Kinh Phương Quảng, Trung Bộ I, số 44, Đức Phật dạy: “*Chánh kiến và chánh tư duy là thuộc nhóm tuệ, chánh tinh tấn, chánh niêm và chánh định là thuộc nhóm định, còn chánh ngũ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc nhóm giới*”. Cho nên khi tâm của chúng ta an trụ trong định (chánh tinh tấn, chánh niêm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nên dẫn sinh giới (chánh ngũ, chánh nghiệp và chánh mạng). Tóm lại, chúng ta tu tập ngũ căn đó chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu để đạt tới bát chánh đạo vô lậu, tức thành tựu các thánh quả.

X. NGŨ LỰC

Đó là năm sức mạnh tăng trưởng từ ngũ căn.

1. Tín lực

Tín lực đó là sức mạnh của đức tin nơi Đức Phật, Giáo Pháp của Đức Thế Tôn, Tăng và Thánh giới.

2. Tấn lực

Tấn lực đó là sức mạnh của sự tinh cần để đoạn trừ các điều ác và phát triển các điều thiện.

3. Niệm lực

Niệm lực đó là sức mạnh của chánh niệm trong bát chánh đạo.

4. Định lực

Định lực đó là sức mạnh của chánh định trong bát chánh đạo.

5. Tuệ lực

Tuệ lực đó là sức mạnh của chánh kiến và chánh tư duy trong bát chánh đạo.

Nội dung tu tập ngũ lực

Khi chúng ta tu tập tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn nơi hơi thở vào ra, hoặc danh hiệu của một Đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ-tát, hoặc một câu thần chú được tăng trưởng kiến cố, vững chãi, vững mạnh. Đó gọi là tu tập ngũ lực.

Như vậy, nhờ chúng ta tu tập ngũ căn được thuần thực nên dẫn sinh ngũ lực. Khi tu tập ngũ căn và ngũ lực

đó chính là chúng ta đang tu tập bát chánh đạo hữu lâu để
dẫn sinh bát chánh đạo vô lâu, tức thành tựu các thánh
quả.

THẤT GIÁC CHI

Thất giác chi là bảy chi phần tu tập để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nên đạt các thánh quả.

Thất giác chi gồm:

1. Trạch pháp giác chi

Thế nào là trạch pháp giác chi? Trong kinh, Đức Thế Tôn dạy: “*Thánh đê tử biết như thật pháp thiện, bất thiện; pháp hữu tội, vô tội; pháp nên tu, không nên tu; pháp hả liệt, pháp thắng diệu; pháp đen, pháp trắng; pháp có đối nghịch; pháp duyên sinh.*”

2. Niệm giác chi

Niệm giác chi chính là chánh niệm trong bát chánh đạo.

3. Tinh tấn giác chi

Tinh tấn giác chi chính là nội dung của tứ chánh cân, hoặc chánh tinh tấn trong bát chánh đạo.

4. Hỷ giác chi

Hỷ là sự vui thích. Sự vui thích này được dẫn sinh từ nơi chánh niệm, chánh định và chánh kiến nên gọi là hỷ giác chi.

5. Khinh an giác chi

Khinh an là trạng thái thân và tâm được thư thái và nhẹ nhàng. Nó phải được dẫn sinh từ nơi chánh niệm, chánh định và chánh kiến.

6. Định giác chi

Định là tập trung tâm ý vào một đối tượng thuần nhất,

không giao động. Định giác chi chính là chánh định trong bát chánh đạo.

7. Xả giác chi

Xả giác chi chính là tâm vô tham, vô sân và vô si.

“Hành xả là gì? Đó là tinh tấn cùng với ba thiện căn.”
(Luận Thành Duy Thức).

Nội dung tu tập thất giác chi

Trạch pháp chính là chánh kiến và chánh tư duy trong bát chánh đạo. Chánh kiến gồm có chánh kiến của văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Nhờ chánh kiến của văn tuệ và tư tuệ nên chúng ta mới phát tâm tu tập để có được chánh kiến của tu tuệ. Để thực nghiệm được việc này, chúng ta phải chọn một phương pháp để tu tập như niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu của một Đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ-tát, hoặc niệm một câu thần chú nào đó.

Ví dụ như khi chúng ta chọn phương pháp niệm hơi thở vào ra để tu tập, thì chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra (niệm giác chi), chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra (định giác chi), chánh kiến là nhận biết chánh niệm và chánh định nơi hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của năm thủ uẩn (trạch pháp giác chi). Nhờ đó, chúng ta mới có khả năng điều phục, đoạn trừ được khổ - đế - tập đế.

Khi chúng ta tu tập chánh niệm, chánh định và chánh kiến nơi hơi thở vào ra, tức có mặt chánh tinh tấn (tinh tấn giác chi) và chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của chánh tinh tấn là đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và si đối với

năm thủ uẩn và phát triển các thiện pháp, tức chánh niệm, chánh định, chánh kiến và chánh tư duy. Trong *Tiểu Kinh Phương Quang, Trung Bộ I*, số 44, Đức Phật dạy: “*Chánh kiến và chánh tư duy là thuộc nhóm tuệ, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định là thuộc nhóm định, còn chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc nhóm giới*”. Cho nên khi tâm của chúng ta an trú trong định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nên dẫn sinh giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng).

Nhờ chánh định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và chánh tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nơi hơi thở vào ra được kiên cố nên dẫn sinh hỷ thọ và khinh an của thân và tâm. Chính hỷ thọ và khinh an phải được dẫn sinh từ nơi tâm có định và tuệ.

Nhờ chánh định và chánh tuệ nơi các phương pháp tu tập như vậy đã điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế (năm thủ uẩn) nên thành tựu xả giác chi. Trong *Luận Thành Duy Thức* giải thích hành xả là tinh tấn cùng với ba thiện căn. Cho nên, chánh định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và chánh tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) chính là xả giác chi.

Chúng ta tu tập chánh niệm, chánh định và chánh kiến nơi hơi thở vào ra được thuần thực nên thành tựu các tầng thiền định như sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền. Sơ thiền gồm có năm chi, tức tâm, tú, hỷ, lạc và nhất tâm; nhị thiền gồm có ba chi, tức bỏ tâm, tú, chỉ còn lại hỷ thọ, lạc thọ và nhất tâm; tam thiền gồm có hai chi, tức bỏ hỷ thọ, chỉ còn lại lạc thọ và nhất tâm; tứ thiền chỉ

còn lại xả thọ và nhất tâm. Như vậy, tâm của chúng ta an trú trong định và tuệ nên mới dẫn sinh hỷ thọ, lạc thọ và khinh an của thân và tâm.

Với ý nghĩa đó cho nên khi chúng ta tu tập thất giác chi chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu để đạt đến bát chánh đạo vô lậu, tức thành tựu các thánh quả.

CHƯƠNG 2: NỘI DUNG PHÁP 12 DUYÊN KHỎI

Khi nghiên cứu bốn bộ A-hàm, tôi nhận thấy rằng có rất nhiều bản kinh Đức Phật dạy về pháp mười hai duyên khởi. Cụ thể như trong bộ *Tăng Nhất A-hàm* có phẩm *Sáu Trọng Pháp*, kinh số 7; Trong bộ *Tập A-hàm* có kinh *Sá Môn*, kinh *Lão Tử*, kinh *Tu Tập* và kinh *Thập Nhị Nhân Duyên*; Trong bộ *Trung A-hàm* có kinh *Đại Câu Hy La*, kinh *Đại Nhân* và ở trong bộ *Trường A-hàm*, kinh *Đại Duyên Phương Tiện*, Đức Thế Tôn dạy rằng:

"Duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu xứ, duyên sáu xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sinh, duyên sinh có già và chết, lo, râu, khổ, não, tập thành một khối đại hoan. Đó là duyên của khối đại khổ uẩn vậy".

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn rằng: "Hôm nay con một mình tĩnh tọa tại một nơi thanh vắng, tâm nghĩ như vậy: "Kỳ diệu thay, duyên khởi này! Thật là vô cùng sâu sắc, nhưng con quan sát thấy rất nồng cạn, rất nồng cạn!".

Đức Phật dạy: "A-nan, thấy chó nghĩ rằng duyên khởi này rất nồng cạn, rất nồng cạn! Vì sao? Vì duyên khởi này thật là vô cùng sâu sắc và ánh sáng cũng thật là vô cùng sâu sắc.

Này A-nan, đối với duyên khởi này, vì không biết như thật, thấy như thật, không giác ngộ, không thấu triệt, nên khiến chúng sinh ấy dính móc nhau như khung cửi rối ren, như đám uẩn-mạn mọc chằng chịt, tấp nập huyễn náo, đi

từ đời này đến đời kia, qua rồi lại, lại rồi qua, không thể ra khỏi vòng sinh tử. A-nan, cho nên phải biết duyên khởi này thật là vô cùng sâu sắc và ánh sáng cũng rất là vô cùng sâu sắc". (Trích Trung A-hàm, kinh Đại Nhân, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ dịch).

Như vậy, do duyên vô minh mà hành sinh khởi, do duyên hành mà thức sinh khởi... cho đến duyên ái, thủ, hữu mà sinh và lão-tử sinh khởi. Đó là một khối sâu bi, khổ ưu não của năm thủ uẩn tập khởi. Do thành tựu sự quán sát (trí tuệ) hai dòng lưu chuyển và hoàn diệt của pháp mười hai duyên khởi này, mà các bậc thánh nhân đã giác ngộ và giải thoát.

1. Vô minh

Vô minh là không thấy rõ Khổ Thánh đế, Tập Thánh đế, Diệt Thánh đế và Đạo Thánh đế.

Vô minh là không thấy sắc, thọ, tưởng, hành và thức là vô thường, khổ và vô ngã.

Trong Tập A-hàm, Kinh Vô Minh, số 750, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy vô minh và minh như sau:

"Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu, Tỳ-kheo, các pháp ác bất thiện sanh khởi, tất cả đều do vô minh làm gốc, vô minh tập, vô minh sanh, vô minh khởi. Vì sao? Vì vô minh là vô tri, không biết như thật đối với pháp thiện, pháp bất thiện; không biết như thật có tội, không có tội, pháp thấp, pháp cao, nhiễm ô,

không nhiễm ô, phân biệt, không phân biệt, duyên khởi, không duyên khởi. Vì không biết như thật nên khởi lên tà kiến; khi đã khởi tà kiến rồi, thì có khả năng khởi lên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định.

"Nếu các pháp thiện sanh, tất cả đều do minh làm gốc, minh tập, minh sanh, minh khởi. Vì minh, biết như thật đối với pháp thiện, bất thiện; tất cả đều biết như thật về tôi, không tôi, thân cận, không thân cận, pháp thấp, pháp cao, ô uế, bạch tịnh, có phân biệt, không phân biệt, duyên khởi, không duyên khởi, biết như thật, đó là chánh kiến. Chánh kiến hay khởi lên chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Khi đã khởi lên chánh định rồi, Thánh đệ tử được chánh giải thoát tham, nhuế, si; khi tham, nhuế, si đã giải thoát rồi, Thánh đệ tử được chánh tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau'."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành."

2. Hành

Hành là thân hành, khẩu hành và ý hành (các tâm hành thiện và các tâm hành bất thiện).

3. Thức

Thức là sự phân biệt, liễu biệt.

Theo *Duy Thức*, thức gồm có tám thức, là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, thức thứ bảy và thức thứ tám (thức A-lại-da). Tuy nhiên, thức ở

trong pháp 12 nhân duyên là chỉ cho thức A-lại-da, tức thức trong giai đoạn tái sinh.

Trong *Tạp A-hàm*, số 37, kinh *Diệt*, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả A-nan dạy:

“Năm thủ uẩn này là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường”.

Trong *Trường A-hàm*, kinh *Đại Duyên Phương Tiện*, do Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy thức duyên danh sắc như sau:

“Này A-nan, duyên thức mà có danh sắc, là nghĩa thế nào? Nếu thức không nhập thai mẹ thì chừng có danh sắc không?”

Đáp: “Không.”

“Nếu thức nhập thai mẹ rồi không sinh ra, thế thì có danh sắc không?”

Đáp: “Không.”

“Nếu thức ra khỏi thai mẹ mà đưa hài nhi bị hỏng thì danh sắc có được tăng trưởng không?”

Đáp: “Không.”

“A-nan, nếu không có thức, thế thì có danh sắc không?”

Đáp: “Không.”

“A-nan, Ta do lẽ đó, biết danh sắc do thức; duyên thức mà có danh sắc. Nghĩa của ta nói là ở đó.”

Trong *Tăng Nhất A-hàm*, phẩm *Tam Bảo*, kinh số 3, do Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy có ba nhân duyên thức thọ thai như sau:

“Có ba nhân duyên thức đến thọ thai. Những gì là ba? Ở đây, Tỳ-kheo, mẹ có dục ý, cha mẹ hội họp ở một chỗ và cùng ngủ chung, nhưng thức bên ngoài chưa đến kịp

lúc thì chẳng thành thai. Nếu thức muối đến, nhưng cha mẹ không hội hợp một chỗ, chẳng thành thai. Nếu người mẹ không dục, dù cha mẹ hội hợp một chỗ, nhưng lúc đó dục ý của cha thanh mà mẹ thật không ân cần, chẳng thành thai. Nếu cha mẹ cùng hợp một chỗ, dục ý của mẹ thanh mà cha thật không ân cần, chẳng thành thai. Nếu cha mẹ cùng hợp một chỗ, cha mắc bệnh phong, mẹ mắc bệnh lanh, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ cùng hợp một chỗ, mẹ bị bệnh phong, cha bị bệnh lanh, chẳng thành thai. Nếu có khi cha mẹ hợp một chỗ, nhưng chỉ riêng thân cha thủy khí nhiều, mẹ không có chứng này, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ cùng hợp một chỗ, tướng cha có con, tướng mẹ không con, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ cùng hợp một chỗ, tướng mẹ có con, tướng cha không con, chẳng thành thai. Nếu khi tướng cha mẹ đều không con, chẳng thành thai. Nếu có khi thần thức đến thai, mà cha đi vắng, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ đặng hợp một chỗ, nhưng mẹ đi xa, không có mặt, không có thai. Nếu có lúc cha mẹ đặng hợp một chỗ, nhưng người cha gặp bệnh nặng, khi thần thức đến, chẳng thành thai. Nếu cha mẹ đặng hợp một chỗ, thần thức có đến, song người mẹ mắc bệnh nặng, chẳng thành thai. Nếu có lúc cha mẹ nêu hợp một chỗ, thần thức đến, nhưng cha mẹ đều mắc bệnh, chẳng thành thai.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu cha mẹ hợp ở một chỗ, cha mẹ không chứng tật gì, thần thức đến, tướng cha mẹ đều có con, đây thành thai. Đó gọi là có ba nhân duyên thức đến thọ thai.”

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Tư Lương*, số 361, do Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy rằng:

"Nếu suy lường, vọng tưởng thì chắc chắn sẽ bị sai sứ khiến thức duyên níu mà tồn tại. Vì có chỗ duyên níu cho thức tồn tại nên nó nhập vào danh sắc. Vì nhập vào danh sắc nên có qua lại. Vì có qua lại nên có sanh tử. Vì có sanh tử nên có sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai và tập hợp thuần một khối khổ lớn như vậy.

"Nếu không suy lường, không vọng tưởng thì sẽ không bị sai sứ khiến thức duyên níu mà tồn tại. Vì không có chỗ duyên níu cho thức tồn tại nên nó không nhập vào danh sắc. Vì không nhập vào danh sắc nên không qua lại. Vì không qua lại nên không sanh tử. Vì không sanh tử nên sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai đều bị diệt và thuần một khối khổ lớn như vậy cũng bị diệt."

4. Danh sắc

Sắc là tú đại và các pháp do bốn đại tạo thành nên gọi là sắc.

Danh là thọ, tưởng, hành và thức.

5. Lục nhập (Lục xứ)

Lục nhập hay lục xứ, chúng gồm nhã căn, nhĩ căn, tỳ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn.

Xứ: Đó là sanh xuất tâm, tâm sở, là nghĩa của xứ. Nghĩa là nó làm phát sinh tác dụng của tâm, tâm sở (Câu-xá luận).

6. Xúc

“Xúc là sự phân biệt biến dị trong tổ hợp ba, mà tự tính làm cho tâm và tâm sở tiếp xúc với cảnh; chức năng của nó làm sở y cho thọ, tưởng và hành.

Tổ hợp ba là sự hỗ tương tùy thuận của căn, cảnh và thức. Xúc y trên chúng mà phát sinh, làm cho chúng hòa hiệp. Trong trạng thái hòa hiệp, ba sự đều có công năng dẫn đến sự sinh khởi của tâm sở; đó gọi là “biến dị.” (Luận Thành Duy Thức).

7. Thọ

Thọ gồm khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ.

8. Ái

Ái là ái sắc, thọ, tưởng, hành và thức; hoặc ái sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp; hoặc dục ái, sắc ái và vô sắc ái.

9. Thủ

Bởi ái đối với năm thủ uẩn nên mới dẫn sinh thủ, tức bám chặt, ôm chặt vào năm thủ uẩn, hoặc bám chặt sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Vậy, thủ là hoàn toàn lệ thuộc vào ái mà tập khởi.

10. Hữu

Trong *Tap A-hàm*, Kinh *Phả-Cầu-Na*, số 372, do Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy hữu làm nhân cho sinh và lão-tử: “*Do duyên thủ nên có hữu; có thể chiêu cảm sự chuyển hiện của hữu trong vị lai.*” Đó gọi là *do có hữu nên có sáu nhập xứ*; *sáu nhập xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên*

*sanh, sanh duyên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, náo và thuần
một khởi khổ tụ tập như vậy.”*

Theo *Trường Bộ* và *Tương Ưng Bộ* thì hữu có ba loại:
“*Dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu.*”

- *Dục hữu: Chính cái đang trở thành để hiện hữu ở
dục giới.*
- *Sắc hữu: Chính cái đang trở thành để hiện hữu ở
sắc giới.*
- *Vô sắc hữu: Chính cái đang trở thành để hiện hữu ở
vô sắc giới.*

Trong *Pháp Uẩn Túc Luân* có giải thích hữu như sau:

“*Nghiệp dẫn đến hậu hữu gọi là hữu. Như Đức Thế
Tôn nói với ngài A-nan-đà, nghiệp chiêu cảm đời sau gọi
là hữu.*”

*Chính hữu là nghiệp nên gọi là nghiệp hữu. Nghĩa là,
nghiệp hữu làm phát khởi khuynh hướng tồn tại đời sau,
đây chính là nói tùy miên làm căn bản của hữu, nó làm
phát sinh nghiệp để dẫn sinh hậu hữu.*”

Trong *Luận Thành Duy Thức* giải thích về “*hữu chi tập
khí*” như sau:

“*Hữu chi tập khí, đó là chủng tử của nghiệp dẫn đến dì
thực trong ba cõi. Hữu chi có hai: Một, thiện hữu lâu, tức
nghiệp dẫn đến quả khả ái. Hai, bất thiện, tức nghiệp dẫn
đến quả không khả ái. Tùy theo chủng tử được huân tập
bởi hữu chi mà có sự sai biệt của các cõi do bởi nghiệp dì
thực.*”

11. Sinh

"Này chư hiền, nói sinh là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Ngày chư hiền, sinh là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, sanh thì sanh, xuất hiện thì xuất hiện, hình thành thì hình thành, hiện khởi năm uẩn đã có mang căn. Như vậy gọi là sanh" (Kinh Phân biệt Tứ thánh đế, Trung A-hàm).

12. Lão tử

"Này chư hiền, nói già là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Ngày chư hiền, già nghĩa là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, kẻ kia trở nên già yếu, đầu bạc răng rụng, sự cường tráng ngày càng suy yếu, thân cong, chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, phải chống gậy mà đi, thịt rút, da nhăn, xù xì như cây gai, các cẩn hu hoại, nhan sắc xấu xí. Như vậy gọi là già.

"Này chư hiền, già là khổ, là chúng sanh khi già thân tâm nghiệp thọ khổ, nghiệp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện" (Kinh Phân Biệt Tứ Thánh Đế, Trung A-hàm).

"Này chư hiền, nói chết là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Ngày chư hiền, chết là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, mang chung, vô thường, chết chôn, tan rã, tuổi thọ chấm dứt, hủy hoại, mang căn bế tắc, như vậy gọi là chết.

"Này chư hiền, chết là khổ. Đó là chúng sanh khi chết thân tâm nghiệp thọ khổ, nghiệp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện" (Kinh Phân Biệt Tứ Thánh Đế, Trung A-hàm).

Trong *Trường A-hàm*, Đức Phật Tỳ-bà-thi đã quán chiếu 12 chi duyên khởi theo dòng lưu chuyển và dòng hoàn diệt:

"Sau đó, Ngài được như chí nguyện, đi đến chỗ nhàn tĩnh, chuyên tinh tu đạo. Ngài lại suy nghĩ: 'Chúng sinh thật đáng thương, thường ở trong tăm tối, mang lấy cái thân nguy khốn, mong manh, nào sinh, nào già, nào bệnh, nào chết, đủ mọi thứ khổ não. Chúng chết đây sinh kia, chết kia sinh đây, cứ duyên theo cái khổ uẩn này mà trôi nổi, không bao giờ cùng. Ta lúc nào mới có thể thấu triệt khổ uẩn, diệt hết sinh, già, chết?"

"Ngài lại suy nghĩ rằng: 'Già-chết từ đâu, duyên cái gì mà có?' Ngài liền dùng trí tuệ quán sát nguyên do, thấy rằng do sinh mà có già và chết; sinh là duyên của già-chết. Sinh lại do hữu mà khởi; hữu là duyên của sinh. Hữu do thủ mà khởi; thủ là duyên của hữu. Thủ do ái mà khởi; ái là duyên của thủ. Ái do thọ mà khởi; thọ là duyên của ái. Thọ do xúc mà khởi; xúc là duyên của thọ. Xúc do sáu xứ mà có; sáu xứ là duyên của xúc. Sáu xứ do danh sắc mà khởi; danh sắc là duyên của sáu xứ. Danh sắc do thức mà khởi; thức là duyên của danh sắc. Thức do hành mà khởi, hành là duyên của thức. Hành do vô minh¹⁰⁴ mà khởi, vô minh là duyên của hành. Thế túc là do duyên là vô minh có hành, do duyên là hành có thức, do duyên là thức có danh sắc, do duyên là danh sắc có sáu xứ, do duyên là sáu xứ có xúc, do duyên là xúc có thọ, do duyên là thọ có ái, do duyên là ái có thủ, do duyên là thủ có hữu, do duyên là hữu có sinh, do duyên là sinh có già, bệnh, chết, sầu,

buồn, khổ, nǎo. Khổ uẩn này do duyên là sinh mà có. Chính đó là sự tập khởi của khổ.'

"Khi Bồ-tát tư duy về sự tập khởi của khổ uẩn ấy, liền phát sinh trí, phát sinh con mắt, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh tuệ, phát sinh chứng ngộ.

"Bồ-tát lại suy nghĩ: 'Do cái gì không có mà già-chết không có? Do cái gì diệt thì già-chết diệt?' Rồi bằng trí tuệ, Ngài quán sát nguyên do, biết rằng, do sinh không có nên già-chết không có; do sinh diệt nên già-chết diệt; do hữu không có nên sinh không có, hữu diệt nên sinh diệt; do thủ không có nên hữu không có, thủ diệt nên hữu diệt; do ái không có nên thủ không có, ái diệt nên thủ diệt; do thọ không có nên ái không có, thọ diệt nên ái diệt; do xúc không có nên thọ không có, xúc diệt nên thọ diệt; do sáu xứ không có nên xúc không có, sáu xứ diệt nên xúc diệt; do danh sắc không có nên sáu xứ không có, danh sắc diệt nên sáu xứ diệt; do thức không có nên danh sắc không có, thức diệt nên danh sắc diệt; do hành không có nên thức không có, hành diệt nên thức diệt; do vô minh không có nên hành không có, vô minh diệt nên hành diệt. Thế túc là vì vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên sáu xứ diệt, sáu xứ diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sinh diệt, sinh diệt nên già, chết, ưu, bi, khổ, nǎo diệt.

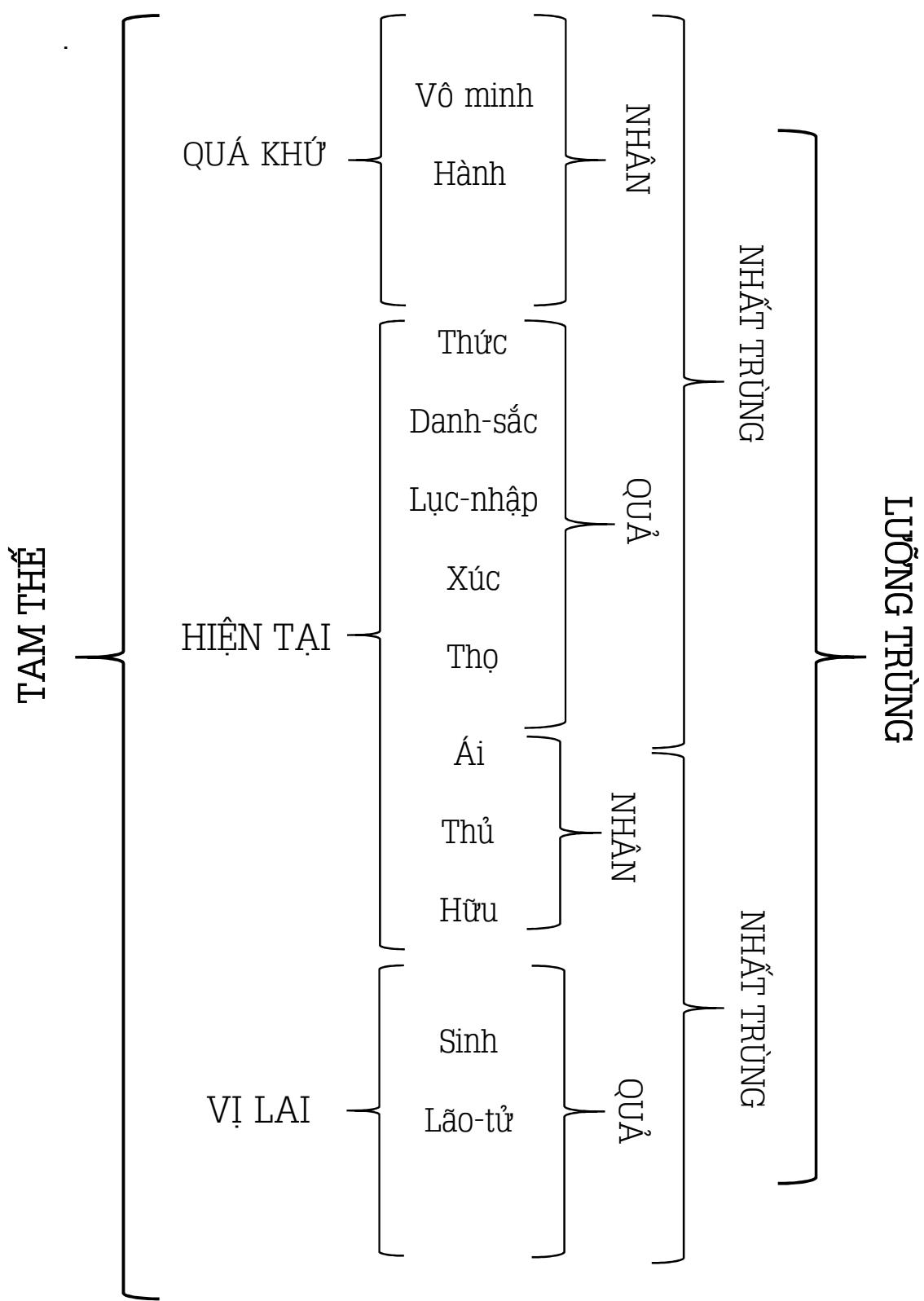
"Khi Bồ-tát suy nghĩ về sự diệt tận của khổ uẩn như thế liền phát sinh trí, phát sinh con mắt, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh tuệ, sinh chứng

"Sau khi Bồ-tát quán mươi hai chi duyên khởi theo hai chiều thuận nghịch, biết như thật, thấy như thật, tức thì ngay tại chỗ ngồi, Ngài chứng đắc A-nâu-đala-tam-miêu-tam-bồ-đề."

Quán lưu chuyển sinh tử:

Mười hai chi duyên khởi này đã được trường phái Hữu Bộ trong Phật giáo phối hợp tam thế lưỡng trùng nhân quả như sau:

- Vô minh và hành là thuộc nhân quá khứ.
- Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ là quả hiện tại.
- Ái, thủ, hữu là nhân hiện tại.
- Sinh, lão-tử là quả vị lai.



Vô minh và hành là nhân quá khứ (tập đế)

Trong đời sống quá khứ, chúng ta là một chúng sinh gồm năm thủ uẩn (khổ đế). Chính vô minh chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã. Từ đó, chúng ta mới tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện thông qua thân, khẩu và ý, đây chính là vô minh làm nhân duyên cho hành tập khởi, tức thân hành, khẩu hành và ý hành. Chính khi chúng ta tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện thông qua thân, khẩu và ý thì liền diệt mất. Ngay khi ấy, thức thứ tám liền lưu giữ tất cả các loại nghiệp đã tạo gọi là hữu hay hữu chi tập khí. Đó chính là vô minh làm nhân duyên cho hành tập khởi và hành làm nhân duyên cho thức tập khởi (thức A-lại-da lưu giữ tất cả chủng tử thiện và bất thiện).

Theo quan điểm của phái Hữu Bộ thì vô minh duyên hành là thuộc về nhân quá khứ. Nhưng vô minh duyên hành cũng là nhân hiện tại. Tại sao? Bởi vô minh chấp thủ (tập đế) vào sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế) làm thực ngã nên dẫn sinh các tâm hành thiện và bất thiện nơi tâm thông qua lời nói của miệng và hành động của thân. Đây chính là vô minh làm nhân duyên cho hành tập khởi, tức thân hành, khẩu hành và ý hành. Chính khi chúng ta tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện thông qua thân, khẩu và ý thì liền diệt mất, nhưng ngay lúc đó, thức thứ tám mới lưu giữ tất cả nghiệp ác ấy gọi là hữu hay hữu chi tập khí.

Thức, danh sắc, lục nhập, xúc và thọ là quả hiện tại (khổ đế - năm thủ uẩn)

Khi giai đoạn xả bỏ báo thân thì các căn biến hoại, sáu chuyển thức không hoạt động, khi ấy chỉ dựa vào hữu hay hữu chi tập khí (tức chủng tử thiện và bất thiện trong thức thứ tám) làm nhân để dẫn sinh thức thứ tám đi vào trong bụng của người mẹ. Đây chính là dẫn nghiệp.

Một khi thức thứ 8 được dẫn sinh vào bụng mẹ thì sắc (bốn đại) của em bé được phát triển dần cho đến khi chuẩn bị sinh ra đời. Lúc ấy, thức duyên danh sắc và danh sắc duyên thức - Thức ở đây là thức thứ 8, còn danh là thức thứ 7 và sắc là bốn đại của em bé trong bụng mẹ. Khi em bé sinh ra đời, lúc này các căn đã được đầy đủ và sáu chuyển thức còn lại mới bắt đầu tập khởi. Ngay lúc đó, thức duyên danh sắc và danh sắc duyên thức mới thực sự được đầy đủ. Từ đó, sáu căn tiếp xúc với sáu trần dẫn sinh sáu thức, ba thứ căn, trần và thức hòa hợp dẫn sinh xúc, xúc làm nhân để sinh khởi thọ. Chính giai đoạn này là thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc và xúc duyên thọ. Đây chính là quả hiện tại - năm thủ uẩn (tức mãn nghiệp).

Ai, thủ và hữu là nhân hiện tại (tập đế)

Trong đời sống hiện tại này, chúng ta là một con người gồm năm thủ uẩn (khổ đế) và ái, thủ, hữu là tập đế. Chính ái và thủ luôn luôn chấp thủ sự tập khởi của năm thủ uẩn làm thực ngã. Từ đó, chúng ta mới tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện thông qua thân, khẩu và ý nên thức thứ tám mới lưu giữ các loại nghiệp ấy gọi là hữu. Hữu chính

là chủng tử thiện và bất thiện trong thức thứ tám, sẽ làm nhân để dẫn sinh quả sinh và lão-tử trong đời vị lai.

Khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần dẫn sinh sáu thức, ba thứ là căn, trần và thức hòa hợp sinh khởi xúc, xúc làm nhân duyên sinh khởi thọ, thọ làm nhân duyên sinh khởi ái, ái làm nhân duyên sinh khởi thủ, thủ làm nhân duyên sinh khởi hữu. Chính giai đoạn này là lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu. Cũng đồng với ý nghĩa trên, khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần sinh khởi sáu thức, ba thứ là căn, trần và thức hòa hợp sinh khởi xúc, xúc làm nhân duyên sinh khởi thọ, tưởng và tư (các tâm hành thiện và bất thiện). Chính ái và thủ là thuộc về tư (hành). Tư ở đây chính là tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện thông qua thân, khẩu và ý nên thức thứ tám mới lưu giữ các loại nghiệp ấy gọi là hữu hay hữu chi tập khí.

Theo quan điểm của *phái Hữu Bộ* thì thức duyên danh sắc và danh sắc duyên thức là thuộc giai đoạn tái sinh, tức dẫn nghiệp và mãn nghiệp. Nhưng thức duyên danh sắc và danh sắc duyên thức cũng thuộc về giai đoạn hiện tại. Tại sao? Theo *Duy Thức*, có tám thức tâm vương và 51 tâm sở bao gồm thiện tâm sở và bất thiện tâm sở. Trong tám thức tâm vương thì thức thứ tám là căn bản thức. Chính thức thứ tám chấp thủ đối tượng của nó là thân căn, chủng tử và y xứ. Bảy thức gồm nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức và thức thứ bảy được gọi là các chuyển thức. Có nghĩa là, thức thứ tám đóng vai trò lưu giữ tất cả chủng tử thiện và bất thiện để làm nhân duyên cho bảy chuyển thức hiện hành (quả). Ngay khi ấy, bảy

chuyển thức lại làm nhân để huân tập thành chủng tử trong thức thứ tám. Đây chính là thức duyên danh sắc và danh sắc duyên thức, tức chủng tử thiện, ác trong thức thứ tám làm nhân duyên cho danh sắc (thân cẩn và bảy chuyển thức tập khởi) và danh sắc (thân cẩn và bảy chuyển thức) làm nhân duyên lại cho thức thứ tám.

Sinh và lão-tử là quả vị lai (khổ đế - năm thủ uẩn)

Trong đời hiện tại, khi chúng ta đang ở trong giai đoạn xả bỏ báo thân thì các căn sẽ biến hoại, sáu chuyển thức không hoạt động. Khi ấy chỉ dựa vào *hữu* hay *hữu chi tập khí* (tức chủng tử thiện và bất thiện trong thức thứ tám) làm nhân để dẫn sinh thức thứ tám đi vào trong bụng mẹ (tái sinh trong các giới loại), cho đến khi em bé được sinh ra đời, đây gọi là sinh. Bởi có sinh nên sẽ dẫn đến già và chết. Với giai đoạn này gọi là hữu duyên sinh và sinh duyên lão-tử, tức quả vị lai.

Theo quan điểm của phái Hữu Bộ thì sinh và lão-tử là quả vị lai. Nhưng sinh và lão-tử cũng là quả hiện tại. Bởi khi chúng ta sinh ra đời, rồi cũng phải già, bệnh và chết, đây chính là sinh và lão-tử là quả hiện tại.

Tóm lại, chính vô minh làm nhân duyên cho hành, thức,... cho đến sinh và lão-tử tập khởi, tức năm thủ uẩn tập khởi. Đây chính là dòng lưu chuyển sinh tử khổ đau của tất cả chúng sinh trong các giới loại.

Quán dòng hoàn diệt

Chính năm thủ uẩn của chúng ta trong hiện tại là khổ đế, còn ái, thủ và hữu là tập đế. Muốn đoạn trừ khổ đế - tập đế, tức dòng lưu chuyển sinh tử khổ đau trong các giới

loại, thì chúng ta phải tu tập bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu.

Tu tập bát chánh đạo hữu lậu

Để tu tập bát chánh đạo hữu lậu thì chúng ta phải chọn cho mình một phương pháp để tu tập như niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu của một Đức Phật, một vị Bồ-tát, hoặc niệm một câu thần chú. Sau đó, thì chúng ta ứng dụng phương pháp ấy vào trong đời sống nên mới điều phục, đoạn trừ được tham, sân và si đối với năm thủ uẩn. Việc đoạn trừ tham, sân và si đối với năm thủ uẩn là nhờ chánh niệm, chánh định và chánh kiến, chứ không phải là hơi thở, hoặc danh hiệu của Đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ-tát, hoặc một câu thần chú nào đó. Vì vậy, chúng ta là những người tu tập thì cần phải hiểu rõ ý nghĩa này.

Ví dụ khi chúng ta chọn hơi thở vào ra để tu tập, thì chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, chánh định là an trú nhất như nơi hơi thở vào ra, chánh kiến là nhận biết được chánh niệm và chánh định nơi hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức, tức năm thủ uẩn.

Khi chúng ta thực tập chánh niệm, chánh định và chánh kiến nơi hơi thở vào ra, tức sẽ có mặt chánh tinh tấn và chánh tư duy. Bởi ý nghĩa của chánh tinh tấn là đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn và phát triển những điều thiện, tức chánh niệm, chánh định, chánh kiến và chánh tư duy.

Trong *Tiểu Kinh Phương Quảng, Trung Bộ I, số 44*, Đức Phật dạy: “*Chánh kiến và chánh tư duy thuộc nhóm tuệ,*

chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc nhóm định, còn chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc về nhóm giới (thiện)".

Có nghĩa rằng trong Bát chánh đạo thì năm chi là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định gom lại thành hai nhóm là định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy), còn ba chi là chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng là thuộc nhóm giới. Cho nên khi tâm của chúng ta an trụ trong định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nên dẫn sinh giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Chính chánh định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và chánh tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) là thuộc về tâm, còn chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng là thuộc về thân và khẩu. Nhờ chánh niệm, chánh định và chánh kiến nơi hơi thở vào ra nên chúng ta mới điều phục, đoạn trừ sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức, tức năm thủ uẩn. Tóm lại, tu tập bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu, tức khiến cho tâm luôn an trụ trong định và tuệ hữu lậu để dẫn sinh lời nói của miệng là thiện hữu lậu (chánh ngữ) và hành động của thân là thiện hữu lậu (chánh nghiệp và chánh mạng).

Tu tập bát chánh đạo vô lậu

Vô minh là nguồn gốc để tạo ra khổ đau sinh tử luân hồi trong các giới loại. Chính minh là căn bản để đoạn trừ vô minh, hành cho đến sanh và lão tử. Đối với pháp duyên khởi: Do cái này sinh khởi nên cái kia sinh khởi; cái này

diệt nên cái kia cũng diệt. Vô minh tập khởi nên hành, thức cho đến sanh và lão tử tập khởi; vô minh diệt cho nên hành, thức cho đến sinh và lão tử đoạn diệt.

Cho nên, chúng ta muốn đoạn trừ vô minh, tham ái và chấp thủ (tập đế) vào năm thủ uẩn (khổ đế) thì phải lãnh hội được minh, tức kiến đế.

Kiến đế chính là lãnh hội được chánh kiến vô lậu, hoặc tâm vô lậu. Làm thế nào để lãnh hội? Chúng ta phải tu tập để lãnh hội chứ không phải trên mặt khái niệm của ngôn ngữ.

Chúng ta biết rằng, sáu căn (nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn) là gốc của sinh tử (tâm hữu lậu), nhưng để lãnh hội tâm vô lậu (kiến đạo) cũng không rời khỏi sáu căn.

Thế nào là tâm hữu lậu và tâm vô lậu ở nơi sáu căn? Khi nhãn căn của chúng ta nhìn thấy các sắc pháp như ngôi nhà, đám mây, bầu trời xanh, dòng sông, mọi người đi lại, ... mà trong cái thấy chỉ là cái thấy, thì đây là cái thấy của tâm vô lậu. Hoặc khi ta nhìn thấy các cảnh vật đó, mà vọng niệm tập khởi phân biệt, thì tâm nhận biết được vọng niệm, tâm này chính là tâm vô lậu. Hoặc khi nhĩ căn của chúng ta nghe các âm thanh như tiếng chim hót, tiếng chuông ngân, ... mà trong cái nghe chỉ là cái nghe, thì đây là cái nghe của tâm vô lậu. Hoặc khi ta nghe các âm thanh đó, mà tâm hữu lậu tập khởi phân biệt, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu, tâm này chính là tâm vô lậu. Khi tỷ căn của chúng ta ngửi các hương trần như trầm hương, hương của các loài hoa, ... mà trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, thì đây là cái ngửi của tâm vô lậu. Hoặc khi ta

ngửi các mùi hương đó, mà vọng niệm tập khởi phân biệt, thì tâm nhận biết được vọng niệm, tâm này là tâm vô lậu. Khi thiêt căn của chúng ta tiếp xúc với các vị trắn như chua, cay, mặn, đắng,... mà trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, thì đây là cái nếm vị của tâm vô lậu. Hoặc khi ta nếm các vị trắn đó, mà tâm hữu lậu tập khởi phân biệt, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu, tâm này là tâm vô lậu. Hoặc khi thân căn của chúng ta tiếp xúc với các xúc trắn như trơn, nhám, cứng, mềm, lạnh, nóng,... mà trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, thì đây là cái xúc chạm của tâm vô lậu. Hoặc khi ta xúc chạm các xúc trắn ấy, mà vọng niệm tập khởi phân biệt, thì tâm nhận biết được tạp niệm, tâm này là tâm vô lậu. Hoặc khi chúng ta nhắm mắt lại, tâm hữu lậu tập khởi suy tư, phân biệt, nhớ nghĩ về các đối tượng như sắc, thanh, hương, vị và xúc, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu, tâm này là tâm vô lậu.

Nghĩa của kiến đế chỉ có một nhưng tùy theo mỗi bản kinh, mỗi bản luận để có sự quy ước tên gọi khác nhau. Chính ý nghĩa này, trong giáo lý tứ thánh đế gọi là *kiến đế*. Trong pháp mười hai nhân duyên gọi là *minh*. Trong kinh vô tri gọi là *như thật tri*. Trong kinh vô minh gọi là *minh*. Trong kinh Bahiya gọi là *trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết*. Trong kinh *Lăng Nghiêm* gọi là *tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh vị, tánh xúc và tánh biết*. Trong *Bát-nhã* *tâm kinh* và trong kinh *Kim Cang* gọi là *trí tuệ vô lậu*.

Tiếp nối với những ý trên, trong *Trung A-hàm, kinh số 30*, Đức Phật dạy: “*Ai thấy được duyên khởi, người ấy thấy được pháp; ai thấy được pháp, người ấy thấy được duyên khởi*”. “*Người ấy thấy được pháp*” ở đây là kiến đế.

Nghĩa của kiến đế cũng được mô tả qua các bài kê truyền pháp của các Tổ sư, tiêu biểu như bài kê của Tổ Bà-Tu-Bàn-Đầu truyền lại cho tổ Ma-Noa-La:

*Tâm theo muôn cảnh chuyển,
Chỗ chuyển thật kín sâu,
Theo dòng nhân được tánh,
Không mừng cũng không lo*
(Hoà thượng Thích Thanh Từ dịch)

Tổ Sư-Tử truyền lại cho tổ Bà-Xá-Tư-Đa:

*Thánh nhân nói tri kiến,
Ngay cảnh không phải quấy,
Nay ta ngộ tánh ấy,
Không đạo cũng không lý*
(Hoà thượng Thích Thanh Từ dịch)

Nghĩa của kiến đế cũng được diễn tả qua các công án của các bậc Thánh nhân:

- Ngài Triệu Châu bèn chỉ lửa hỏi vị thị giả rằng:
 - Nay con! Đây là lửa nhưng con không được gọi là lửa, Thầy đã dạy cho con xong rồi vậy.
- Vị thị giả không hiểu được.

Ngài Triệu Châu đến gấp lửa lên liền hỏi:

- Con có hội chǎng?

Vị thi giả thưa:

- Dạ, con chǎng lanh hội.

○ Hoà thượng Thường Quán hỏi một vị Thầy:

- Thầy từ đâu đến

Vị Thầy thưa:

- Con từ trang trại đến.

Hoà thượng hỏi:

- Thầy có thấy trâu không?

Vị Thầy thưa:

- Bạch hoà thượng con có thấy.

Hoà thượng hỏi:

- Con thấy sừng bên trái hay sừng bên phải?

Vị Thầy không đáp được. Hòa thượng Thường Quán liền nói:

- Này con! Cái thấy không phải trái.

Khi kiến đế thì đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên hành giả đạt được thánh quả thứ nhất. Bậc thánh Tu-dà-hoàn an trụ trong chánh kiến vô lậu để tu tập làm tham, sân và si đối với năm thủ uẩn được mỏng hay giảm nên thành tựu bậc thánh nhị quả. Bậc thánh nhị quả an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập để đoạn trừ đi năm hạ phần kết sử, tức thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham,

sân trong dục giới nên đạt bậc thánh tam quả. Bậc thánh tam quả an trụ trong chánh kiến vô lậu nỗ lực tu tập đoạn tận hoàn toàn khổ đế - tập đế nên thành tựu quả vị A-la-hán.

Bậc thánh sơ quả, nhị quả và tam quả thuộc vào hàng hữu học nên thành tựu tám chi phần của bát chánh đạo. Còn bậc thánh A-la-hán thuộc vào hàng vô học nên thành tựu mười chi phần, thêm hai chi nữa là chánh trí và chánh giải thoát.

Trong *Tiểu Kinh Phương Quảng, Trung Bộ I, số 44*, Đức Phật dạy: “*Chánh kiến và chánh tư duy thuộc nhóm tuệ, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc nhóm định, còn chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc về nhóm giới (thiện)*”. Có nghĩa rằng trong bát chánh đạo thì năm chi là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định gom lại thành hai nhóm là định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy), còn ba chi là chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng là thuộc nhóm giới. Vì vậy, khi tâm của chúng ta an trụ trong định vô lậu và tuệ vô lậu nên dẫn sinh giới vô lậu, tức chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng.

Định – tuệ vô lậu là định – tuệ của tâm vô lậu. Tâm vô lậu chính là chân tâm. Chân tâm là định – tuệ đồng thời. Chân tâm thường rỗng lặng là định, nhận biết được tâm thường rỗng lặng, cũng như tất cả các pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, v.v.. gọi là tuệ. Cho nên khi tâm của chúng ta an trụ trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến và chánh tư duy)

nên dẫn sinh giới vô lậu (chánh ngũ, chánh nghiệp và chánh mạng).

Tóm lại, vô minh là nhân căn bản để dẫn sinh dòng lưu chuyển sinh tử khổ đau trong các giới loại. Minh chính là nhân để chấm dứt vô minh, hành, thức, danh sắc,... cho đến sinh và lão tử, tức dòng lưu chuyển sinh tử khổ đau. Cho nên, trong *Trung A-hàm*, kinh *Đại Câu Hy La*, tôn giả Xá-lợi-phất hỏi ngài Ma Ha Câu Hy La rằng: “*Hiền giả Đại Câu Hy La, nếu có Tỳ-kheo mà vô minh đã dứt, minh đã phát sanh, thì vị ấy còn phải làm những gì nữa?*”. Tôn giả Đại Câu Hy La trả lời rằng: “*Thưa tôn giả Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo nào mà vô minh đã dứt, minh đã phát sinh, thì vị ấy không còn gì phải làm nữa*”.

CHƯƠNG 3: NHÂN QUẢ VÀ NGHIỆP BÁO

I. NHÂN QUẢ

Nhân là nguyên nhân, quả là kết quả do năng lực của nhân và các duyên để dẫn sinh.

Sự lưu chuyển sinh tử của chúng ta không ra ngoài nhân – duyên – quả. Để hiểu rõ nghĩa này thì chỉ có Đức Thế Tôn mới đủ năng lực thấu suốt hoàn toàn nhân – duyên – quả của chúng sinh trong ba cõi. Còn bậc thánh A-la-hán chỉ hiểu được tám vạn bốn ngàn kiếp của chúng sinh đang còn lưu chuyển trong sinh tử khổ đau. Ngoài ra, các Ngài cũng không thể hiểu được. Cho nên, chúng ta là những hàng phàm phu thì không thể nào hiểu hết sự sai biệt về nhân, duyên và quả của chính mình và tất cả chúng sinh. Vì lẽ đó, tôi chỉ trình bày những phần căn bản của đời sống hiện thực để chiêm nghiệm và thực tập.

1. Nhân quả đồng thời:

Đó là loại nhân quả mà từ thời điểm tạo nhân để dẫn sinh đến quả cùng thời.

Khi chúng ta sống với năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế), tức là sống với nhân và quả đồng thời. Có nghĩa do vô minh, tham ái và chấp thủ (tập đế) vào năm thủ uẩn (khổ đế) làm thực ngã, nên đã tạo ra nhân và quả trong từng ý niệm. Hoặc chúng tử thiện ác trong thức thứ tám làm nhân để dẫn sinh bảy chuyển thức (quả); khi bảy thức tám vương và các tâm sở của chúng hiện hành thì tạo thành ba phần: Tự chứng phần, kiến phần và tướng phần. Chính

kiến phần vin đến tướng phần mà chấp làm thực ngã. Từ đó, chúng ta đã tạo nghiệp nhân và thọ quả đồng thời trong từng ý niệm.

Với ý nghĩa đó, chúng ta là những người xuất gia tu đạo thì cần có một trú xứ lành mạnh để tu tập. Và những người tu học trong trú xứ ấy phải có chánh kiến và tâm nguyện tu tập giải thoát khổ đau. Nhờ vậy, chúng ta mới có thể tu tập để phát triển chánh kiến, từ đó có được hạnh phúc, an vui của thân và tâm. Trái lại, nếu chúng ta sống trong một trú xứ không được lành mạnh và mọi người ở trong trú xứ đó không có chánh kiến thì bản thân và mọi người sẽ gặp phải rất nhiều khổ đau trong đời sống tu tập. Sở dĩ có sự khổ đau đó là vì các duyên nên dẫn sinh nhân và quả đồng thời, tức sự tập khởi năm thủ uẩn thiện ác của chúng ta.

2. Nhân quả khác thời:

Đó là loại nhân quả kể từ thời điểm tạo nhân cho đến lúc nhận quả phải trải qua một khoảng thời gian nhất định. Khoảng thời gian ấy được chia làm ba thời khác nhau:

Hiện báo: Đó là loại nghiệp nhân tạo ra trong đời này thì sẽ dẫn đến quả báo ngay trong đời này.

Ví như khi chúng ta quy y Tam bảo, rồi tu tập các thiện pháp như năm giới, mười giới, bốn mươi pháp thiện, cho đến tu tập bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu, nên đã thọ quả lành trong đời sống hiện tại (hiện báo). Với sự tu học đó, nếu chúng ta sống trong một gia đình thì sẽ được những người thân thương yêu và quý trọng. Nếu chúng ta sống trong một tổ chức thì sẽ được những người

trong tổ chức đó thương yêu và quý trọng. Nếu chúng ta tu học trong một tu viện, một ngôi chùa thì sẽ được thầy tổ, huynh đệ, chị em thương yêu và quý trọng... Đây chính là nhân và quả của hiện báo.

Sinh báo: Đó là loại nghiệp nhân tạo trong đời này nhưng phải đến đời sau mới thoả mãn.

Trong đời hiện tại, chính vô minh, tham ái và chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã nên tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện được dẫn sinh qua thân, khẩu và ý. Từ đó, thức thứ tám mới lưu giữ tất cả loại nghiệp ấy gọi là *hữu* hay *hữu chi tập khí*. Giai đoạn lúc lâm chung, thì dựa vào hữu, tức chủng tử thiện và bất thiện trong thức thứ tám làm nhân để dẫn sinh chúng ta sinh vào trong các giới loại. Đây chính là nhân và quả của sinh báo.

Hậu báo: Đó là loại nghiệp nhân tạo trong đời này nhưng phải cho đến các đời sau nữa mới thoả mãn.

Trong đời hiện tại, chính vô minh, tham ái và chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã nên tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện được dẫn sinh qua thân, khẩu và ý. Từ đó, thức thứ tám mới lưu giữ tất cả loại nghiệp ấy gọi là hữu hay hữu chi tập khí. Chính những loại nghiệp nhân này không dẫn sinh quả sinh báo, mà phải đợi đến các đời sau nữa mới thành quả. Đây là nhân và quả của hậu báo.

Tóm lại, dù chúng ta là người xuất gia hay người cư sĩ tại gia đều cần phải hiểu và tin sâu nhân quả. Vì đây là một sự thật.

II. NGHIỆP BÁO

Chúng ta sống với năm thủ uẩn, tức sống với khổ đế - tập đế. Vì sống với khổ đế - tập đế nên chúng ta đã sống với nghiệp nhân và nghiệp quả trong từng ý niệm. Bởi năm thủ uẩn chuyển động tương tục nên chúng ta có thể tạo nghiệp thiện hay nghiệp bất thiện để dẫn đến quả vui, hoặc quả khổ trong đời sống hiện tại.

Trong Kinh Đức Phật dạy: “*Này Thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyền thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có liệt, có ưu*” (Trung Bộ Kinh, số 135, Tiểu Kinh Nghiệp Phân Biệt).

“*Sự sai biệt đa dạng của thế gian là sản phẩm bởi nghiệp, đó là tư và sở tác bởi tư. Tư chính là ý nghiệp*” (Bài tụng của Câu Xá Luận).

1. Nội dung

Định nghĩa

Nghiệp là gì? Nghiệp là hành động có tác ý từ tâm để dẫn sinh thông qua lời nói của miệng và hành động của thân gọi là tam nghiệp.

Vậy, định nghĩa về nghiệp chính là những hành động của thân, lời nói của miệng có tác ý từ tâm.

Cho nên, trong *Trung A-hàm*, kinh *Tư*, số 15, Đức Phật dạy: “*Nếu có kẻ nào cố ý tạo nghiệp, Ta nói rằng kẻ ấy phải thọ lấy quả báo, hoặc thọ ngay trong đời hiện tại, hoặc thọ vào đời sau. Nếu tạo nghiệp mà không cố ý, Ta nói rằng người ấy không nhất thiết phải thọ quả báo.*”

2. Phân loại nghiệp

Thiện nghiệp

Từ nơi tâm có chánh kiến và chánh tư duy để dẫn sinh qua lời nói của miệng và hành động của thân được gọi là thiện nghiệp.

Từ nơi 11 tâm sở thiện, đó là tín, t菦m, quý, vô tham, vô sân, vô si, tinh tấn, khinh an, bất phóng dật, hành xá, bất hại để dẫn sanh qua lời nói của miệng và hành động của thân được gọi là thiện nghiệp.

Đức Phật dạy: “*Thế nào là pháp trí tuệ? Người trí tuệ có ba sự kiện: sự tướng, tiêu thức và ấn tượng trí tuệ. Tức là người đã thành tựu trí tuệ nên nói là trí tuệ.*

Những gì là ba? Người trí tuệ suy nghĩ với ý nghĩ thiện, nói lời nói thiện và làm việc thiện. Vì là người trí tuệ nên được nói là trí tuệ vậy.

Nếu kẻ trí chẳng nghĩ điều thiện, không nói lời thiện và không làm việc thiện, thì người trí làm sao biết được họ là trí? Vì người có trí tuệ nghĩ thì nghĩ thiện, nói thì nói thiện và làm thì làm thiện nên người có trí được nói là kẻ trí”.

“Lại nữa, người trí kia hành thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành. Người ấy sau khi hành thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, tất đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Kẻ kia đã sanh lên đó rồi, cảm thọ quả báo lành, hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý, khả niêm. Nếu ai nghĩ rằng: ‘Nơi nào hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý, khả niêm, nơi đó được nói là thiện xứ.’ Vì sao? Vì chốn lành kia, hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý, khả niêm”.

Bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo rời chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo bên phải chắp tay hướng về Phật mà bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, thiện xứ là thế nào?”

Thế Tôn đáp: “Này Tỳ-kheo, thiện xứ thì không thể nói hết được, nghĩa là nói về sự hoan lạc nơi thiện xứ. Chỉ có thể nói rằng nơi thiện xứ chỉ có hoan lạc”.

Tỳ-kheo lại hỏi: “Bạch Thế Tôn, xin Ngài có thể dùng ví dụ để dễ hiểu nghĩa ấy chẳng?”

Thế Tôn đáp: “Cũng có thể dùng ví dụ để làm rõ nghĩa ấy. Ví dụ Chuyển luân vương thành tựu bảy báu và bốn như ý túc của loài người. Này Tỳ-kheo, ý ngươi nghĩ sao? Chuyển luân vương kia thành tựu đầy đủ bảy báu và bốn như ý túc của loài người, nơi vua kia nhân đó thân tâm có lãnh tho hỷ lạc cùng cực chẳng?”

Tỳ-kheo đáp: “Bạch Thế Tôn, nếu ai thành tựu được một như ý túc loài người còn lãnh tho hỷ lạc cùng cực, huống nữa là chuyển luân vương thành tựu hết bảy báu và bốn như ý túc loài người, há chẳng phải là lãnh tho hỷ lạc cùng cực đó sao?”

Bấy giờ, Thế Tôn tay cầm viên đá nhỏ bằng hạt đậu hỏi Tỳ-kheo: “Ngươi thấy viên đá nhỏ bằng hạt đậu mà Ta cầm trong tay chẳng?”

Tỳ-kheo đáp: “Bạch Thế Tôn, có thấy”.

Thế Tôn lại hỏi: “Tỳ-kheo, ý Ông nghĩ sao? Viên đá nhỏ như hạt đậu mà Ta cầm đây đem so với Tuyết son vương cái nào lớn hơn?”

Tỳ-kheo đáp: “Bạch Thế Tôn, viên đá nhỏ như hạt đậu mà Thế Tôn cầm đó đem so với Tuyết son vương thật quá nhỏ, nhỏ gấp trăm gấp ngàn, gấp vạn lần không thể so

sánh kịp, không thể tính toán, không thể so sánh được, chỉ nói là Tuyết Sơn Vương rất lớn, quá lớn thôi”.

Thế Tôn lại bảo: “Nếu viên đá nhỏ như hạt đậu mà Ta cầm đây đem so với Tuyết Sơn Vương, nó thật quá nhỏ, nhỏ gấp trăm gấp ngàn, gấp vạn lần, trọn không thể so sánh kịp, không thể tính toán, không thể ví dụ được, chỉ nói là Tuyết Sơn Vương rất lớn, quá lớn thôi. Cũng vậy, này Tỳ-kheo, nếu Chuyển luân vương đã thành tựu đầy đủ bảy báu và bốn như ý túc, nơi vua kia thân tâm cảm tho hỷ lạc cùng cực; đem so sánh với hỷ lạc ở cõi trời, nó thật quá nhỏ, nhỏ gấp trăm gấp ngàn vạn lần, không thể so sánh kịp, không thể tính toán, không thể ví dụ được. Nghĩa là hoan lạc nơi thiện xứ, chỉ hoàn toàn hoan lạc thôi”.

“Tỳ-kheo, thế nào là sự hoan lạc nơi thiện xứ? Có thiện thiện xứ gọi là sáu xúc. Chúng sanh sanh vào trong đó, khi đã sanh đến đó rồi, hoặc sắc được thấy bởi sắc, mắt, khả hỷ, khả ý, khả niêm, ý nhuần ái, ý thiện lạc, thì đó là thiện xứ. Tiếng được nghe nơi tai, hương được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, sự xúc chạm nơi thân, pháp được biết bởi ý; khả hỷ, khả lạc, khả ý, khả niêm, ý nhuần ái thì đó là nhuần ái, ý thiện lạc thì đó là thiện lạc. Như vậy gọi là sự hoan lạc ở thiện xứ”.

“Này Tỳ-kheo, Ta đã dùng vô số phương tiện để nói về thiện xứ, nói sự việc ở nơi thiện xứ cho các ngươi nghe. Song sự hoan lạc nơi thiện xứ kia không thể nào nói hết được. Chỉ nói là nơi thiện xứ hoàn toàn chỉ có hoan lạc mà thôi”.

“Này Tỳ-kheo, nếu người trí tuệ kia, có khi từ thiện xứ sanh xuống, hoặc sanh nhằm nhà rất giàu sang, tiền tài vô

số, nuôi nhiều tội tú và súc mục, phong hộ, thực ấp, thóc lúa đầy đủ và biết bao các thứ nhu dụng sinh tồn khác. Họ là người hạng nào? Là nhà đại trưởng giả cư sĩ, nhà trưởng giả dòng Sát-lị, nhà trưởng giả dòng Bà-la-môn và các nhà đại phú gia khác, tiền của vô số, nuôi nhiều tội tú và súc mục, phong hộ, thực ấp, thóc lúa đầy đủ, và biết bao các thứ nhu dụng sinh tồn khác. Sanh nhầm nhà như vậy, đoan nhiều người kính thuận, danh vang cùng khắp, có oai đức lớn, nhiều người kính mến, nhiều người nhắc đến. Rồi người ấy lại hành thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành. Sau khi hành thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành rồi, do nhân duyên đó khi thân hoại mang chung trở lại thiên xứ, sanh lên thiên giới” (Trung A-hàm, Kinh Si Tuệ Địa, số 199 do Hòa Thượng Tuệ Sỹ dịch).

Ác nghiệp

Từ nơi tâm có tà kiến và tà tư duy để dẫn sanh qua lời nói của miệng và hành động của thân được gọi là bất thiện nghiệp.

Từ nơi các căn bản phiền não, đó là tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến và các tùy phiền não để dẫn sanh qua lời nói của miệng và hành động của thân được gọi là bất thiện nghiệp.

Đức Phật dạy:

“*Thế nào là pháp ngu si? Người ngu si có ba: sự tướng, tiêu thức ngu si và ấn tượng ngu si. Tức là người thành tựu sự ngu si thì nói là ngu si.*

Những gì là ba? Người ngu si suy tư bằng tư niêm ác, nói bằng lời nói ác, và làm việc ác. Do đó, người ngu si

được gọi là ngu si. Nếu người ngu si không suy nghĩ ý nghĩ ác, không nói lời nói ác, và không làm việc ác, như vậy thì làm sao người ngu si được nói là ngu si? Vì người ngu si suy nghĩ ý nghĩ ác, nói lời nói ác và làm việc làm ác, cho nên người ngu si được nói là ngu si” (Trung A-hàm, Kinh Kinh Si Tuệ Địa số 199, do Hòa Thượng Tuệ Sỹ dịch).

Trong kinh *Anh Vũ số 170 (Trung A-hàm)*, Đức Phật đã dạy cụ thể về những nghiệp nhân để dẫn sinh nghiệp quả như sau: “*Bạch Cù Đàm, do nhân gì, do duyên gì, chúng sanh kia đều thọ thân người mà có người cao kẻ thấp, có người đẹp kẻ xấu. Vì sao vậy? Bạch Cù Đàm, tôi thấy có kẻ sống lâu, người chết yếu; có kẻ nhiều bệnh, người ít bệnh; lại thấy có kẻ thân hình đoan chánh, có người không đoan chánh; lại thấy có kẻ có oai đức, người không oai đức; lại thấy có kẻ sanh nhầm dòng dõi tôn quý, có người sanh nhầm dòng dõi ti tiện; lại thấy có kẻ giàu có, có người nghèo hèn; lại thấy có kẻ thiện trí, có người ác trí.*

Đức Thế Tôn trả lời:

Chúng sanh kia do nơi hành nghiệp của chính mình, nhân bởi nghiệp mà thọ báo, duyên vào nghiệp, y nơi nghiệp, tùy theo nơi nghiệp xứ có cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt đẹp.

Anh Vũ Ma-nap Đô-đế Tử bạch Thế Tôn rằng:

Sa-môn Cù-Đàm nói vắn tắt quá, không phân biệt một cách rộng rãi, tôi không thể hiểu hết được. Mong Sa-môn Cù-Đàm nói một cách rộng rãi cho tôi nghe để tôi được hiểu rõ ý nghĩa.

Đức Thế Tôn bảo:

Này Ma-nap, hãy nghe kỹ và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt một cách rõ ràng cho Ông nghe.

Anh Vũ Ma-nap Đô-đế Tử bạch: Kính vâng, tôi xin vâng lời lắng nghe. Đức Phật nói:

Này Ma-nap, do nhân gì, do duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất ngắn ngủi?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào sát sanh, hung dữ, cực ác, uống máu, ý nghĩ ác hại, không có tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh, cho đến các loài côn trùng. Người ấy lãnh thọ nghiệp này, tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mẫn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào nhân gian, tuổi thọ rất ngắn ngủi.

Vì sao vậy? Con đường này đưa đến nhận lãnh sự đoản thọ, nghĩa là kẻ nam hay người nữ sát sanh, hung dữ, cực ác, uống máu. Này Ma-nap, nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nap, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất dài?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát, bỏ hẳn dao gậy, có tâm tam, có tâm quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến loài côn trùng. Người ấy thọ nghiệp này, tạo tác nghiệp ấy đầy đủ rồi đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên lành, sanh vào trong cõi trời. Mẫn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian, thọ mạng rất dài.

Vì sao vậy? Con đường này đưa đến nhận lãnh sự trường thọ, nghĩa là kẻ nam hay người nữ xa lìa nghiệp

sát, đoạn tuyệt nghiệp sát. Nay Ma-nap nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Nay Ma-nap, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ đa phần có tật bệnh?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nhiều hại chúng sanh; người ấy hoặc nắm tay, hoặc dùng cây đá, hoặc dùng dao gậy nhiều hại chúng sanh. Người ấy thọ nghiệp này, tạo thành nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mẫn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, chịu nhiều tật bệnh. Vì sao vậy? Con đường này đưa đến chỗ chịu nhiều bệnh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào nhiều hại chúng sanh Ma-nap nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Nay Ma-nap, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có tật bệnh?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không nhiều hại chúng sanh, người ấy không dùng tay nắm, không dùng cây đá, không dùng dao gậy nhiều hại chúng sanh. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mẫn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, không có tật bệnh.

Vì sao vậy? Con đường này đưa hướng thọ không tật bệnh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào nhiều hại chúng sanh Ma-nap nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Nay Ma-nap, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có thân hình không đoạn chánh?

Nếu có kẻ nam hay người nữ mà tánh nóng nảy, hay bực dọc, vừa nghe chút ít đã nổi cơn giận dữ, nổi ganh ghét mà sanh lo buồn, nổi thịnh nộ tranh chấp. Người ấy thọ lấy nghiệp này, tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mẫn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, hình thể không đoan chánh.

Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo hình thể không đoan chánh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào tánh nóng nảy, hay bực dọc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có thân hình đoan chánh?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào tánh không nóng nảy, không hay bực dọc, người ấy nghe lời nói êm ái hay thô bỉ cục cằn không nổi cơn giận dữ, không ganh ghét sanh ra buồn rầu, không nổi thịnh nộ tranh chấp. Người ấy thọ nghiệp, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mẫn kiếp ở cõi trời lại sanh vào nhân gian, hình thể đoan chánh.

Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo hình thể đoan chánh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào tánh không nóng nảy, không nhiều bực dọc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có oai đức?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào bên trong ôm lòng tật đố; người ấy thấy kẻ khác được cung kính, cúng dường

liền sanh lòng tật đố; nếu thấy kẻ khác có của thì muốn làm sao của ấy được về mình. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mẫn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào trong nhân gian, không có oai đức.

Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến tho báo không có oai đức, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào bên trong ôm lòng tật đố. Ma-nap nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nap, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có oai đức lớn?

Nếu có kẻ nam hay người nữ không ôm lòng tật đố, người ấy thấy kẻ khác được cung kính cúng đường không sanh lòng tật đố. Nếu thấy kẻ khác có của, không có lòng ham muốn của ấy được về ta. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mẫn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, có oai đức lớn.

Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến tho báo có oai đức, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào không ôm lòng tật đố. Ma-nap nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nap, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ sanh vào dòng dõi ti tiện?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào kiêu ngạo, ngã man, người đáng cung kính thì không cung kính, đáng tôn trọng thì không tôn trọng, đáng quý thì không quý, đáng phung thờ thì không phung thờ, đáng cúng đường thì không cúng đường, đáng nhường lối thì không nhường lối, đáng

nhiều chỗ ngồi thì không những chỗ ngồi, đáng chấp tay hướng về lỗ bái, thăm hỏi thì không chấp tay hướng về lỗ bái, thăm hỏi. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mẫn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, sanh nhầm dòng dõi ti tiện.

Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo sanh nhầm dòng dõi ti tiện, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào kiêu ngạo, đại man. Ma-nap nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nap, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ sanh nhầm dòng dõi tôn quý?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không có lòng kiêu ngạo, đại man, người đáng cung kính thì cung kính, đáng tôn trọng thì tôn trọng, đáng quý thì quý, đáng phungthora thì phungthora, đáng cúng đường thì cúng đường, đáng nhường lối thì nhường lối, đáng nhường chỗ thì nhường chỗ, đáng chấp tay hướng về lỗ bái, thăm hỏi thì chấp tay hướng về lỗ bái, thăm hỏi. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mẫn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian nhầm dòng dõi tôn quý.

Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo sanh nhầm dòng dõi tôn quý, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào không kiêu ngạo, đại man. Ma-nap nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nap, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có cửa cải?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không làm thí chủ, không thực hành bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, cho kẻ nghèo cùng đơn độc ở xa đến xin những thứ như đồ ăn, thức uống, quần áo, mền, vòng hoa, hương thoa, nhà cửa, giường chõng, đèn dầu và sai dịch. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mẫn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, không có của cải.

Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo không có của cải, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào không biết làm người thí chủ, không thực hành bố thí. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có nhiều của cải?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào biết làm người thí chủ, biết thực hành bố thí. Người ấy bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn và kẻ nghèo cùng, cô độc từ xa tới xin những thứ như đồ ăn, thức uống, áo quần, mền, vòng hoa, hương thoa, nhà cửa, giường chõng, đèn dầu và sai dịch. Người ấy thọ nhận nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mẫn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian, có nhiều của cải.

Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo có nhiều của cải, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào làm người chủ bố thí, biết thực hành hạnh bố thí. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có trí tuệ kém cỏi?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không thường đến nơi kia hỏi việc. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn danh đức, người ấy không thường đến nơi đó hỏi đạo nghĩa rằng: Thưa Chư Tôn, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là không tội? Thế nào là vi diệu, thế nào là không vi diệu? Thế nào là trắng? Thế nào là đen? Trắng đen từ đâu sanh ra? Ý nghĩa của quả báo hiện tại như thế nào? Ý nghĩa của quả báo vị lai như thế nào? Ý nghĩa quả báo hậu thế là người hay bố thí như thế nào?

Giả sử có hỏi nhưng không chịu thực hành. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mẫn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, có trí tuệ kém cỏi.

Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo trí tuệ kém cỏi, nghĩa là kẻ nam hay người nữ ấy không có thường đến nơi kia hỏi việc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có trí tuệ tốt đẹp?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào thường hay đến nơi kia hỏi việc. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn danh đức, người ấy thường đến nơi ấy mà hỏi đạo nghĩa rằng: Thưa Chư Tôn, thế nào là nghiệp thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là tội? Thế nào là không tội? Thế nào là vi diệu, thế nào là không vi diệu? Thế nào là trắng? Thế nào là đen? Trắng và đen từ đâu sanh ra? Ý nghĩa của quả báo hiện tại là thế nào? Ý nghĩa của quả báo vị lai là thế nào? Ý nghĩa quả báo hậu thế như thế nào? Hỏi xong lại thường thực

hành. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mang chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời, mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian, có trí tuệ tốt đẹp.

Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo có trí tuệ tốt đẹp, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào thường hay đến nơi kia hỏi việc. Ma-nap nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Ma-nap nên biết, tạo tác nghiệp tương xứng với đoản thọ, tất chịu đoản thọ. Tạo nghiệp tương xứng với trường thọ, tất được trường thọ. Tạo tác nghiệp tương xứng với nhiều tật bệnh, tất phải chịu nhiều tật bệnh. Tạo ác nghiệp tương xứng với ít tật bệnh, tất được ít tật bệnh. Tạo tác nghiệp tương xứng với sự không đoan chánh, tất phải thọ sự không đoan chánh. Tạo tác nghiệp tương xứng với đoan chánh, tất được đoan chánh. Tao tác nghiệp tương xứng với không oai đức, tất phải chịu không oai đức. Tao tác nghiệp tương xứng với oai đức, tất được oai đức. Tao tác nghiệp tương xứng với dòng dõi ti tiện, tất phải sanh nhảm dòng dõi ti tiện. Tao tác nghiệp tương xứng với dòng dõi tôn quý, tất được sanh vào dòng dõi tôn quý. Tao tác nghiệp tương xứng với không của cải, tất bị không của cải. Tao tác nghiệp tương xứng với nhiều của cải, tất được nhiều của cải. Tao tác nghiệp tương xứng với trí tuệ kém cỏi, tất bị trí tuệ kém cỏi. Tao tác nghiệp tương xứng với trí tuệ tốt đẹp, tất được trí tuệ tốt đẹp.

Này Ma-nap, đó là những điều Ta đã nói từ trước rằng: Chúng sanh do hành nghiệp của chính mình, do nghiệp mà

thọ báo, duyên nơi nghiệp, tùy theo nghiệp xứ cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt đẹp”.

Trong *Trung A-hàm*, Kinh *Đại Phân Biệt Nghiệp*, Đức Phật dạy một người khi chết được dẫn sinh bởi các nghiệp như sau: “*Này A-nan, nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoai mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Ấy là nếu trước kia nó đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do sự không xả ly, không thủ hộ, cho nên ở trong đời hiện tại thọ báo xong, họ sanh về nơi đó (cõi lành). Hoặc do hậu báo cho nên người kia không vì nhân này, không vì duyên này mà thân hoai mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, do xả ly và thủ hộ nên chưa tiêu hết, cần phải thọ báo ở chốn lành; kia do nhân này, duyên này cho nên thân hoai mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc khi chết khởi các tâm, và tâm sở hữu pháp thuộc thiện tương ứng với chánh kiến; kia nhờ nhân này, duyên này, thân hoai mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy”.*

“*Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoai mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Người ấy do trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, do sự xả ly, thủ hộ cho nên ở trong đời hiện tại họ thọ báo xong, cho nên sanh về nơi đó. Hoặc do bởi hậu báo cho nên họ*

không vì nhân này, duyên này mà thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do không xả ly và không thủ hộ nên chưa tiêu hết, phải thọ báo ở địa ngục; họ do nhân này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc khi chết sanh tâm và các tâm sở hữu pháp bất thiện tương ứng với tà kiến, do nhân này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy”.

“Này A-nan, nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Kia do chính nhân này, duyên này thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do sự không xả ly, không thủ hộ mà chưa tiêu hết, nên phải thọ báo ở địa ngục; kia do nhân này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc khi chết sanh các tâm và tâm sở hữu pháp bất thiện tương ứng với tà kiến, kia do nhân này, duyên này thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy”.

“Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Kia nhở chính nhân

này, duyên này thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, nhờ có xả ly, có thủ hộ mà chưa tiêu hết, phải được thọ báo thiện; kia nhờ nhân này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc đến lúc chết sanh các tâm và tâm sở hữu pháp thiện tương ứng với chánh kiến, kia do nhơn này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy” (Trung A-hàm, Kinh Đại Phân Biệt Nghiệp, Hòa hượng Tuệ Sỹ dịch).

Đức phật dạy một người khi chết được dẫn sinh bởi các loại nghiệp như sau:

Hạng người thứ nhất

Nếu có một người sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, nói thô ác, nói lưỡi đồi chiêu, nói lời thêu dệt, tham, sân và tà kiến, khi lâm chung thì vị này sinh vào cõi lành. Sự kiện này có bốn nguyên nhân:

1. Khi chết, vị này không nương vào nghiệp nhân hiện tại để thọ quả, vì nghiệp nhân hiện tại vị ấy thọ quả đã hết.

2. Trong các đời quá khứ, vị này đã tạo các thiện nghiệp nhưng vì các thiện nghiệp đó là nhân thuộc quả của hậu báo, cho nên khi chết nương vào nhân ấy để dẫn sinh về cõi lành.

3. Trong nhiều đời quá khứ, vị này đã tạo các thiện nghiệp, có những thiện nghiệp đã chín thành quả, nhưng

cũng có những nghiệp nhân chưa thành quả nên khi lâm chung y vào nghiệp nhân này để dẫn sinh về cõi lành.

4. Khi giai đoạn lâm chung, tâm vương và tâm sở của vị này sinh khởi chánh kiến nên nương vào nhân này để dẫn sinh về cõi lành.

Hạng người thứ hai

Nếu có một người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không nói thô ác, không nói lưỡi đồi chiêu, không nói lời thêu dệt, không tham, không sân và không tà kiến, khi lâm chung thì vị này sinh vào cõi xấu. Quả báo này có bốn nguyên nhân:

1. Khi chết, vị này không nương vào nghiệp nhân hiện tại để thọ quả, vì nghiệp nhân hiện tại vị ấy thọ quả đã hết.

2. Trong các đời quá khứ, vị này đã tạo các bất thiện nghiệp nhưng vì các bất thiện nghiệp đó là nhân thuộc quả của hậu báo, cho nên khi chết nương vào nhân ấy dẫn sinh về cõi xấu.

3. Trong nhiều đời quá khứ, vị này đã tạo các bất thiện nghiệp, có những bất thiện nghiệp đã chín thành quả, nhưng cũng có những nghiệp nhân bất thiện chưa thành quả nên khi lâm chung y vào nghiệp nhân này để dẫn sinh về cõi xấu.

4. Khi giai đoạn lâm chung tâm vương và tâm sở của vị này sinh khởi tà kiến nên nương vào nhân này để dẫn sinh về cõi xấu.

Hạng người thứ ba

Nếu có một người sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, nói thô ác, nói lưỡi đồi chiêu, nói lời thêu dệt, tham, sân và tà kiến, khi lâm chung thì vị này sinh vào cõi xấu. Sự kiện này có ba nguyên nhân:

1. Khi chết, vị này nương vào nghiệp nhân hiện tại để dẫn sinh vào cõi xấu.
2. Trong các đời quá khứ, vị này đã tạo các bất thiện nghiệp nhưng vì các bất thiện nghiệp đó là nhân thuộc quả của hậu báo, cho nên khi chết dẫn sinh về cõi xấu.
3. Khi giai đoạn lâm chung, tâm vương và tâm sở của vị này sinh khởi tà kiến nên nương vào nhân này dẫn sinh về cõi xấu.

Hạng người thứ tư

Nếu có một người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không nói thô ác, không nói lưỡi đồi chiêu, không nói lời thêu dệt, không tham, không sân và không tà kiến, khi lâm chung thì vị này sinh vào cõi lành. Quả báo này có ba nguyên nhân:

1. Khi chết, vị này nương vào nghiệp nhân hiện tại để dẫn sinh vào cõi lành.
2. Trong các đời quá khứ, vị này đã tạo các thiện nghiệp nhưng vì các thiện nghiệp đó là nhân thuộc quả của hậu báo, cho nên khi chết nương vào nhân ấy dẫn sinh về cõi lành.

3. Khi giai đoạn lâm chung, tâm vương và tâm sở của vị này sinh khởi chánh kiến, nương vào nhân này nên dẫn sinh về cõi lành.

Tóm lại: Trong tiến trình sinh tử luân hồi, chúng ta đã từng sinh ra đời rồi chết đi hàng triệu triệu lần mà không thể nào dùng toán số để tính đếm được. Hiểu được điều đó nên chúng ta cần phải dụng công tu tập tất cả thiện nghiệp, đoạn trừ tất cả nghiệp bất thiện. Bởi nhân bất thiện sẽ dẫn sinh quả khổ; nhân thiện sẽ dẫn đến quả lành. Vì vậy, để chấm dứt quả sinh và lão-tử trong các giới loại, thì chúng ta phải kiến đạo, tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu. Vì lãnh hội được chánh kiến vô lậu nên chúng ta không còn sinh vào các cõi xấu, mà thẳng tiến tu tập để thành tựu các thánh quả. Vì Đức Phật đã dạy: "*Ta chưa từng thấy một vị đệ tử của Ta kiến đạo mà phải trải qua đời thứ tam*", tức tối đa chỉ bảy đời là thành tựu quả vị A-la-hán.